



Mã nhận dạng 00663

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16GB_01

Tổ Thi 001_DH16GB_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL							0012345678910	0123456789
2	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD	Chiến		10	10	6,8	8,1	0012345678910	0123456789
3	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC	Duy		9,0	7,6	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
4	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			8,0	9,2	8,8	8,8	0012345678910	0123456789
5	16115031	Lê Văn Đồng	DH16CB			9,0	9,3	3,8	6,0	0012345678910	0123456789
6	18454007	Huỳnh Ngọc Hiếu	LT18OT			10	10	6,5	7,9	0012345678910	0123456789
7	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD			9,5	10	9,3	9,5	0012345678910	0123456789
8	17154028	Phạm Từ Hùng	DH17OT			5,0	9,0	1,3	4,0	0012345678910	0123456789
9	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT			9,0	7,0	3,8	5,3	0012345678910	0123456789
10	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL			9,0	9,6	5,5	7,1	0012345678910	0123456789
11	13115232	Cáp Hữu Hùng	DH13CB			9	4,5	8,5	6,5	0012345678910	0123456789
12	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			10	10	9,8	9,9	0012345678910	0123456789
13	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			7,0	10	6,8	7,8	0012345678910	0123456789
14	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL			8,0	10	8,0	8,6	0012345678910	0123456789
15	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			10	10	9,8	9,9	0012345678910	0123456789
16	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			10	9,0	4,8	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00663

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16GB_01

Tổ Thi 001_DH16GB_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	13115071	Dương Công Minh	DH13CB			10	3,3	3,8	4,3	0012345678910	0123456789
18	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			9,0	9,2	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
19	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			10	10	6,5	7,9	0012345678910	0123456789
20	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			7,0	10	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
21	17154066	Đình Xuân Nhật	DH17OT			9,0	10	3,3	5,9	0012345678910	0123456789
22	17115076	Huỳnh Thị Kiều Nhi	DH17GB			9,0	10	9,3	9,5	0012345678910	0123456789
23	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			10	10	9,8	9,9	0012345678910	0123456789
24	17115080	Dương Ngọc Ni	DH17GB			9,0	10	5,5	7,2	0012345678910	0123456789
25	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			8,0	9,2	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
26	17115083	Hồ Trọng Phú	DH17GB			9,0	10	7,5	8,4	0012345678910	0123456789
27	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			7,0	10	4,5	6,4	0012345678910	0123456789
28	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT			10	7,2	9,3	8,7	0012345678910	0123456789
29	15115124	Nguyễn Minh Phụng	DH15GB			7,0	4,8	3,5	4,2	0012345678910	0123456789
30	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT			8,0	6,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
31	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			9,0	8,8	6,3	7,3	0012345678910	0123456789
32	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT			9,0	8,8	2,8	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00663

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16GB_01

Tổ Thi 001_DH16GB_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17115100	Bùi Thị Thu	Thảo	DH17GB		10	10	9,3	9,6	0012345678910	0123456789
34	16154086	Bùi Xuân	Thắng	DH16OT		9,0	9,2	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
35	17153073	Nguyễn Minh	Toàn	DH17CD		9,0	10	5,5	7,2	0012345678910	0123456789
36	15137064	Đỗ Bảo	Trọng	DH15NL						0012345678910	0123456789
37	15153070	Lê Bá	Trọng	DH15CD		8,0	9,5	5,5	7,0	0012345678910	0123456789
38	17137075	Lê Khắc	Trung	DH17NL						0012345678910	0123456789
39	18454011	Lê Sỹ Đình	Trung	LT18OT		10	10	6,0	7,6	0012345678910	0123456789
40	17118126	Nguyễn Thành	Trung	DH17CC		9,0	5,0	3,3	4,4	0012345678910	0123456789
41	17115141	Trần Thị Hải	Yến	DH17GB		10	10	6,5	7,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 38 Số sinh viên vắng 3...

Ngày 14 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Ngày in : 07/07/2020

Phạm Minh Hiền

TS. Lê Thị Tiên

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 00664

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CKC_02

Tổ Thi 001_DH18CKC_02

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			10		9	9,2	0012345678910	0123456789
2	18118191	Trần Hải Đăng	DH18CKC			10		9	9	0012345678910	0123456789
3	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			7,5		8	7,9	0012345678910	0123456789
4	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			10		8,5	8,8	0012345678910	0123456789
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			10		7	7,6	0012345678910	0123456789
6	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			10		4	5,2	0012345678910	0123456789
7	18118205	Trần Duy Khang	DH18CKC			10		9	8	0012345678910	0123456789
8	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			10		8	8,4	0012345678910	0123456789
9	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			7,5		8	7,9	0012345678910	0123456789
10	18118209	PhạmBùi Hải Long	DH18CKC			10		9	9,2	0012345678910	0123456789
11	18118210	PhạmTrung Long	DH18CKC			5		7,5	7,0	0012345678910	0123456789
12	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			10		7	7,6	0012345678910	0123456789
13	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			0		7,5	6,0	0012345678910	0123456789
14	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			10		8,5	8,8	0012345678910	0123456789
15	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			10		8,5	8,8	0012345678910	0123456789
16	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			7,5		7	7,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00664

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi 001_DH18CKC_02

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118218	Phạm Văn Tỉnh	DH18CKC			0		4	3,2	0012345678910	0123456789
18	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			7,5		8,5	8,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 16 Số sinh viên vắng 02

Ngày 21 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Nguyễn Đức Khuyến

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 00514



Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT	<i>AmL</i>	1001	1	8,5	7,5	6,3	0012345678910	0123456789
2	18137002	Nguyễn Công Bảo	DH18NL							0012345678910	0123456789
3	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL	<i>ĐB</i>	1003	8,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
4	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK	<i>Ch</i>	1004	8	6	7	7,1	0012345678910	0123456789
5	18118013	Nguyễn Đức Công	DH18CK							0012345678910	0123456789
6	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL	<i>Cương</i>	1006	8	9	9	8,8	0012345678910	0123456789
7	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT	<i>Dy</i>	1007	6	7,5	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
8	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK	<i>Duy</i>	1008	1	7,5	7	5,9	0012345678910	0123456789
9	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK	<i>Th</i>	1009	4	8,5	8	7,3	0012345678910	0123456789
10	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT	<i>Đat</i>	1010	8	8,5	7	7,4	0012345678910	0123456789
11	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK	<i>Đuc</i>	1011	4	8	7	6,5	0012345678910	0123456789
12	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT	<i>Giang</i>	1012	10	8,5	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
13	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT	<i>Giàu</i>		1	8,5	9	7,4	0012345678910	0123456789
14	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT	<i>Hieu</i>	1014	8	8,5	9	8,8	0012345678910	0123456789
15	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL	<i>Hieu</i>	1015	6	8	7	6,9	0012345678910	0123456789
16	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK	<i>H</i>	1016	8	9	8	8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00514



Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL		1018	6	8,5	9	8,4	0012345678910	0123456789
18	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK		1018	8	9	8	8,1	0012345678910	0123456789
19	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL		1019	8	8,5	9	8,8	0012345678910	0123456789
20	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT		1020	10	8,5	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
21	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK		1021	8	8,5	7	7,4	0012345678910	0123456789
22	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK		1022	4	8,5	6	5,9	0012345678910	0123456789
23	18154050	Võ Nguyễn Gia Huy	DH18OT							0012345678910	0123456789
24	18118051	Bùi Huynh	DH18CK		1024	6				0012345678910	0123456789
25	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK							0012345678910	0123456789
26	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT		1026	4	8,5	9,5	8,5	0012345678910	0123456789
27	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT		1027	8	8,5	6	6,7	0012345678910	0123456789
28	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK		1028	4	8	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
29	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT		1029	4	8,5	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
30	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK		1030	4	8	6	5,8	0012345678910	0123456789
31	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK		1031	8	8	9	8,7	0012345678910	0123456789
32	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK		1032	1	7	5	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00514



Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT		33	4	8	8	7,2	0012345678910	0123456789
34	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK		34	1	7	6,5	5,5	0012345678910	0123456789
35	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK							0012345678910	0123456789
36	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL		36	8	8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
37	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT		37	4	8	0	1,6	0012345678910	0123456789
38	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT		1038	8	8,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
39	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT		1039	6	8	7	6,9	0012345678910	0123456789
40	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD		1040	8	8,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
41	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL		1116	4	7,5	2	3,0	0012345678910	0123456789
42	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL		1102	4	8,5	3	3,8	0012345678910	0123456789
43	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK		1103	8	8,5	7	7,4	0012345678910	0123456789
44	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK		1106	6				0012345678910	0123456789
45	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK		1105	6	8,5	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
46	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL		1106	4	9	9	8,0	0012345678910	0123456789
47	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK		1102	6	8	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
48	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK		1108	8	9	7	7,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00514



Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT		1109	1	8	8	6,6	0012345678910	0123456789
50	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK		1110	8	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
51	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK		1111	8	7,5	7	7,3	0012345678910	0123456789
52	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD		1112	8	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
53	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL		1113	2	8,5	1	2,0	0012345678910	0123456789
54	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK		1114	1	7	6	5,1	0012345678910	0123456789
55	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK		1115	8	8,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
56	18118132	Nguyễn Quốc Thắng	DH18CK							0012345678910	0123456789
57	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL		1117	8	9	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
58	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK		1118	2	8	5	4,8	0012345678910	0123456789
59	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK		1119	8	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
60	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK		1120	8	9	5	5,6	0012345678910	0123456789
61	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK		1121	1	8,5	6	5,8	0012345678910	0123456789
62	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC		1122	1	9	7	6,0	0012345678910	0123456789
63	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC		1123	1	8,5	5	4,6	0012345678910	0123456789
64	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00514



Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18118159	Nguyễn Lê Minh Trí	DH18CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL	112	1126	8	8	9	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC	Đúng	1127	8	8	9	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK	+	1128	8	7,5	6	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK	Trường	1129	6	8	6,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK	Tuan	1130	6	8,5	7,7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK	Tuan	1131	4	8	6,5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK	Viết	1132	6	8,5	9,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK	Vinh	1133	8	7,5	9	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK	Kim	1134	6	8,5	6,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL	Yên	1125	6	9	9,5	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nhiệm vụ

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng



Mã nhận dạng 00670

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ cơ khí(207122)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi **001_DH19CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **01/09/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC	<i>Bao</i>		10	5,6	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC	<i>Cu</i>		10	4,8	2,3	3,8	0012345678910	0123456789
3	19118289	Bùi Quốc Đại	DH19CKC							0012345678910	0123456789
4	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC	<i>Đat</i>		9,0	5,4	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
5	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC	<i>Huc</i>		10	5,1	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
6	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC	<i>Long</i>		8,0	4,1	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
7	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC	<i>DK</i>		9,5	6,7	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
8	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC	<i>TC</i>		10	6,5	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
9	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC	<i>nha</i>		10	5,7	4,3	3,5	0012345678910	0123456789
10	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC	<i>phuc</i>		8,0	5,6	4,0	3,1	0012345678910	0123456789
11	19118299	Lê Hoàng Thiên Phúc	DH19CKC							0012345678910	0123456789
12	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC	<i>Qui</i>		9,0	5,8	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
13	19118304	Phan Sáng	DH19CKC	<i>Sang</i>		10	6,3	1,5	3,8	0012345678910	0123456789
14	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC	<i>Sam</i>		9,0	6,4	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
15	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC	<i>Tr</i>		10	6,4	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
16	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC	<i>Tr</i>		10	5,2	4,5	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00670

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ cơ khí(207122)** Số Tin Ch **2**
Nhóm Thi **DH19CKC_01** Tổ Thi **001_DH19CKC_01** Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**
Ngày Thi **01/09/2020** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **HD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 11 Số sinh viên vắng 2....

Ngày 01 Tháng 09 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Phạm Minh Hiền

TS. Võ Văn Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 00516

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	<i>anh</i>		10	9	9	9,2	0012345678●10	01●3456789
2	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK	<i>AL</i>		3	7	8	6,9	0012345●78910	012345678●
3	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC	<i>Thế</i>		10	9	8	8,5	001234567●910	01234●6789
4	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC	<i>Hoàng</i>		10	8	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
5	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD	<i>Bao</i>		10	9	8,5	8,9	001234567●910	012345678●
6	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC	<i>Bao</i>		3	8	8,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
7	16137005	Quách Đình Cẩm	DH16NL	<i>Cam</i>		10	9	8,5	8,9	001234567●910	012345678●
8	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC	<i>Chm</i>		10	8	9	9,1	0012345678●10	0●23456789
9	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD	<i>Ch</i>		6,5	8	9	8,4	001234567●910	0123●56789
10	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC	<i>Dung</i>		6,5	7	9	8,3	001234567●910	012●456789
11	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD	<i>Duy</i>		10	8	9	9,1	0012345678●10	0●23456789
12	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD	<i>D</i>		10	9	8,5	8,9	001234567●910	012345678●
13	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	<i>lu</i>		3	8	9	7,7	00123456●8910	0123456●89
14	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD	<i>M</i>		10	8	9	9,1	0012345678●10	0●23456789
15	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC						✓	●012345678910	0123456789
16	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC	<i>Duy</i>		3	6	8	6,8	0012345●78910	01234567●9



Mã nhận dạng 00516

Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
17	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL			10	7	9	9,0	0012345678●10	●123456789
18	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			10	8,5	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
19	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			3	8	8,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
20	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			1	9	8	6,7	0012345●78910	0123456●89
21	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			3	9	6	5,7	001234●678910	0123456●89
22	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			3	8	6	5,6	001234●678910	012345●789
23	17153013	Hà Công Định	DH17CD			10	9	9	9,2	0012345678●10	01●3456789
24	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			3	8	9	7,7	00123456●8910	0123456●89
25	18118025	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CC						✓	●012345678910	0123456789
26	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			3	8	9	7,7	00123456●8910	0123456●89
27	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD			3	8	9	7,7	00123456●8910	0123456●89
28	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD			10	✓		✓	●012345678910	0123456789
29	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			10	8	7	7,7	00123456●8910	0123456●89
30	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			3	9	9	7,8	00123456●8910	01234567●9
31	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			10	9	9	9,2	0012345678●10	01●3456789
32	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL			3	8	9	7,7	00123456●8910	0123456●89



Mã nhận dạng 00516

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			3	9	9	7,8	0012345678910	0123456789
34	18118077	Thết Chủ Long	DH18CC			6,5	5	9	8,1	0012345678910	0123456789
35	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			10	9	6	7,1	0012345678910	0123456789
36	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			1	6	9	7,1	0012345678910	0123456789
37	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mi	DH17CK			10	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
38	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			3	7	8,5	7,3	0012345678910	0123456789
39	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			3	V			0012345678910	0123456789
40	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD			1	8	1,7	2,2	0012345678910	0123456789
41	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD			10	8	9	9,1	0012345678910	0123456789
42	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			3	8	6	5,6	0012345678910	0123456789
43	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			10	8	9	9,1	0012345678910	0123456789
44	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			10	8	7	7,7	0012345678910	0123456789
45	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			3	8	8,5	7,4	0012345678910	0123456789
46	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC			10	9	9	9,2	0012345678910	0123456789
47	16118123	Nguyễn Tông Quân	DH16CC			10	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
48	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			10	8	7	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00516

Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
49	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			8	7	6	5,5	0012345678910	0123456789
50	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			10	9	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
51	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			3	6	9	7,5	0012345678910	0123456789
52	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			10	8	9	9,1	0012345678910	0123456789
53	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			3	8	6	5,6	0012345678910	0123456789
54	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			10	8	9	9,1	0012345678910	0123456789
55	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			3	7	8,5	7,3	0012345678910	0123456789
56	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			10	9	9	9,2	0012345678910	0123456789
57	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD			6,5	9	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
58	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			1	9	8	6,7	0012345678910	0123456789
59	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			3	6	9	7,5	0012345678910	0123456789
60	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			10	8	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
61	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC							0012345678910	0123456789
62	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			10	V			0012345678910	0123456789
63	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			10	8	8	8,4	0012345678910	0123456789
64	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD			10	9	1	3,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00516

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC	Tuấn		10	7	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
66	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC	Tùng		1	8	9	7,3	0012345678910	0123456789
67	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC	Tuyên		10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
68	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC	Phú		6,5	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
69	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC	Phúc		3	8	9	7,7	0012345678910	0123456789
70	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC	Long		3	9	8,5	7,5	0012345678910	0123456789
71	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD	Vũ		3	5	5,5	5,0	0012345678910	0123456789
72	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL	An Hoàng		10	8	8	8,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng



Mã nhận dạng 00517

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			5,5	2,4		7,9	0012345678910	0123456789
2	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
3	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
4	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD			4,8	2,4		7,2	0012345678910	0123456789
5	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
6	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT			6,2	2,4		8,6	0012345678910	0123456789
7	17153013	Hà Công Định	DH17CD			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
8	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
9	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			5,5	2,4		7,9	0012345678910	0123456789
10	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
11	17154028	Phạm Tử Hùng Hiếu	DH17OT			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
12	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD			5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789
13	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
14	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
15	17154061	Phan Thị Hoài Nhã	DH17OT			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
16	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00517

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
18	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD			5,9	2,4		8,3	0012345678910	0123456789
19	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			5,1	2,5		7,6	0012345678910	0123456789
20	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			5,8	2,8		8,6	0012345678910	0123456789
21	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			5,8	2,6		8,4	0012345678910	0123456789
22	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
23	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
24	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
25	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
26	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD			5,2	2,4		7,6	0012345678910	0123456789
27	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT			5,8	2,3		8,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

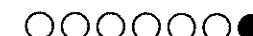
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Văn Thiệp

N. V. Kiệp

Phan Anh Tuấn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	DH17OT			6,2	2,8		9,0	0012345678910	0123456789
2	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD			5,5	2,8		8,3	0012345678910	0123456789
3	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT			6,2	2,6		8,8	0012345678910	0123456789
4	17153010	Vương Quốc Viết Chí	DH17CD			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
5	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			5,5	2,8		8,3	0012345678910	0123456789
6	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
7	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
8	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
9	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT			6,2	2,5		8,7	0012345678910	0123456789
10	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
11	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD			5,9	2,6		8,5	0012345678910	0123456789
12	17154033	Ngô Minh Hoàng	DH17OT			6,2	2,5		8,7	0012345678910	0123456789
13	17154034	Nguyễn Tấn Hùng	DH17OT			6,2	2,5		8,7	0012345678910	0123456789
14	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
15	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			6,2	2,5		8,7	0012345678910	0123456789
16	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00518



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD			6,2	2,5		8,7	0012345678910	0123456789
18	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
19	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			6,2	2,6		8,8	0012345678910	0123456789
20	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			6,2	2,5		8,7	0012345678910	0123456789
21	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
22	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			5,2	2,4		7,6	0012345678910	0123456789
23	17154070	Nguyễn Thanh Phong	DH17OT			6,2	2,5		8,7	0012345678910	0123456789
24	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD			6,2	2,4		8,6	0012345678910	0123456789
25	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			6,2	2,6		8,8	0012345678910	0123456789
26	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			3,2	2,5		5,7	0012345678910	0123456789
27	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
28	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
29	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
30	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			6,2	2,8		9,0	0012345678910	0123456789
31	17138058	Nguyễn Đình Trọng	DH17TD			V	V		V	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 04

Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 22/06/2020 11:21



Mã nhận dạng 00519

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118013	Lai Hàm Châu	DH17CC			5,4	2,4		7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			4,7	2,5		7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	17137018	Phạm Ngô Ngọc	DH17NL			5,5	2,5		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	17118024	Lê Văn Dữ	DH17CK			5,7	2,4		8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			6,4	2,6		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			5,5	2,5		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			5,2	2,5		7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			5,5	2,4		7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD			6,1	2,5		8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			5,5	2,4		7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			5,5	2,4		7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			5,5	2,4		7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			5,4	2,5		7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			6,4	2,5		8,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK			6,4	2,5		8,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			5,5	2,5		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 09

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
18	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			6,4	2,4		8,8	0012345678910	0123456789
19	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
20	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			6,1	2,4		8,5	0012345678910	0123456789
21	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT			6,1	2,4		8,5	0012345678910	0123456789
22	14154059	Phạm Văn Thức	DH14OT			5,4	2,5		7,9	0012345678910	0123456789
23	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiền	DH17CC			5,2	2,5		7,7	0012345678910	0123456789
24	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			6,4	2,5		8,9	0012345678910	0123456789
25	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT			6,1	2,5		8,6	0012345678910	0123456789
26	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 00520



Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK			5,7	2,5		8,2	0012345678910	0123456789
2	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			6,1	2,5		8,6	0012345678910	0123456789
3	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			4,8	2,8		7,6	0012345678910	0123456789
4	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
5	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
6	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			5,2	2,5		7,7	0012345678910	0123456789
7	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			6,1	2,5		8,6	0012345678910	0123456789
8	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			5,5	2,4		7,9	0012345678910	0123456789
9	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT			5,8	2,5		8,3	0012345678910	0123456789
10	17118046	Trần Khải	DH17CK			5,5	2,4		7,9	0012345678910	0123456789
11	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			5,7	2,4		8,1	0012345678910	0123456789
12	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			5,2	2,5		7,7	0012345678910	0123456789
13	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
14	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
15	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
16	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			5,2	2,5		7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00520



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			5,2	2,4		7,6	0012345678910	0123456789
18	16118123	Nguyễn Tòng Quân	DH16CC			5,1	2,5		7,6	0012345678910	0123456789
19	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			5,5	2,4		7,9	0012345678910	0123456789
20	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			5,2	2,6		7,8	0012345678910	0123456789
21	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			5,2	2,4		7,6	0012345678910	0123456789
22	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			5,2	2,4		7,6	0012345678910	0123456789
23	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
24	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			6,1	2,4		8,5	0012345678910	0123456789
25	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			5,2	2,4		7,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 11

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	DH17CKC		5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	DH17CKC		5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á	Đông	DH17CKC		5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	DH17CKC		5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh	Hoàng	DH17CKC		5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh	Huy	DH17CKC		5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân	Minh	DH17CKC		5,2	2,6		7,8	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	DH17CKC		5,5	2,4		7,9	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	DH17CKC		5,5	2,5		8,0	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	DH17CKC		5,5	2,6		8,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 10

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

WZ
S. V. H. H. H. H.

N. V. Kiệp

~~Phan Minh Hien~~

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			4,2	2		6,2	0012345678910	0123456789
2	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
3	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
4	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD			5,9	2		7,9	0012345678910	0123456789
5	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
6	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			5,9	2,3		8,2	0012345678910	0123456789
7	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
8	17153013	Hà Công Định	DH17CD			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
9	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK			6,2	2,8		9,0	0012345678910	0123456789
10	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD			5,5	2,3		7,8	0012345678910	0123456789
11	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
12	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
13	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD			6,4	2,4		8,8	0012345678910	0123456789
14	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			5,6	2		7,6	0012345678910	0123456789
15	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
16	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00522



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
18	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
19	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
20	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			5,5	2,4		7,9	0012345678910	0123456789
21	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
22	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
23	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT			5	2,6		7,6	0012345678910	0123456789
24	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			6,2	2		8,2	0012345678910	0123456789
25	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			5,6	2,5		8,1	0012345678910	0123456789
26	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
27	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
28	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

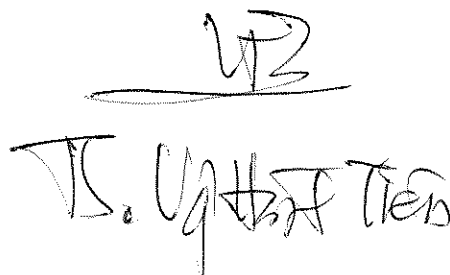
Cán bộ coi thi 1

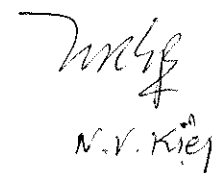
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Lê Thị Tiên


N.V. Kiệp



Mã nhận dạng 00523



Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC			5,6	2,6		8,2	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC			6,2	2,5		8,7	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC			5,9	2,3		8,2	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC			5	2,8		7,8	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái VI	DH17CKC			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 00672

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ học lý thuyết(207133)

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tô Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 31/08/2020

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC	<i>Loao</i>		0,75	2,25	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC	<i>Cu</i>		0,3	2,0	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
3	19118289	Bùi Quốc Đại	DH19CKC	<i>(Cân thi)</i>						0012345678910	0123456789
4	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC	<i>Đat</i>		0,0	2,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
5	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC	<i>Do</i>		1,5	2,0	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
6	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC	<i>Do</i>		1,5	1,75	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
7	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC	<i>gheo</i>		1,3	1,75	5,25	8,3	0012345678910	0123456789
8	19118295	Huỳnh Tấn HỌc	DH19CKC	<i>Hoc</i>		0,0	2,0	1,3	3,3	0012345678910	0123456789
9	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC	<i>Do</i>		0,5	2,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
10	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC	<i>Do</i>		0,25	2,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
11	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC	<i>Nha</i>		0,0	2,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
12	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC	<i>Phuc</i>		0,0	1,0	1,8	2,8	0012345678910	0123456789
13	19118299	Lê Hoàng Thiên Phúc	DH19CKC	<i>(Cân thi)</i>						0012345678910	0123456789
14	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC	<i>Qui</i>		0,0	2,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
15	19118304	Phan Sáng	DH19CKC	<i>Sung</i>		0,5	2,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
16	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC	<i>Sam</i>		0,0	2,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00672

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ học lý thuyết(207133)

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 31/08/2020

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 75%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC			0,5	1,75	3,75	6,0	0012345678910	0123456789
18	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			0,5	2,0	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
19	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			1,0	2,0	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
20	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			0,25	2,0	3,75	6,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 4%. Số sinh viên vắng 2...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Vũ Hào Tiếp

Phạm Minh Tiến

Nguyễn Văn Công Chính

Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 00674

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **05/09/2020**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15115010	Nguyễn Đăng Báu	DH15GB			8,0	6,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
2	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK							0012345678910	0123456789
3	15115057	Hoàng Tăng Hoài	DH15CB			5,0	7,2	5,3	5,8	0012345678910	0123456789
4	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			8,0	0	2,0	2,0	0012345678910	0123456789
5	19118077	Phạm Văn Hoàng	DH19CC			5,0	0	2,5	2,0	0012345678910	0123456789
6	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			8,0	7,9	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
7	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			10	6,4	5,3	6,1	0012345678910	0123456789
8	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			8,0	7,8	8,3	8,1	0012345678910	0123456789
9	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			0	0	2,0	1,2	0012345678910	0123456789
10	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			8,0	8,2	5,8	6,7	0012345678910	0123456789
11	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			8,0	8,0	6,8	7,3	0012345678910	0123456789
12	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			10	8,3	7,8	8,2	0012345678910	0123456789
13	19118103	Mai Hoàng KHải	DH19CC			8,0	7,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
14	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC			6,0	8,2	3,3	5,0	0012345678910	0123456789
15	19118105	Lý Nhât Khang	DH19CC			10	7,6	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
16	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC			8,0	7,7	6,3	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00674

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **05/09/2020**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118110	Lâm Hào	Khôn	DH19CC		8,0	7,8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
18	19118115	Phù Thiết	Ki	DH19CC		8,0	6,2	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
19	19118117	Nguyễn Trường	Lâm	DH19CC		8,0	6,0	3,8	4,9	0012345678910	0123456789
20	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC		8,5	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
21	19118131	Lê Hoàng	Long	DH19CC		10	8,1	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
22	19118134	Lý Kim	Luân	DH19CC		6,5	6,2	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
23	19118139	Đinh Minh	Mẫn	DH19CC		8,0	7,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
24	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	DH19CC		10	7,5	2,8	4,9	0012345678910	0123456789
25	19118154	Phạm Minh	Nghĩa	DH19CC		8,0	7,8	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
26	19118161	Lê Dương Thiện	Nhân	DH19CC						0012345678910	0123456789
27	19118162	Nguyễn Duy Trọng	Nhân	DH19CC		9	3,8	1,3	1,9	0012345678910	0123456789
28	19118164	Trần Thanh	Nhân	DH19CC		10	7,2	4,8	6,0	0012345678910	0123456789
29	19118170	Nguyễn Hoàng	Ninh	DH19CC		8,5	8,4	7,3	7,8	0012345678910	0123456789
30	19118173	Bùi Trung	Phong	DH19CC		8,0	6,6	5,3	6,0	0012345678910	0123456789
31	19118178	Phạm Hoàng	Phong	DH19CC		5,0	1,6	4,5	3,7	0012345678910	0123456789
32	19118179	Nguyễn Lê	Phú	DH19CC		8,0	7,0	5,3	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00674

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **05/09/2020**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC	<i>Phước</i>		6,5	7,8	6,3	6,8	0012345678910	0123456789
34	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC	<i>Quân</i>		5,0	5,3	3,5	4,2	0012345678910	0123456789
35	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC	<i>Quân</i>		6,0	5,0	2,3	3,5	0012345678910	0123456789
36	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC	<i>Sang</i>		5,0	5,7	5,8	5,7	0012345678910	0123456789
37	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC	<i>Tài</i>		8,5	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
38	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC	<i>Tấn</i>		6,5	5,8	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
39	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC	<i>Thanh</i>		8,0	7,3	7,3	7,4	0012345678910	0123456789
40	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC	<i>Thanh</i>		8,0	6,8	5,8	6,3	0012345678910	0123456789
41	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC							0012345678910	0123456789
42	19118218	Lê Thế Thảo	DH19CC							0012345678910	0123456789
43	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC	<i>Tha</i>		10	7,4	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
44	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC	<i>Thư</i>		8,5	8,0	6,3	7,0	0012345678910	0123456789
45	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC	<i>Tiến</i>		10	5,7	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
46	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC	<i>Toại</i>		8,5	6,8	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
47	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT	<i>Toàn</i>		10	7,3	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
48	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC	<i>Toàn</i>		10	6,6	3,5	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00674

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch **3**

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **05/09/2020**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 36 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			10	8,0	8,3	8,14	0012345678910	0123456789
50	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			8,0	7,5	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
51	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			6,5	6,0	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
52	19118255	Ngô Thanh Trung	DH19CC							0012345678910	0123456789
53	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			8,0	8,1	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
54	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			8,0	8,2	8,3	8,2	0012345678910	0123456789
55	19118265	Dương Hữu Tuấn	DH19CC							0012345678910	0123456789
56	19118268	Trần Nguyễn Anh Tuấn	DH19CC							0012345678910	0123456789
57	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC			8,0	5,7	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
58	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			5,0	4,0	3,0	3,5	0012345678910	0123456789
59	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			8,0	7,2	4,5	5,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 52 Số sinh viên vắng ...

Ngày 10 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 07/07/2020

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	Anh		6,5	7,5	7,9	7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			3	8	6,5	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			7,5	7,5	7	7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT	hau		6,5	9	8,7	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18118006	Triệu Xuân Bách	DH18CK							●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD							●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC	Bao		8,5	8	8	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			5	8	6	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC	cho		6,5	8	5	5,6	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
10	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD							●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT	Don		6,5	8,5	7,2	7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK	Danh		7	7,5	4,5	5,3	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK	Don		8,5	8	8	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK	Doi		7,5	8	7	7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC	Dung		4	7,5	3,5	4,0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	Du		5,5	4	4,5	4,7	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨



Mã nhận dạng 00524



Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			6,5	7	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
18	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			3,5	7	6	5,6	0012345678910	0123456789
19	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			7,5	7	6	6,4	0012345678910	0123456789
20	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			7	8,5	7,2	7,3	0012345678910	0123456789
21	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			7,5	8,5	6	6,6	0012345678910	0123456789
22	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			5,5	6,5	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
23	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			8,5	7	8	8,0	0012345678910	0123456789
24	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT			5,5	8	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
25	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			6,5	7,5	4	4,9	0012345678910	0123456789
26	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC			6,5	7	6,7	6,7	0012345678910	0123456789
27	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD			7,5	8	5	5,8	0012345678910	0123456789
28	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			7,5	9	6,7	7,1	0012345678910	0123456789
29	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD			6,5	8	6	6,3	0012345678910	0123456789
30	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			5,5	8,5	4	4,8	0012345678910	0123456789
31	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			5	8,5	6	6,1	0012345678910	0123456789
32	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			5,5	8,5	7,2	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00524

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			7	8,5	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
34	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			6,5	7	4,7	5,3	0012345678910	0123456789
35	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			5	8,5	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
36	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			5,5	8,5	4	4,8	0012345678910	0123456789
37	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			8	7,5	6	6,6	0012345678910	0123456789
38	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC			3,5	7,5	5	5,0	0012345678910	0123456789
39	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			6	8,5	8	7,7	0012345678910	0123456789
40	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			7	8,5	5	5,8	0012345678910	0123456789
41	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			2,5	✓		✓	0012345678910	0123456789
42	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			4	6,5	4,5	4,6	0012345678910	0123456789
43	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			5,5	7	5	5,3	0012345678910	0123456789
44	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			7	7,5	5	5,7	0012345678910	0123456789
45	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			6,5	7,5	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
46	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			6	✓		✓	0012345678910	0123456789
47	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK						✓	0012345678910	0123456789
48	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			6,5	6,5	4,5	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00524



Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	14118062	Đỗ Văn Tào	DH15CK			5	8	4	4,6	0012345678910	0123456789
50	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			8	7	5,7	6,3	0012345678910	0123456789
51	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD							0012345678910	0123456789
52	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			5	8,5	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
53	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			5,5	8	7	6,8	0012345678910	0123456789
54	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			6,5	7,5	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
55	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			5	4,5	5	5,0	0012345678910	0123456789
56	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			6,5	7,5	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
57	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT			6,5	8,5	4	5,0	0012345678910	0123456789
58	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			5,5	8,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
59	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			7	7,5	6	6,4	0012345678910	0123456789
60	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			7	7,5	5	5,7	0012345678910	0123456789
61	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			5,5	7	5	5,3	0012345678910	0123456789
62	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			3,5	8	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
63	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			7,5	8,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
64	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			5	7	4,5	4,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			5,5	7,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
66	18118153	Nguyễn Trọng	DH18CK							0012345678910	0123456789
67	18154124	Nguyễn Hữu	DH18OT			5	8,5	5	5,4	0012345678910	0123456789
68	18137043	Nguyễn Văn	DH18NL			7	7,5	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
69	18118164	Lê Minh	DH18CC			7	7	6	6,3	0012345678910	0123456789
70	18118166	Nguyễn Quốc	DH18CC			7	7,5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
71	18118167	Phạm Tấn	DH18CK			6,5	8	5	5,6	0012345678910	0123456789
72	18118169	Nguyễn Xuân	DH18CK			5,5	8	6	6,1	0012345678910	0123456789
73	18118171	Đặng Minh	DH18CC			5	7,5	5	5,3	0012345678910	0123456789
74	18118176	Tổng Văn	DH18CC			5,5	7	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
75	18118180	Trần Văn	DH18CC			5	6,5	5	5,2	0012345678910	0123456789
76	18118182	Ngô Văn	DH18CK			7	9	8,7	8,4	0012345678910	0123456789
77	18118183	Nguyễn Hồ Phú	DH18CC			3	7	6	5,5	0012345678910	0123456789
78	18118185	Trần Phúc	DH18CC			8	8,5	7	7,4	0012345678910	0123456789
79	18118186	Hoàng Long	DH18CC			2	7,5	6	6,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 22/06/2020 11:21

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng



Mã nhận dạng 00525

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118004	Nguyễn Xuân Anh	DH19CK						/	0012345678910	0123456789
2	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK	<i>[Signature]</i>		6	6	5	5,3	0012345678910	0123456789
3	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK	<i>[Signature]</i>		2	3	2	2,1	0012345678910	0123456789
4	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5	6	5	5,1	0012345678910	0123456789
5	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5,5	7	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
6	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5	7,5	5,7	5,8	0012345678910	0123456789
7	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK	<i>[Signature]</i>		4	6,5	3	3,6	0012345678910	0123456789
8	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT	<i>[Signature]</i>		5	8	6,7	6,5	0012345678910	0123456789
9	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT	<i>[Signature]</i>		5,5	7,5	5	5,4	0012345678910	0123456789
10	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5	7	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
11	19118050	Nguyễn Ngọc Duy	DH19CK						/	0012345678910	0123456789
12	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5	6	5	5,1	0012345678910	0123456789
13	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK	<i>[Signature]</i>		6,5	8	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
14	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK	<i>[Signature]</i>		6	6,5	5	5,4	0012345678910	0123456789
15	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT	<i>[Signature]</i>		6	7,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
16	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK	<i>[Signature]</i>		4	7	7	6,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			6,5	7,5	7,2	7,1	0012345678910	0123456789
18	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT							0012345678910	0123456789
19	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			6	9	6	6,3	0012345678910	0123456789
20	19118067	Phạm Trung Hiếu	DH19CK							0012345678910	0123456789
21	19154048	Trần Hòa	DH19OT			7,5	7,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
22	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT							0012345678910	0123456789
23	19118070	Nguyễn Văn Hoan	DH19CK			5	6	4	4,4	0012345678910	0123456789
24	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK			4	6,5	6	5,7	0012345678910	0123456789
25	19118073	Lưu Minh Hoàng	DH19CK							0012345678910	0123456789
26	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			5	7	3	3,8	0012345678910	0123456789
27	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			5	8	6	6,0	0012345678910	0123456789
28	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT			7	8	6	6,4	0012345678910	0123456789
29	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK							0012345678910	0123456789
30	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT							0012345678910	0123456789
31	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT			2,5	7	6	5,4	0012345678910	0123456789
32	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT			3	6	5	4,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00525

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118109	Trần Đăng Khoa	DH19CK						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK	<i>[Signature]</i>		3,5	7	5,5	5,3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5	7,5	5	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5,5	6	5	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5,5	8	5	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK	<i>[Signature]</i>		7,5	7	6,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5	/	/	/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5,5	8,5	6	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK	<i>[Signature]</i>		3	7,5	5	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK	<i>[Signature]</i>		4,5	1	1	1,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT	<i>[Signature]</i>		5	6	5	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK	<i>[Signature]</i>		6,5	9	6	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK	<i>[Signature]</i>		4,5	6	4	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT	<i>[Signature]</i>		5	8,5	5	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00525

Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK	Quang		3				● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK	Thanh		5	7	5	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
52	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT	Sang		6,5	8,5	5	5,7	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
53	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT	Minh		6,5	7,5	5,7	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT	Trí		5	7,5	5	5,3	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
56	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK	Thắng		5	6	4	4,4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
57	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK	Xuân			4			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT	Hữu		7,5	8	6	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
59	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK	Kế		4	3	2	2,5	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
60	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC	Thành		5	6	3	3,7	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
61	19154163	Lê Minh Tiến	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT	Tín		6,0	7,5	3,5	4,4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
64	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK	Hữu		3,5	7,5	6	5,7	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9



Mã nhận dạng 00525



Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118242	Phan Đăng Hoài	Tinh	DH19CK		5,5	6,5	5	5,3	0012345678910	0123456789
66	19154174	Nguyễn Văn	Triệu	DH19OT		5,5	7	5	5,3	0012345678910	0123456789
67	19118257	Trương Minh	Trung	DH19CK		3,5	/	/	/	0012345678910	0123456789
68	19118259	Nguyễn Đức	Trường	DH19CK		5	9	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
69	19154176	Nguyễn Lập	Trường	DH19OT		4	7	5	5,0	0012345678910	0123456789
70	19118260	Nguyễn Nhật	Trường	DH19CC		5	8	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
71	19118264	Cao Linh	Tuấn	DH19CK		4	5	3	3,4	0012345678910	0123456789
72	19154180	Nguyễn Hữu	Tuấn	DH19OT					/	0012345678910	0123456789
73	19118271	Phạm Bá	Tường	DH19CK		5	8	5	5,3	0012345678910	0123456789
74	19118272	Nguyễn Quốc	Vĩ	DH19CK		5,5	/	/	/	0012345678910	0123456789
75	19118274	Tăng Quốc	Việt	DH19CK		5,5	8,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
76	19118276	Phạm Thái Bảo	Vinh	DH19CK		5,5	5	5	5,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng



Mã nhận dạng 00676

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học (20/2140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			0,75	2,0	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
2	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			0,0	2,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
3	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			1,5	2,0	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
4	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			0,8	1,0	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
5	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			0,0	1,25	1,25	2,5	0012345678910	0123456789
6	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			0,75	1,75	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
7	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD			1,5	2,0	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
8	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			0,75	2,25	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
9	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			1,5	2,0	2,3	5,8	0012345678910	0123456789
10	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			1,5	1,5	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
11	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			1,5	2,0	5,0	8,5	0012345678910	0123456789
12	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			1,5	2,0	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
13	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			0,75	1,75	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
14	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			1,0	2,0	0,0	3,0	0012345678910	0123456789
15	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			0,0	1,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
16	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT			0,25	1,0	0,75	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00676

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi

001_DH19CD_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD	Hải		0,75	2,25	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
18	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT	Hậu		1,0	1,75	4,25	7,0	0012345678910	0123456789
19	19153019	Bùi Anh Hiếu	DH19CD	Hiếu		0,0	1,3	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
20	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD	Hiếu		0,75	1,75	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
21	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD	hoài		0,8	1,0	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
22	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL	Hoàng		1,0	2,0	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
23	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL	Hồ		1,5	2,0	0,8	4,3	0012345678910	0123456789
24	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD	Huy		0,8	2,0	1,0	3,8	0012345678910	0123456789
25	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL	Huy		0,5	2,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
26	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD	Khải		1,0	2,25	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
27	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT	khải		0,75	2,0	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
28	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD	khay		1,0	2,3	1,0	4,3	0012345678910	0123456789
29	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD	Khoa		0,5	2,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
30	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT	Kh		0,75	2,0	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
31	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD	Kh		0,0	1,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
32	19137038	Phạm Đình Khôi	DH19NL	khoy		0,25	2,25	1,5	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00676

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi

001_DH19CD_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			1,0	2,25	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
34	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			1,3	2,0	1,5	4,8	0012345678910	0123456789
35	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			1,5	2,25	0,75	4,5	0012345678910	0123456789
36	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL			1,5	2,0	1,8	5,3	0012345678910	0123456789
37	19153037	Đinh Văn Quyền	DH19CD			1,3	2,0	0,0	3,3	0012345678910	0123456789
38	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL			1,5	2,25	3,75	7,5	0012345678910	0123456789
39	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC							0012345678910	0123456789
40	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL			1,0	2,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
41	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK							0012345678910	0123456789
42	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			0,0	1,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
43	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD			0,0	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
44	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			1,25	2,25	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
45	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			0,0	1,75	2,25	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00676

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2) Số Tin Ch 3
Nhóm Thi DH19CD_01 Tổ Thi 001_DH19CD_01 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 03/09/2020 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi CT102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 1.2 Số sinh viên vắng 0.2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

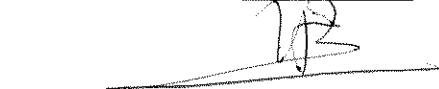
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Vương Thành Tiên


Kiên Văn Đức


Nguyễn Văn Công


TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 00677

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: **Tính học & động lực học**(20/3/40)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi

002_DH19CD_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi **03/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153045	Bùi Hoàng Phước	Nghĩa	DH19CD	<i>Nguyễn</i>	0,0	1,0	0,8	1,8	0002345678910	0123456789
2	17118067	Lý Thái	Nguyên	DH17CC	<i>Nguyễn</i>	1,5	2,0	4,0	7,5	0012345678910	0123456789
3	19154102	Nguyễn Cao	Nguyên	DH19OT						0012345678910	0123456789
4	19153049	Võ Văn	Nhất	DH19CD	<i>Như</i>	1,25	2,25	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
5	19137048	Hoàng Công	Nhật	DH19NL						0012345678910	0123456789
6	19153050	Lê Quang	Nhật	DH19CD						0012345678910	0123456789
7	19153052	Đỗ Văn Tình	Nhỏ	DH19CD	<i>A</i>	0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
8	19153053	Nguyễn Vương	Nhật	DH19CD	<i>Như</i>	0,0	1,3	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
9	19153061	Nguyễn Hồng	Phúc	DH19CD	<i>Phúc</i>	0,75	1,75	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
10	19118183	Phạm Công	Phương	DH19CK	<i>Phúc</i>	0,0	1,25	0,75	2,0	0012345678910	0123456789
11	19118184	Phạm Minh	Phương	DH19CK	<i>Phúc</i>	0,5	1,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
12	19118188	Bùi Nguyễn	Quang	DH19CC	<i>Quang</i>	1,5	1,5	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
13	13153186	Trần Minh	Quang	DH13CD	<i>Quang</i>	1,5	1,5	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
14	16137064	Huỳnh Anh	Quân	DH16NL	<i>Quân</i>	1,5	2,0	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
15	19153063	Lăng Hồng	Quân	DH19CD	<i>Quân</i>	0,0	1,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
16	17137058	Ngô Thành	Quý	DH17NL	<i>Quân</i>	1,5	1,75	2,75	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00677

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi

002_DH19CD_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD	<i>Quý</i>		0,5	1,25	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
18	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK	<i>Quyết</i>		1,5	1,75	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
19	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD	<i>Sang</i>		1,25	1,25	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
20	19153069	Lương Bảo Thái	DH19CD							0012345678910	0123456789
21	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK	<i>Thanh</i>		0,0	1,5	0,8	2,3	0012345678910	0123456789
22	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT	<i>Bảo Thanh</i>		1,5	1,5	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
23	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD	<i>Tuân</i>		1,25	2,25	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
24	16137072	Nguyễn Viết Thanh	DH16NL	<i>Thanh</i>		1,0	2,0	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
25	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD	<i>Minh</i>		0,75	2,0	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
26	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT	<i>Tất Thành</i>		1,25	2,0	5,75	9,0	0012345678910	0123456789
27	19154149	Nguyễn Phúc Thành	DH19OT							0012345678910	0123456789
28	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD	<i>Tấn</i>		0,75	2,25	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
29	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC	<i>Thanh</i>		0,0	1,3	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
30	19153076	Vũ Ngọc Thịnh	DH19CD							0012345678910	0123456789
31	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD							0012345678910	0123456789
32	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00677

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi

002_DH19CD_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153079	Hoàng Thông	DH19CD	Thong		0,8	2,0	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
34	19153080	Kiều Thuy	DH19CD	Thuy		0,5	1,5	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
35	19153081	Bùi Quang	DH19CD							0012345678910	0123456789
36	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD	Tien		0,0	2,3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
37	19153083	Giáp Trung	DH19CD	Ol		0,5	2,3	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
38	19118243	Nguyễn Tấn	DH19CC	Quinh		1,25	2,25	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
39	19154900	Nguyễn Huy	DH19OT	Tom		0,5	2,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
40	19153086	TẠ Thị Ngọc	DH19CD	An		1,25	2,25	5,5	9,0	0012345678910	0123456789
41	19153087	Đặng Nguyễn Thành	DH19CD	San		0,0	1,0	0,3	1,3	0012345678910	0123456789
42	19153089	Phạm Lê Tấn	DH19CD							0012345678910	0123456789
43	19118266	Nguyễn Công	DH19CK							0012345678910	0123456789
44	19118272	Nguyễn Quốc	DH19CK	Qu		1,5	1,0	0,8	3,3	0012345678910	0123456789
45	16137101	Phạm Văn	DH16NL	Tom		1,0	2,0	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
46	19153093	Trần Ngọc	DH19CD	Vo		1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
47	19118282	Nguyễn Quốc	DH19CK	Vu		1,5	1,8	2,0	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00677

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19CD_01 Tổ Thi 002_DH19CD_01 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 03/09/2020 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 3.6 Số sinh viên vắng 1.1

Ngày 3 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Quang Tuấn

Ngô Thành Trung

Nguyễn Văn Công Chính

Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 00678

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: **Tính học & động lực học(202140)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_02**

Tổ Thi

001_DH19CK_02

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi **03/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

PV237

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118004	Nguyễn Xuân Anh	DH19CK							0012345678910	0123456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC							0012345678910	0123456789
3	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	2,0	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
4	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK							0012345678910	0123456789
5	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK	<i>[Signature]</i>		0,3	1,0	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
6	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC	<i>[Signature]</i>		1,0	1,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
7	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
8	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,5	2,0	4,3	7,8	0012345678910	0123456789
9	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	<i>[Signature]</i>		1,0	1,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
10	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK	<i>[Signature]</i>		0,3	1,0	0,0	1,3	0012345678910	0123456789
11	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT	<i>[Signature]</i>		1,5	2,0	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
12	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT	<i>[Signature]</i>		1,5	2,0	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
13	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,5	1,75	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
14	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC	<i>[Signature]</i>		0,0	1,5	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
15	19118050	Nguyễn Ngọc Duy	DH19CK							0012345678910	0123456789
16	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK	<i>[Signature]</i>		0,0	2,3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00678

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi

001_DH19CK_02

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

PV237

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			1,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
18	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK			1,5	1,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
19	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT			1,5	2,0	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
20	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK							0012345678910	0123456789
21	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			0,5	0,5	0,3	1,3	0012345678910	0123456789
22	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT			1,5	2,25	4,25	8,0	0012345678910	0123456789
23	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			0,3	1,5	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
24	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			0,75	2,3	4,25	7,3	0012345678910	0123456789
25	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			1,0	1,75	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
26	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			0,5	2,25	0,75	3,5	0012345678910	0123456789
27	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK							0012345678910	0123456789
28	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			1,5	1,5	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
29	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT							0012345678910	0123456789
30	19118070	Nguyễn Văn Hoan	DH19CK							0012345678910	0123456789
31	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK							0012345678910	0123456789
32	19118073	Lưu Minh Hoàng	DH19CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00678

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi

001_DH19CK_02

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

PV237

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			1,0	2,0	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
34	19118079	Trần Lê Phúc	HỘI			0,3	1,5	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
35	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			1,25	2,0	0,25	3,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 25 Số sinh viên vắng 10

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 00679

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_02**

Tổ Thi

002_DH19CK_02

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi **03/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

PV400B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			0,3	1,25	0,75	2,3	0010345678910	0120456789
2	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			1,0	1,75	3,25	6,0	0012345078910	0123456789
3	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			0,0	1,8	0,5	2,3	0010345678910	0120456789
4	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL			0,25	0,5	1,25	2,0	0010345678910	0123456789
5	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			0,75	2,25	0,0	3,0	0012045678910	0123456789
6	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			0,0	2,0	0,5	2,5	0010345678910	0123406789
7	19118109	Trần Đăng Khoa	DH19CK							0012345678910	0123456789
8	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			0,0	2,3	0,5	2,8	0010345678910	0123456709
9	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			1,25	1,5	1,25	4,0	0012305678910	0123456789
10	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			1,0	2,0	0,5	3,5	0012045678910	0123406789
11	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			0,5	1,75	3,25	5,5	0012340678910	0123406789
12	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK							0012345678910	0123456789
13	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK			0,25	1,75	2,0	4,0	0012305678910	0123456789
14	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			1,0	1,75	2,25	5,0	0012340678910	0123456789
15	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			0,75	2,3	1,25	4,3	0012305678910	0120456789
16	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL			1,5	2,3	2,0	5,8	0012340678910	0123456709



Mã nhận dạng 00679

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi

002_DH19CK_02

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

PV400B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT			0,0	2,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
18	19118147	Hoàng Phương	DH19CK			0,0	1,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
19	19118148	Huỳnh Hoài	DH19CK			0,3	2,0	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
20	19118149	Lâm Nhật	DH19CK			0,0	1,0	0,5	1,5	0012345678910	0123456789
21	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT			0,3	1,0	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
22	19118151	Trần Duy Nhật	DH19CK			1,0	1,75	0,25	3,0	0012345678910	0123456789
23	19118153	Nguyễn Minh	DH19CK							0012345678910	0123456789
24	19154099	Nguyễn Trọng	DH19OT			1,5	1,75	3,25	7,0	0012345678910	0123456789
25	19154100	Trần Hoàng	DH19OT			1,5	2,0	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
26	19118158	Lê Hoàng Minh	DH19CK		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
27	19118160	Trần Bá	DH19CC			0,0	1,5	0,8	2,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng 3....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 07/07/2020

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Hồng Diệp



Mã nhận dạng 00680

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 003_DH19CK_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi PV323

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT			0,3	2,0	0,5	2,8	0010345678910	0123456789
2	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			1,3	2,5	3,0	6,8	0012345678910	0123456789
3	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK			0,75	1,5	0,25	2,5	0010345678910	0123456789
4	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			0,0	1,75	0,25	1,0	0012345678910	0123456789
5	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			0,0	1,0	0,3	1,3	0012345678910	0123456789
6	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			1,25	2,25	5,0	8,5	0012345678910	0123456789
7	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			0,25	1,75	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
8	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			0,3	1,75	0,75	2,8	0010345678910	0123456789
9	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT			1,5	1,75	4,75	8,0	0012345678910	0123456789
10	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			0,75	2,0	0,75	3,5	0012345678910	0123456789
11	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK							0012345678910	0123456789
12	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			1,0	2,25	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
13	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			1,3	1,75	0,25	3,3	0012345678910	0123456789
14	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			1,25	1,5	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
15	19154163	Lê Minh Tiến	DH19OT							0012345678910	0123456789
16	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT			1,5	1,5	2,0	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00680

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 003_DH19CK_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi PV323

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118242	Phan Đăng Hoài	Tinh	DH19CK		0,0	1,75	0,75	2,5	0010345678910	0123456789
18	19118252	Nguyễn Trần Minh	Trí	DH19CK		0,5	1,75	0,75	2,5	0010345678910	0123456789
19	19118257	Trương Minh	Trung	DH19CK		0,25	1,0	0,25	1,5	00102345678910	0123456789
20	19118259	Nguyễn Đức	Trường	DH19CK		0,75	1,75	1,5	4,0	0012305678910	0123456789
21	19118260	Nguyễn Nhật	Trường	DH19CC		1,25	2,0	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
22	19118264	Cao Linh	Tuấn	DH19CK		0,0	2,0	0,8	2,8	0010345678910	0123456789
23	19154184	Nguyễn Thanh	Tùng	DH19OT						0012345678910	0123456789
24	19118271	Phạm Bá	Tường	DH19CK		0,25	2,0	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
25	19118274	Tăng Quốc	Việt	DH19CK		0,75	2,25	1,0	4,0	0012305678910	0123456789
26	19118276	Phạm Thái Bảo	Vinh	DH19CK		0,3	1,25	0,25	1,8	00102345678910	0123456789
27	19118278	Phan Văn	Vinh	DH19CC		0,0	2,0	0,3	2,3	0010345678910	0120456789
28	19118284	Lâm Tuấn	Vý	DH19CC		1,3	2,0	1,5	4,8	0012305678910	0123456789



Mã nhận dạng 00680

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19CK_02 Tổ Thi 003_DH19CK_02 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 03/09/2020 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi PV323

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 25. Số sinh viên vắng 12.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

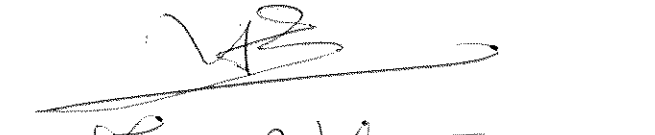
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


N.V. Kiệp


Cao Đức Lợi


Nguyễn Văn Công Chính


Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 00681

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi

001_DH19NL_03

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137001	Nguyễn Duy An	DH19NL							0012345678910	0123456789
2	19137002	Châu Thanh Hoàng	Anh	Anh		1,0	1,5	0,3	2,8	0012345678910	0123456789
3	19154001	Chu Hoàng	Anh							0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn	Anh			1,5	2,0	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
5	18153002	Trương Quốc	Anh			0,5	2,25	0,25	3,0	0012345678910	0123456789
6	16153002	Vũ Phan	Anh	Anh		0,8	2,0	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
7	18154003	Trương Long	An			0,8	1,75	2,75	5,3	0012345678910	0123456789
8	19118005	Lương Thái	Ban			0,8	1,0	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
9	19118007	Dương Gia	Bảo			0,0	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
10	19137005	Nguyễn Hữu	Chấn			1,25	1,75	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
11	19137006	Lê Ngô	Chí			1,5	2,25	2,25	6,0	0012345678910	0123456789
12	18137007	Đào Chí	Cường			0,5	1,75	0,25	2,5	0012345678910	0123456789
13	16118025	Nguyễn Châu Chí	Cường			0,5	1,5	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
14	18154019	Huỳnh Công	Danh			1,0	2,25	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
15	18118017	Nguyễn Công	Danh			0,75	1,75	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
16	16118035	Phạm Anh	Dũng			0,5	2,0	1,8	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00681

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi

001_DH19NL_03

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL			0,8	1,75	0,25	2,8	0010345678910	0123456789
18	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			0,5	2,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
19	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			0,8	1,75	0,75	3,3	0012345678910	0123456789
20	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL			0,75	1,75	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
21	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT			0,75	1,75	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
22	19137022	Phạm Văn Trí	DH19NL							0012345678910	0123456789
23	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL			0,25	1,0	2,75	4,0	0012345678910	0123456789
24	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL							0012345678910	0123456789
25	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL							0012345678910	0123456789
26	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL							0012345678910	0123456789
27	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			1,25	1,75	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
28	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT			1,5	1,3	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
29	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC							0012345678910	0123456789
30	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT			0,8	2,0	4,5	4,3	0012345678910	0123456789
31	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT			0,75	1,8	0,25	2,8	0012345678910	0123456789
32	14118190	Huỳnh Công Lâm	DH14CK			1,5	2,5	0,25	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00681

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi

001_DH19NL_03

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			1,5	2,0	4,8	8,3	0012345678910	0123456789
34	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			0,0	4,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
35	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL			0,0	0,5	0,0	0,5	0012345678910	0123456789
36	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			1,0	2,0	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
37	16118098	Nguyễn Bình Trí	DH16CK			1,5	2,0	5,0	8,5	0012345678910	0123456789
38	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			1,0	2,25	3,75	7,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 31 Số sinh viên vắng 7...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Anh Tuấn

Lê Khắc Quý

Nguyễn Văn Công Chính

B. Vương Tiên

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00682

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: **Tính học & động lực học**(208140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 002_DH19NL_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			1,0	1,75	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
2	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL			0,75	2,25	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
3	19137044	Nguyễn Hoàng An	DH19NL			0,25	2,25	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
4	14118207	Nguyễn Lê	DH14CK			1,5	1,5	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
5	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL			0,75	2,0	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
6	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			0,75	2,0	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
7	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			0,5	2,0	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
8	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			0,5	1,25	0,75	2,5	0012345678910	0123456789
9	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL							0012345678910	0123456789
10	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			0,25	1,5	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
11	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD			1,5	2,25	2,25	6,0	0012345678910	0123456789
12	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT			1,25	2,5	3,25	7,0	0012345678910	0123456789
13	19137053	Nguyễn Nhựt Quang	DH19NL							0012345678910	0123456789
14	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			1,0	2,5	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
15	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			1,5	2,0	4,3	7,8	0012345678910	0123456789
16	19137051	Phạm Trung Quân	DH19NL							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00682

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi

002_DH19NL_03

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137055	Nguyễn Thị Yến	Quyên			1,0	2,5	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
18	16118131	Trần Bảo	Sang			1,5	2,5	5,0	9,0	0012345678910	0123456789
19	19137058	Cao Tấn	Tài			0,25	1,5	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
20	19137059	Hồ Anh	Tài			0,0	1,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
21	19137062	Nguyễn Đăng	Tân			0,75	2,0	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
22	19137063	Võ Nhật	Tân							0012345678910	0123456789
23	19137066	Châu Văn	Thanh			0,3	2,5	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
24	19137068	Huỳnh Chí	Thành			1,0	2,25	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
25	19137069	Nguyễn Công	Thành			1,0	2,0	1,3	4,3	0012345678910	0123456789
26	19137070	Nguyễn Quốc	Thành			1,3	1,5	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
27	19137065	Phạm Phước	Thắng			0,0	2,3	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
28	18154117	Trương Quang	Thi							0012345678910	0123456789
29	18137040	Cao Hoàng	Thiện			0,75	1,75	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
30	18118142	Nguyễn Quang	Thìn			1,0	2,25	1,75	5,0	0012345678910	0123456789
31	19154159	Nguyễn Thanh	Thông			1,3	2,0	3,5	6,8	0012345678910	0123456789
32	19154161	Lâm Gia	Thuận			0,3	1,75	2,25	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00682

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi

002_DH19NL_03

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT			0,75	1,5	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
34	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT			1,25	1,5	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
35	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK			0,75	1,25	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
36	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL			0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
37	19137076	Phạm Ngọc Toàn	DH19NL							0012345678910	0123456789
38	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD			0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
39	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			1,0	2,5	5,5	9,0	0012345678910	0123456789
40	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			1,5	2,0	3,3	6,8	0012345678910	0123456789
41	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			0,75	2,0	1,25	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 34. Số sinh viên vắng 07.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hữu Hòa
Ngày in : 07/07/2020

Lê Quang Vinh

Nguyễn Văn Công Chính

TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 00683

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi

001_DH19OT_05

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201A

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD	Anh		1,3	1,5	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
2	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT	Anh		1,5	1,75	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
3	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL							0012345678910	0123456789
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT	Cảnh		1,25	2,0	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
5	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chiến		0,5	1,75	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
6	19118021	Hồ Thanh Chon	DH19CK							0012345678910	0123456789
7	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT	Cuong		1,0	2,25	4,75	8,0	0012345678910	0123456789
8	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT	Danh		0,5	2,25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
9	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT	Duy		1,25	1,75	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
10	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT	Duong		1,0	2,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
11	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT	Đại		1,5	2,0	4,8	8,3	0012345678910	0123456789
12	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Dat		1,25	2,25	2,8	6,3	0012345678910	0123456789
13	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT	Do		1,0	1,75	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
14	19154025	Bùi Văn Đức	DH19OT							0012345678910	0123456789
15	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT	Han		0,0	1,8	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
16	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT	Han		0,25	1,5	0,75	2,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00683

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi

001_DH19OT_05

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154042	Nguyễn Thanh Hiền	DH19OT							0012345678910	0123456789
18	19154050	Hà Ngọc Quốc	DH19OT	Hoàng		1,25	1,0	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
19	19154052	Nguyễn Thanh	DH19OT							0012345678910	0123456789
20	19137021	Phạm Công	DH19NL			0,5	1,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
21	19154060	Trần Quang	DH19OT			1,25	1,75	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
22	19154061	Trần Quang	DH19OT	Huy		1,5	2,3	1,0	4,8	0012345678910	0123456789
23	19154062	Trần Quốc	DH19OT			1,0	1,8	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
24	19154055	Bùi Phước	DH19OT			1,5	2,25	4,25	8,0	0012345678910	0123456789
25	19154066	Đoàn Duy	DH19OT			0,75	1,75	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
26	19137032	Nguyễn Hoàng	DH19NL			0,0	2,0	3,3	5,3	0012345678910	0123456789
27	19154078	Đoàn Thế	DH19OT			1,5	2,0	2,3	5,8	0012345678910	0123456789
28	19154079	Hồ Tuấn	DH19OT			0,75	2,0	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
29	19154081	Trương Bảo	DH19OT			0,5	1,8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
30	19154082	Đặng Quang	DH19OT							0012345678910	0123456789
31	19154085	Trần Cao Du	DH19OT							0012345678910	0123456789
32	19118121	Nguyễn Cảnh	DH19CK			0,8	1,5	4,5	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00683

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi

001_DH19OT_05

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201A

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT			1,25	2,0	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
34	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT			1,5	2,25	4,25	8,0	0012345678910	0123456789
35	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT			1,0	1,8	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
36	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL							0012345678910	0123456789
37	19154101	Dương Trọng Ngón	DH19OT			0,75	2,25	4,0	3,5	0012345678910	0123456789
38	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC							0012345678910	0123456789
39	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			1,3	2,25	2,25	5,8	0012345678910	0123456789
40	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			0,0	1,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
41	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			1,25	2,0	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
42	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT			1,5	1,3	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
43	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT			0,75	1,25	1,0	3,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi .34 Số sinh viên vắng .0..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00684

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: **Tính học & động lực học(202140)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi

002_DH19OT_05

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi **03/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT	<i>Phạm Minh Phương</i>		0,25	1,75	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
2	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT	<i>Võ Anh Phương</i>		0,3	1,75	1,25	3,3	0012345678910	0123456789
3	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT	<i>Nguyễn Mạnh Quang</i>		1,0	2,0	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
4	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL	<i>Huỳnh Thị Ngọc Quý</i>		1,3	2,0	4,0	7,3	0012345678910	0123456789
5	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD	<i>Lê Văn Quý</i>		1,5	1,75	2,75	6,0	0012345678910	0123456789
6	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT	<i>Nguyễn Đình Quyết</i>		0,75	2,0	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
7	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT	<i>Trần Huỳnh Ngọc Sang</i>		0,75	1,75	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
8	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL	<i>Thái Đức Sơn</i>		0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
9	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT	<i>Nguyễn Văn Sỹ</i>		1,5	1,75	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
10	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL	<i>Hoàng Nhân Tài</i>		1,25	2,0	4,25	3,5	0012345678910	0123456789
11	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT	<i>Nguyễn Văn Tài</i>		1,0	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
12	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL	<i>Lương Ngọc Tân</i>		0,5	2,3	5,0	7,8	0012345678910	0123456789
13	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT	<i>Huỳnh Anh Tấn</i>		1,5	1,8	4,0	7,3	0012345678910	0123456789
14	19154138	Đặng Văn Thái	DH19OT							0012345678910	0123456789
15	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT	<i>Nguyễn Quốc Thái</i>		1,5	2,0	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
16	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT	<i>Lê Thiện Thành</i>		1,5	1,75	3,25	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00684

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 002_DH19OT_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			1,25	2,0	4,75	8,0	0012345678910	0123456789
18	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			1,25	1,8	1,75	4,8	0012345678910	0123456789
19	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT			1,25	2,25	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
20	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			0,5	1,75	1,25	3,5	0012345678910	0123456789
21	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT			1,25	2,25	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
22	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT			1,0	2,0	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
23	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT			1,5	1,75	4,25	7,5	0012345678910	0123456789
24	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT							0012345678910	0123456789
25	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			0,5	1,75	4,25	3,5	0012345678910	0123456789
26	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT			0,75	1,75	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
27	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT			0,8	1,5	3,0	5,3	0012345678910	0123456789
28	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			0,0	1,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
29	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD			1,5	2,3	4,0	7,8	0012345678910	0123456789
30	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT			0,5	1,5	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
31	19154177	Nguyễn Nguyễn Trường	DH19OT			1,25	2,0	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
32	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			1,5	1,8	2,5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00684

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi

002_DH19OT_05

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

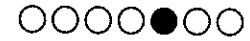
14:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT			0,3	1,75	1,25	3,3	0012345678910	0123456789
34	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT			1,5	1,8	2,0	5,3	0012345678910	0123456789
35	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT			0,0	4,5	1,8	3,3	0012345678910	0123456789
36	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			1,5	2,0	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
37	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			1,0	2,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
38	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT			0,0	1,25	2,25	3,5	0012345678910	0123456789
39	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT			1,0	2,0	1,8	4,8	0012345678910	0123456789
40	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT			0,25	2,0	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
41	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			0,75	2,3	0,25	3,3	0012345678910	0123456789
42	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT			0,5	2,0	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
43	19153092	Võ Đình Vũ	DH19CD							0012345678910	0123456789
44	19154197	Trần Thế Vy	DH19OT			1,5	1,8	2,0	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00684

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19OT_05 Tổ Thi 002_DH19OT_05 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 03/09/2020 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi TV201B

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

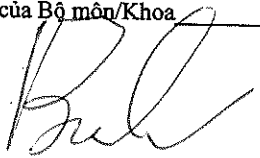
Cán bộ coi thi 1

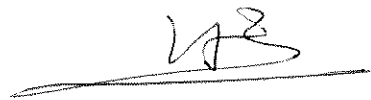
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 00685

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(208140)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_06**

Tổ Thi **001_DH19OT_06**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **03/09/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154003	Vũ Xuân	Bách	DH19OT		0,75	1,5	1,25	3,5	0012345678910	0123456789
2	19118008	Lê Đình	Bảo	DH19CC		0,75	2,0	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
3	19154005	Nguyễn Thái	Bảo	DH19OT		1,3	1,75	3,25	6,3	0012345678910	0123456789
4	19154006	Lê Nguyễn Thái	Bình	DH19OT		0,25	2,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
5	19154007	Nguyễn Văn	Bình	DH19OT		1,3	1,25	1,25	3,8	0012345678910	0123456789
6	19154014	Vũ Thành	Công	DH19OT		0,25	0,0	0,25	0,5	0012345678910	0123456789
7	19137009	Huỳnh Tấn	Cường	DH19NL		0,25	2,5	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
8	19154023	Nguyễn Tấn	Dầu	DH19OT		0,0	1,5	0,8	2,3	0012345678910	0123456789
9	14154080	Nguyễn Hoàng	Diễn	DH14OT		1,0	2,0	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
10	19137012	Nguyễn Văn	Đàm	DH19NL		0,25	2,0	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
11	19154028	Nguyễn Văn	Đức	DH19OT		1,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
12	19154035	Trần Hoàng	Hà	DH19OT		1,5	1,8	5,0	8,3	0012345678910	0123456789
13	15153017	Trịnh Văn	Hải	DH15CD		1,5	2,0	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
14	19118060	Dương Trung	Hậu	DH19CC		1,0	2,0	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
15	19137020	Nguyễn Trung	Hậu	DH19NL		1,5	2,3	3,5	7,3	0012345678910	0123456789
16	19154041	Đào Đức	Hiền	DH19OT		0,5	1,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00685

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi

001_DH19OT_06

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT			0,0	2,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
18	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD							0012345678910	0123456789
19	19154046	Phạm Quang	DH19OT			0,25	0,25	1,5	2,0	0012345678910	0123456789
20	19154048	Trần	DH19OT			1,25	1,75	3,3	6,3	0012345678910	0123456789
21	19154047	Văn Công	DH19OT			0,5	2,0	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
22	19154051	Lê Quang	DH19OT			0,8	2,0	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
23	19154057	Dương Gia	DH19OT			0,0	1,0	1,0	1,0	0012345678910	0123456789
24	19154059	Nguyễn Ngô Nhật	DH19OT			0,5	2,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
25	19137028	Sầm Khắc	DH19NL			1,5	2,0	3,3	6,8	0012345678910	0123456789
26	19154063	Trình Nhật	DH19OT			0,0	1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
27	19154056	Nguyễn Hải	DH19OT			0,0	1,75	4,75	6,5	0012345678910	0123456789
28	19137024	Bùi Ngô Gia	DH19NL			0,3	2,0	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
29	19154065	Diệp Vĩ	DH19OT			1,25	2,0	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
30	19154068	Nguyễn Hồ Bảo	DH19OT			0,0	0,8	0,0	0,8	0012345678910	0123456789
31	19154069	Phạm Đỗ Bảo	DH19OT							0012345678910	0123456789
32	19154071	Võ Minh	DH19OT			0,25	2,0	1,25	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00685

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi

001_DH19OT_06

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154072	Hồ Trường Quốc	Khánh			0,0	1,0	0,0	1,0	0002345678910	0123456789
34	19137033	Nguyễn Duy	Khánh			0,0	1,75	1,25	3,0	0012045678910	0123456789
35	19154073	Nguyễn Duy	Khánh			1,3	2,25	2,25	5,8	0012340678910	0123456789
36	19154074	Trần Công	Khánh			0,25	1,75	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
37	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa			0,0	1,3	0,0	1,3	0002345678910	0120456789
38	19154076	Trần Anh	Khoa			0,0	1,5	0,0	1,5	0002345678910	0123406789
39	19154083	Nguyễn Bảo	Lâm							0012345678910	0123456789
40	19154084	Ngô Minh	Lê			0,0	1,75	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
41	19154086	Hoàng Gia	Linh							0012345678910	0123456789
42	19118127	Nguyễn Bình	Lộc			0,75	1,25	0,5	2,5	0012345678910	0123406789
43	19154088	Phạm Đức	Lộc			0,25	1,75	2,5	4,5	0012305678910	0123406789
44	19118128	Trần Thanh	Lộc			0,8	1,75	2,25	4,8	0012305678910	0123456789



Mã nhận dạng 00685

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19OT_06 Tổ Thi 001_DH19OT_06 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 03/09/2020 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 40 Số sinh viên vắng 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Thi

Nguyễn Thị Phương

Nguyễn Văn Công

Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 00686

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học (202140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 002_DH19OT_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	DH19CC		0,5	2,3	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
2	19118135	Trần Hữu	Luân	DH19CC		0,0	2,0	0,8	2,8	0012345678910	0123456789
3	19154092	Trần Đức	Mạnh	DH19OT		0,8	1,75	0,75	3,3	0012345678910	0123456789
4	19154095	Nguyễn Xuân	Minh	DH19OT		0,0	1,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
5	19154097	Nguyễn Hoàng	Nam	DH19OT		0,0	1,5	0,8	2,3	0012345678910	0123456789
6	19137046	Nguyễn Phúc	Nguyễn	DH19NL		0,0	1,5	1,8	3,3	0012345678910	0123456789
7	19154106	Dương Hoài	Nhân	DH19OT		1,5	2,0	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	19154107	Đình Minh	Nhật	DH19OT		0,5	1,8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
9	19154108	Trương Minh	Nhật	DH19OT		0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
10	19154109	Dương Hoài	Nhị	DH19OT		1,5	2,0	2,3	5,8	0012345678910	0123456789
11	19154110	Huỳnh Đức	Nhuận	DH19OT		0,25	0,0	0,25	0,5	0012345678910	0123456789
12	19154104	Trần Thanh	Nguyễn	DH19OT		0,5	1,5	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
13	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh	Nhật	DH19OT		0,75	2,25	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
14	19153057	Nguyễn Duy	Phong	DH19CD		0,75	1,5	1,25	3,5	0012345678910	0123456789
15	19153058	Cao Thành	Phú	DH19CD		1,5	2,0	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
16	19154118	Não Hoài	Phúc	DH19OT						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00686

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi

002_DH19OT_06

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			1,0	1,75	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
18	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD			0,0	1,0	0,8	1,8	0012345678910	0123456789
19	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			0,5	2,5	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
20	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			1,0	0,75	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
21	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT			0,5	2,0	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
22	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT			0,3	2,0	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
23	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
24	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT			0,3	1,75	2,25	4,3	0012345678910	0123456789
25	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK			0,3	2,0	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
26	19154135	Nguyễn Đỗ Anh Tâm	DH19OT							0012345678910	0123456789
27	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT			1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
28	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			0,0	0,5	0,3	0,8	0012345678910	0123456789
29	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT			1,25	1,8	1,75	4,8	0012345678910	0123456789
30	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			0,25	2,25	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
31	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT			1,0	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
32	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT			0,0	2,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00686

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi

002_DH19OT_06

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 03/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT	<i>Thành</i>		1,5	2,0	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
34	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD	<i>Thắng</i>		0,5	2,0	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
35	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT	<i>Thắng</i>		1,25	2,0	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
36	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT	<i>Thi</i>		0,0	1,5	2,8	4,3	0012345678910	0123456789
37	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT	<i>Thi</i>		1,0	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
38	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC	<i>Thuận</i>		0,0	1,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
39	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT	<i>Tín</i>		1,5	1,8	1,5	4,8	0012345678910	0123456789
40	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK	<i>Tín</i>		1,5	2,0	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
41	19137074	Nguyễn Văn Tĩnh	DH19NL							0012345678910	0123456789
42	19153084	Nguyễn Quốc Toàn	DH19CD							0012345678910	0123456789
43	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT	<i>Triều</i>		0,8	2,0	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
44	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT	<i>Vinh</i>		1,25	2,25	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
45	19154194	Nguyễn Đăng Vinh	DH19OT							0012345678910	0123456789
46	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC	<i>Phúc Yên</i>		0,25	2,5	1,25	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00686

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19OT_06 Tổ Thi 002_DH19OT_06 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 03/09/2020 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4.1. Số sinh viên vắng 0.5

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

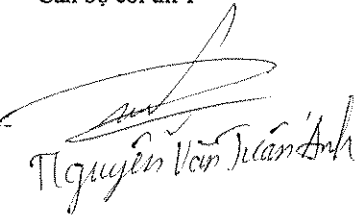
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

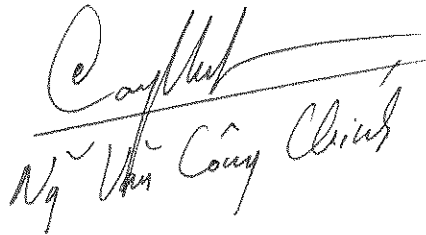
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

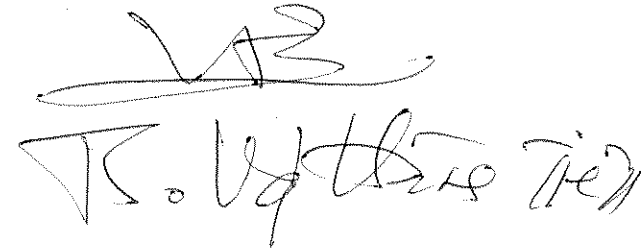
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Văn Tuấn Anh


Lê Văn Tiên


Nguyễn Văn Công Chính


TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 00527

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			2	7,2		9,2	0012345678910	0123456789
3	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			2	4,4		6,4	0012345678910	0123456789
4	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			2	5,2		7,2	0012345678910	0123456789
5	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
6	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD			2	7,2		9,2	0012345678910	0123456789
7	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			2	7,2		9,2	0012345678910	0123456789
8	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			0	2,9		2,9	0012345678910	0123456789
9	18138016	Nguyễn Long Ngọc	DH18TD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
10	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789
11	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
12	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD			1	7,2		8,2	0012345678910	0123456789
13	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD			2	5,2		7,2	0012345678910	0123456789
14	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
15	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD			2	7,2		9,2	0012345678910	0123456789
16	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			2	7,2		9,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00527

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
18	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
19	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			1	7,2		8,2	0012345678910	0123456789
20	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
21	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789
22	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789
23	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789
24	18138062	Trần Phát	DH18TD			1	7,2		8,2	0012345678910	0123456789
25	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			2	5,2		7,2	0012345678910	0123456789
26	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			2	5,2		7,2	0012345678910	0123456789
27	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			1	5,2		6,2	0012345678910	0123456789
28	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
29	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
30	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			2	5,2		7,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp

N.V. Kiệp



Mã nhận dạng 00528

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
2	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
3	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
4	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
5	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
6	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			1	6		7,0	0012345678910	0123456789
7	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
8	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD			V	V		V	0012345678910	0123456789
9	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
10	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
11	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
12	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
13	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
14	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
15	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
16	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00528

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138054	So Tấn Lũy	DH18TD			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
18	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
19	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
20	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
21	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
22	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
23	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
24	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
25	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			1	7,6		8,6	0012345678910	0123456789
26	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
27	19138077	Dương Văn Tiên	DH19TD			1	6		7,0	0012345678910	0123456789
28	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
29	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N. V. Kiệp



Mã nhận dạng 00699

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Chi tiết máy(207146)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD							0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT	<i>AE</i>		10	9,1	8,3	8,7	0012345678910	0123456789
3	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT	<i>Pham</i>		10	8,7	6,3	7,3	0012345678910	0123456789
4	18154003	Trương Long Ân	DH18OT	<i>Truong</i>		8,0	8,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
5	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD	<i>Do</i>		10	9,5	9,3	9,4	0012345678910	0123456789
6	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD	<i>Bao</i>		8,0	8,7	9,3	9,0	0012345678910	0123456789
7	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD	<i>Chi</i>		8,0	9,6	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD	<i>Ch</i>		8,0	9,6	9,8	9,6	0012345678910	0123456789
9	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD	<i>Ng</i>		8,0	6,2	5,8	6,1	0012345678910	0123456789
10	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT	<i>Ph</i>		8,0	8,0	4,3	5,8	0012345678910	0123456789
11	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD	<i>Do</i>		10	8,9	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
12	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT	<i>Ng</i>		6,5	6,1	5,8	5,9	0012345678910	0123456789
13	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD	<i>Ng</i>		8,0	9,3	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
14	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT	<i>Ng</i>		8,0	8,5	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
15	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD	<i>Tr</i>		8,0	9,1	7,3	8,0	0012345678910	0123456789
16	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT	<i>Ng</i>		10	9,8	9,8	9,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00699

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			8,0	7,2	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
18	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			6,5	8,8	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
19	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			8,0	9,1	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
20	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			8,0	4,0	3,8	4,1	0012345678910	0123456789
21	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			8,0	8,1	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
22	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT			8,0	8,0	9,3	8,8	0012345678910	0123456789
23	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			8,0	5,6	8,0	7,2	0012345678910	0123456789
24	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			10	9,7	9,3	9,5	0012345678910	0123456789
25	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			8,0	6,7	6,8	6,8	0012345678910	0123456789
26	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			5,0	6,3	6,8	6,5	0012345678910	0123456789
27	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			8,0	8,8	6,3	7,3	0012345678910	0123456789
28	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			10	8,5	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
29	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			8,0	8,7	6,3	7,2	0012345678910	0123456789
30	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			9,0	9,4	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
31	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			8,0	9,2	6,3	7,4	0012345678910	0123456789
32	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT			10	8,6	7,3	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00699

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154083	Phạm Minh	Nhã	DH18OT			10	9,4	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
34	18153054	Nguyễn Tấn	Phúc	DH18CD			8,0	5,7	9,8	8,3	0012345678910	0123456789
35	18153056	Nguyễn Đăng	Quang	DH18CD			6,5	6,9	6,8	6,8	0012345678910	0123456789
36	18153058	Trần Minh	Quang	DH18CD			8,0	6,2	7,8	7,3	0012345678910	0123456789
37	18153061	Mai Diệp	Quốc	DH18CD							0012345678910	0123456789
38	18153063	Tôn Thế Trung	Sơn	DH18CD							0012345678910	0123456789
39	18153064	Đoàn Văn	Tân	DH18CD			6,5	5,5	7,0	6,5	0012345678910	0123456789
40	18154108	Trương Thành	Tấn	DH18OT			10	6,6	9,5	8,5	0012345678910	0123456789
41	18153065	Lương Viết	Tây	DH18CD			8,0	4,6	4,8	3,1	0012345678910	0123456789
42	18154110	Huỳnh Phước	Thái	DH18OT			10	9,6	10	9,9	0012345678910	0123456789
43	18154112	Trần Lê Phương	Thái	DH18OT			10	8,9	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
44	18154113	Lê Đức	Thắng	DH18OT			8,0	9,4	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
45	18154114	Nguyễn Quốc	Thắng	DH18OT			8,0	6,8	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
46	18154119	Đoàn Văn	Thìn	DH18OT			10	9,4	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
47	18154120	Trần Quốc	Thịnh	DH18OT			8,0	9,2	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
48	18154122	Hồ Văn	Thuận	DH18OT			10	9,7	9,8	9,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00699

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			8,0	8,4	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
50	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			8,0	8,7	7,8	8,1	0012345678910	0123456789
51	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			8,0	7,7	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
52	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			8,0	7,2	3,8	5,2	0012345678910	0123456789
53	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT			8,0	9,2	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
54	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			10	7,0	6,8	7,0	0012345678910	0123456789
55	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			8,0	9,3	9,8	9,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 52. Số sinh viên vắng 3....

Ngày 21 Tháng 08 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Quang Hiến

TS. Võ Thế Anh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00700

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118006	Triệu Xuân Bách	DH18CK							0012345678910	0123456789
2	18118007	Nguyễn Văn Quốc	DH18CK	Bao		6,5	5,7	1,5	3,2	0012345678910	0123456789
3	18118010	Nguyễn Hoàng	DH18CK	ch		8,5	6,6	6,8	6,8	0012345678910	0123456789
4	18118011	Nguyễn Trung	DH18CK	Ch		8,0	8,4	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
5	18137006	Bùi Văn	DH18NL	Bu		10	9,5	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
6	18118018	Nguyễn Võ Công	DH18CK	Ng		8,0	4,2	3,5	4,0	0012345678910	0123456789
7	18118023	Nguyễn Tấn	DH18CK	Ng		6,5	3,0	7,8	6,1	0012345678910	0123456789
8	18118028	Triệu Quốc	DH18CK	Ng		8,0	8,4	10	9,3	0012345678910	0123456789
9	18118034	Nguyễn Đức	DH18CK	Duy		8,0	6,9	3,8	5,1	0012345678910	0123456789
10	18118035	Thái Hoàng	DH18CK	Th		8,0	9,1	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
11	18153013	Nguyễn Văn	DH18CD	Ng		5,0	6,9	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
12	18153010	Đặng Hải	DH18CD	Ng		8,0	8,7	6,8	7,5	0012345678910	0123456789
13	18153014	Bùi Hữu	DH18CD	Bu		8,0	8,1	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
14	18154032	Nguyễn Ngọc	DH18OT	Ng		8,0	9,4	4,5	6,4	0012345678910	0123456789
15	18118040	Bùi Trung	DH18CK	Bu		8,0	3,0	3,8	3,7	0012345678910	0123456789
16	18137017	Huỳnh Thanh	DH18NL	Th		10	9,8	4,5	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00700

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18CK_02

Ngày Thi 17/08/2020

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Giờ Thi 07:30

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Phòng Thi HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			10	4,5	4,0	4,5	0012345678910	00123456789
18	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			8,0	6,2	9,5	8,3	0012345678910	00123456789
19	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			10	8,3	8,0	8,2	0012345678910	00123456789
20	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			8,0	8,2	10	9,3	0012345678910	00123456789
21	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT			8,0	9,4	9,3	9,3	0012345678910	00123456789
22	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			8,0	8,7	9,8	9,3	0012345678910	00123456789
23	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			8,0	8,8	8,0	8,3	0012345678910	00123456789
24	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			8,0	8,4	4,0	5,7	0012345678910	00123456789
25	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			8,0	7,7	5,0	6,1	0012345678910	00123456789
26	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			8,0	8,7	7,5	7,9	0012345678910	00123456789
27	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK			9	4,3	3,0	3,3	0012345678910	00123456789
28	18118064	Kiều Minh Trí Kiệt	DH18CK			8,0	7,5	2,0	4,2	0012345678910	00123456789
29	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT			8,0	7,5	7,3	7,4	0012345678910	00123456789
30	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK			10	7,2	7,5	7,5	0012345678910	00123456789
31	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			8,0	7,7	6,5	7,0	0012345678910	00123456789
32	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			10	8,7	6,5	7,4	0012345678910	00123456789

Mã nhận dạng 00700

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH18CK_02 Tổ Thi 001_DH18CK_02 Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Ngày Thi 17/08/2020 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	Mạnh		8,0	6,8	6,8	6,9	0012345678910	0123456789
34	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK	Minh		8,0	6,7	4,3	5,3	0012345678910	0123456789
35	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK	Minh		8,0	7,0	2,3	4,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 34 Số sinh viên vắng 1

Ngày 21 Tháng 08 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hiền

Ng. Thanh Trý

TS. Vũ Văn Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00701

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 002_DH18CK_02

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD	<i>Nguyen Dai</i>		8,0	9,3	5,0	6,7	0012345678910	0123456789
2	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK	<i>Nguyen Trung</i>		8,0	9,0	10	9,6	0012345678910	0123456789
3	18137030	Trần Duy Nhật	DH18NL	<i>Tran Duy</i>						0012345678910	0123456789
4	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC	<i>Tran Long</i>		6,5	5,9	4,8	5,3	0012345678910	0123456789
5	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>Phat</i>		8,0	7,7	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
6	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>Phat</i>		8,0	7,5	8,3	8,0	0012345678910	0123456789
7	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK	<i>Phat</i>		8,0	9,3	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
8	18118106	Phùng Minh Phòng	DH18CK	<i>Phong</i>		10	7,7	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
9	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD	<i>Phu</i>		8,0	9,3	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
10	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT	<i>Phuc</i>		8,0	8,9	7,8	8,2	0012345678910	0123456789
11	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK	<i>Phuoc</i>		8,0	9,1	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
12	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK	<i>Quang</i>		8,0	6,7	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
13	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK	<i>Quang</i>		10	8,5	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
14	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK	<i>Quang</i>		10	7,3	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
15	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK	<i>Quan</i>		8,0	7,9	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
16	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD	<i>Qua</i>		8,0	8,6	9,8	9,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00701

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18CK_02

Ngày Thi 17/08/2020

Tổ Thi 002_DH18CK_02

Giờ Thi 07:30

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			10	9,5	9,8	9,7	0012345678910	0123456789
18	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			8,0	7,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
19	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD			8,0	9,0	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
20	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD			8,0	8,2	9,8	9,2	0012345678910	0123456789
21	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			6,5	9,1	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
22	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			8,0	5,1	6,8	6,3	0012345678910	0123456789
23	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			10	7,3	8,8	8,3	0012345678910	0123456789
24	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			8,0	6,6	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
25	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			6,0	8,1	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
26	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			6,5	8,7	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
27	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			10	8,7	5,8	7,0	0012345678910	0123456789
28	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			10	7,2	6,8	7,1	0012345678910	0123456789
29	18118154	Bùi Thanh Tiên	DH18CK			6,5	4,3	4,0	4,2	0012345678910	0123456789
30	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			6,5	4,3	4,0	4,2	0012345678910	0123456789
31	13115422	Lê Văn Công Toại	DH13CB							0012345678910	0123456789
32	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			5,0	1,7	9,3	6,4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00701

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18CK_02

Ngày Thi 17/08/2020

Tổ Thi 002_DH18CK_02

Giờ Thi 07:30

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Phòng Thi CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5%	Đ2 45%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118159	Nguyễn Lê Minh Trí	DH18CK	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL	✓		8,0	9,4	9,0	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK	✓		8,0	8,9	8,0	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK	Trương		8,0	9,1	4,3	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK	+		8,0	7,7	6,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK	Trương		8,0	8,1	9,8	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK	Trần		8,0	8,7	9,5	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK	✓		8,0	8,1	9,3	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK	✓		8,0	7,9	7,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	18137049	Lê Kim Vinh	DH18NL	✓						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK	Vinh		8,0	6,0	5,3	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 38. Số sinh viên vắng 15.

Ngày 21 Tháng 08 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 07/07/2020

Nguyễn Quý Trọng

Lê Quang Vinh

TS. Võ Văn Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 00703

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_04

Tổ Thi 001_DH18OT_04

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT			10		6	6,8	0012345678910	00123456789
2	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			10		8,5	8,8	0012345678910	00123456789
3	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			10		6,5	7,2	0012345678910	00123456789
4	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			0		5,5	4,4	0012345678910	00123456789
5	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT			10		9	9,2	0012345678910	00123456789
6	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT			10		9	9,2	0012345678910	00123456789
7	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			10		5,5	6,4	0012345678910	00123456789
8	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			10		7	7,6	0012345678910	00123456789
9	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			10		8,5	8,8	0012345678910	00123456789
10	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT			10		7,5	8,0	0012345678910	00123456789
11	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			10		9,5	9,6	0012345678910	00123456789
12	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT			0		6	4,8	0012345678910	00123456789
13	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT			10		9,5	9,6	0012345678910	00123456789
14	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			10		6,5	7,2	0012345678910	00123456789
15	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT		1	10		8,8	8,4	0012345678910	00123456789
16	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT			10		6	6,8	0012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 00703

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18OT_04

Tổ Thi 001_DH18OT_04

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT			7,5		7	7,1	0012345678910	0123456789
18	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			0		8	6,4	0012345678910	0123456789
19	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT			10		8,5	8,8	0012345678910	0123456789
20	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			10		9	1,2	0012345678910	0123456789
21	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			10		8	8,4	0012345678910	0123456789
22	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT			10		4	5,2	0012345678910	0123456789
23	18154050	Võ Nguyễn Gia Huy	DH18OT			V		V	V	0012345678910	0123456789
24	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			10		7	7,6	0012345678910	0123456789
25	18154042	Nguyễn Hữu Tròn Hường	DH18OT			10		7	7,6	0012345678910	0123456789
26	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT			10		7	7,6	0012345678910	0123456789
27	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT			10		8,5	8,8	0012345678910	0123456789
28	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT			10		7	7,6	0012345678910	0123456789
29	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT			10		7	7,6	0012345678910	0123456789
30	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD			7,5		0	V	0012345678910	0123456789
31	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT			10		7	7,6	0012345678910	0123456789
32	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT			10		8	8,4	0012345678910	0123456789

8

Mã nhận dạng 00703

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18OT_04

Tổ Thi 001_DH18OT_04

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Phòng Thi HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT	<i>[Signature]</i>		10		9	9,2	0012345678910	0123456789
34	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT	<i>[Signature]</i>		10		3	4,4	0012345678910	0123456789
35	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT	<i>[Signature]</i>		10		9	9,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 28 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00704

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_04

Tổ Thi 002_DH18OT_04

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT			0		6	4,8	0012345678910	0123456789
2	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			0		6	4,8	0012345678910	0123456789
3	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT			10		9	9,2	0012345678910	0123456789
4	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT			10		9,5	9,6	0012345678910	0123456789
5	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			10		8,75	9	0012345678910	0123456789
6	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			0		5	4	0012345678910	0123456789
7	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT			10		9,75	9,8	0012345678910	0123456789
8	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT			10		9	9,2	0012345678910	0123456789
9	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			10		9,5	9,6	0012345678910	0123456789
10	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			10		5	6	0012345678910	0123456789
11	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT			10		9,5	9,6	0012345678910	0123456789
12	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			10		8,75	9	0012345678910	0123456789
13	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT			10		9,75	9,8	0012345678910	0123456789
14	18154085	Lê Quốc Nhân	DH18OT			4		5	4	0012345678910	0123456789
15	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT			10		7	7,6	0012345678910	0123456789
16	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT			10		9,75	9,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00704

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18OT_04

Tổ Thi 002_DH18OT_04

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT			10		9,75	9,8	0012345678●10	01234567●9
18	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT			0		9,75	7,8	00123456●8910	01234567●9
19	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT			0		3	2,4	001●345678910	0123●56789
20	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT			10		5	6	0012345●78910	●123456789
21	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT			10		5	6	0012345●78910	●123456789
22	18154096	Quách THạnh Phú	DH18OT			10		7,5	8	001234567●910	●123456789
23	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT			10		9,75	9,8	0012345678●10	01234567●9
24	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT			10		6	6,8	0012345●78910	01234567●9
25	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT			10		7	7,6	00123456●8910	012345●789
26	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			10		9	9,2	0012345678●10	01●3456789
27	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT			10		8,75	9	0012345678●10	●123456789
28	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT			10		8,75	9	0012345678●10	●123456789
29	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT			✓		✓	✓	●012345678910	0123456789
30	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT			10		9	9,2	0012345678●10	01●3456789
31	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			10		8	8,4	001234567●910	0123●56789
32	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT			10		9,75	9,8	0012345678●10	01234567●9

Mã nhận dạng 00704

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_04

Tổ Thi 002_DH18OT_04

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 22%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT			10		6	6,8	0012345678910	0123456789
34	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			10		9,75	9,8	0012345678910	0123456789
35	18154117	Trương Quang Thi	DH18OT			✓		0	✓	0012345678910	0123456789
36	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD			10		5	6	0012345678910	0123456789
37	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT			10		3	4,4	0012345678910	0123456789
38	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT			10		5,5	6,4	0012345678910	0123456789
39	18154129	Trần Mạnh Trường	DH18OT			✓		8,5	✓	0012345678910	0123456789
40	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			10		9,5	9,6	0012345678910	0123456789
41	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT			10		9	9,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 37. Số sinh viên vắng 4...

Ngày 28 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 00702

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18NL_05

Ngày Thi 17/08/2020

Tổ Thi 001_DH18NL_05

Giờ Thi 07:30

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Phòng Thi TV201A

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 t. %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			10	10	9,8	9,2	0012345678●10	01●3456789
2	18137002	Nguyễn Công Bảo	DH18NL	V		✓		0	✓	●012345678910	0123456789
3	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			10		7	7,6	00123456●8910	012345●789
4	18137003	Bùi Hữu Bình	DH18NL			5		1	1,8	00●2345678910	01234567●9
5	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			10		9,5	9,6	0012345678●10	012345●789
6	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			10		8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
7	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			10		9,0	9,2	0012345678●10	01●3456789
8	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			10		9,0	9,2	0012345678●10	01●3456789
9	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			10		9,0	9,2	0012345678●10	01●3456789
10	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			10		9,0	9,2	0012345678●10	01●3456789
11	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			10		9,0	9,2	0012345678●10	01●3456789
12	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			10		9,0	9,2	0012345678●10	01●3456789
13	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT			5		7	6,6	0012345●78910	012345●789
14	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			7,5		5,0	5,5	001234●678910	01234●6789
15	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			7,5		6,5	6,3	0012345●78910	012●456789
16	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			7,5		6,5	6,7	0012345●78910	0123456●89



Mã nhận dạng 00702

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18NL_05

Ngày Thi 17/08/2020

Tổ Thi 001_DH18NL_05

Giờ Thi 07:30

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Phòng Thi TV201A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL	<i>Lộc</i>		7,5		6,8		0012345678910	0123456789
18	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL	<i>Nam</i>		10		7,6		0012345678910	0123456789
19	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL	<i>Nam</i>		10		8,4		0012345678910	0123456789
20	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK	<i>Nguyên</i>		10		6,8		0012345678910	0123456789
21	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD	<i>Nhựt</i>		10		6,8		0012345678910	0123456789
22	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL	<i>Phong</i>		10		9,2		0012345678910	0123456789
23	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL	<i>Phú</i>		10		8,8		0012345678910	0123456789
24	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK	<i>Phúc</i>		5		6,6		0012345678910	0123456789
25	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL	<i>Quang</i>		10		8,4		0012345678910	0123456789
26	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL	<i>Quý</i>		10		8,4		0012345678910	0123456789
27	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL	<i>Tân</i>		10		9,6		0012345678910	0123456789
28	18118132	Nguyễn Quốc Thắng	DH18CK	<i>Thắng</i>		✓		✓		0012345678910	0123456789
29	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL	<i>Thiện</i>		10		8,8		0012345678910	0123456789
30	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK	<i>Thiện</i>		7,5		6,3		0012345678910	0123456789
31	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL	<i>Thọ</i>		10		9,2		0012345678910	0123456789
32	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL	<i>Trúc</i>		10		8,8		0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00702

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Nhóm Thi DH18NL_05

Tổ Thi 001_DH18NL_05

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Phòng Thi TV201A

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL			7.5		7	7.1	001234568910	0123456789
34	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL			10		7.5	8.0	001234567910	1123456789
35	18137047	Hồnguyễn Phi Trường	DH18NL			10		8.5	8.8	001234567910	012345679
36	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK			10		8.5	8.8	001234567910	012345679
37	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			10		8.5	8.8	001234567910	012345679
38	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL			10		9	9.2	001234567810	013456789

Số sinh viên dự thi 36 Số sinh viên vắng 02

Ngày 18 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00705

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cơ kỹ thuật ứng dụng(207147)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_01**

Tổ Thi **001_DH19TD_01**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **05/09/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			2,25	2,5	0,25	5,0	0012345678910	0123456789
2	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			2,5	1,25	0,75	4,5	0012345678910	0123456789
3	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD							0012345678910	0123456789
4	19138014	Bùi Quang Tấn Duy	DH19TD			2,25	2,25	1,8	6,3	0012345678910	0123456789
5	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ Duyên	DH19TD			2,5	2,5	3,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			2,3	2,5	1,5	6,3	0012345678910	0123456789
7	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			2,5	2,5	1,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			2,5	2,25	1,75	6,5	0012345678910	0123456789
9	17138016	Hồ Hiến	DH17TD			2,5	2,25	0,75	5,5	0012345678910	0123456789
10	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			2,5	2,5	0,8	5,8	0012345678910	0123456789
11	19138024	Võ Ngọc HÒi	DH19TD			2,5	2,5	0,8	5,8	0012345678910	0123456789
12	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			2,5	2,5	2,0	7,0	0012345678910	0123456789
13	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			2,5	2,5	0,3	5,3	0012345678910	0123456789
14	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			2,25	2,5	1,25	6,0	0012345678910	0123456789
15	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			2,5	2,5	1,5	6,5	0012345678910	0123456789
16	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD			2,5	2,5	2,0	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00705

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật ứng dụng(207147)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 05/09/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138037	Phạm PhúC	Khiêm	DH19TD		2,5	1,5	0,5	4,5	0012345678910	0123456789
18	19138039	Bùi Tuấn	Khoa	DH19TD		2,5	2,0	2,0	6,5	0012345678910	0123456789
19	17138027	Nguyễn Tấn	Khôi	DH17TD		2,5	2,0	1,25	5,5	0012345678910	0123456789
20	19138042	Nguyễn Cao	KỶ	DH19TD		2,5	2,5	2,0	7,0	0012345678910	0123456789
21	19138054	Đoàn Lê Quang	Nhật	DH19TD		2,5	2,5	2,0	7,0	0012345678910	0123456789
22	19138057	Trần Minh	Nhật	DH19TD						0012345678910	0123456789
23	17138036	Huỳnh Kim	Ninh	DH17TD		2,5	2,0	1,0	5,5	0012345678910	0123456789
24	17138037	Bùi Trung	Pháp	DH17TD		2,5	2,25	1,25	6,0	0012345678910	0123456789
25	19138061	Nguyễn Châu	Phi	DH19TD						0012345678910	0123456789
26	15138054	Trang Minh	Sáng	DH15TD		1,0	2,0	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
27	19138068	Lê Bá Nam	Son	DH19TD						0012345678910	0123456789
28	19138070	Nguyễn Chí	Tâm	DH19TD		2,5	2,5	3,0	8,0	0012345678910	0123456789
29	17138046	Trần Trung	Tâm	DH17TD		2,5	2,0	2,0	6,5	0012345678910	0123456789
30	19138071	Nguyễn Bá	Thái	DH19TD		2,5	2,5	1,5	6,5	0012345678910	0123456789
31	19138072	Trần Hoàng	Thái	DH19TD		2,5	2,5	1,8	6,8	0012345678910	0123456789
32	17138050	Lê Đức	Thịnh	DH17TD		2,0	2,3	2,0	6,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00705

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cơ kỹ thuật ứng dụng(207147)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH19TD_01** Tổ Thi **001_DH19TD_01** Tên CBGD **Vương Thành Tiên**
Ngày Thi **05/09/2020** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138080	Phạm Trung	Toán	DH19TD						0012345678910	0123456789
34	19138082	Quách Xuân	Trà	DH19TD	Trà	2,25	2,25	2,0	6,5	0012345678910	0123456789
35	19138083	Nguyễn Thế	Trần	DH19TD	Trần	2,5	2,5	1,0	6,0	0012345678910	0123456789
36	19138084	Trần Anh	Trí	DH19TD	Trần	2,5	2,25	0,75	5,5	0012345678910	0123456789
37	17138057	Đào Bá Khánh	Trình	DH17TD	Đào	2,25	2,0	1,75	6,0	0012345678910	0123456789
38	17138059	Nguyễn Chí	Trung	DH17TD	Nguyễn	2,5	2,25	1,25	6,0	0012345678910	0123456789
39	19138087	Nguyễn Trọng	Trung	DH19TD	Nguyễn	2,5	1,8	2,0	6,3	0012345678910	0123456789
40	19132020	Đoàn Thế	Vinh	DH19TD	Vinh	0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 35. Số sinh viên vắng 5...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Công
Nguyễn Văn Công

Nguyễn Văn Công
Nguyễn Văn Công

Nguyễn Văn Công
Nguyễn Văn Công

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00709

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138004	Lê Kim	Bằng	DH16TD		5	7	6	6.0	0012345678910	0123456789
2	17154009	Nguyễn Thành	Công	DH17OT		9	8.5	3	5.3	0012345678910	0123456789
3	17154018	Trần Thế	Dư	DH17OT		9	8	5	5.4	0012345678910	0123456789
4	18454004	Trần Ngọc	Hải	LT18OT		9	9	7	7.8	0012345678910	0123456789
5	18454007	Huỳnh Ngọc	Hiếu	LT18OT		9	9	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
6	18154048	Phạm Trần Gia	Huy	DH18OT		5	5	4	4.4	0012345678910	0123456789
7	18118062	Đặng Minh	Khôi	DH18CK	✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
8	18153037	Nguyễn Minh	Khôi	DH18CD		8	8.5	1.5	4.2	0012345678910	0123456789
9	16118081	Trần Hữu	Lâm	DH16CK		8.5	9	4	5.9	0012345678910	0123456789
10	14118190	Huỳnh Công	Lân	DH14CK		7	4	6	5.8	0012345678910	0123456789
11	18118081	Tạ Văn	Mạnh	DH18CK		9	7	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
12	18118084	Vũ Quang	Minh	DH18CK		8.5	5	5.5	6.0	0012345678910	0123456789
13	18118090	Phan Trung	Nghĩa	DH18CC		8.5	5	6	6.3	0012345678910	0123456789
14	18118092	Nguyễn Trọng	Nguyên	DH18CK		9	8.5	6	7.1	0012345678910	0123456789
15	18118094	Bồ Tấn	Nhân	DH18CC		7.5	7	5	5.9	0012345678910	0123456789
16	18118096	Đặng Danh	Nhân	DH18CC		9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00709

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK	<i>Phát</i>		9	9	7	7.8	0012345678910	0123456789
18	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK	<i>Phi</i>		9	5	6	6.4	0012345678910	0123456789
19	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK	<i>Phong</i>		9	7	7	7.4	0012345678910	0123456789
20	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD	<i>Phu</i>		9	9	6	7.2	0012345678910	0123456789
21	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK	<i>Phu</i>		7	9	6	6.8	0012345678910	0123456789
22	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK	<i>Phu</i>		9	8.5	6	7.1	0012345678910	0123456789
23	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD	<i>Phu</i>		10	8.5	3.5	5.8	0012345678910	0123456789
24	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK	<i>Phu</i>		7.5	5	6	6.1	0012345678910	0123456789
25	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK	<i>Phu</i>		9	8.5	6	7.1	0012345678910	0123456789
26	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK	<i>Phu</i>		9.5	8.5	4	6.0	0012345678910	0123456789
27	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK	<i>Phu</i>		9	7.5	6	6.9	0012345678910	0123456789
28	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK	<i>Phu</i>		9.5	8.5	9.5	9.3	0012345678910	0123456789
29	18118116	Lê Triệu Quốc	DH18CK		✓					0012345678910	0123456789
30	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC	<i>Phu</i>		6	8.5	4	5.3	0012345678910	0123456789
31	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC	<i>Phu</i>		8.5	9	8	8.3	0012345678910	0123456789
32	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK	<i>Phu</i>		8.5	6	6	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00709

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			8.5	4	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
34	14137070	Trần Văn	DH14NL			5	8.5	5	5.7	0012345678910	0123456789
35	18118132	Nguyễn Quốc	DH18CK		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
36	17118105	Nguyễn Bá	DH17CC			7.5	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
37	18118139	Nguyễn Chí	DH18CC			8.5	9	3	5.3	0012345678910	0123456789
38	18118140	Nguyễn Ngọc	DH18CK			8	9	6	7.0	0012345678910	0123456789
39	18118142	Nguyễn Quang	DH18CK			7	4	6	5.8	0012345678910	0123456789
40	18454015	Huỳnh Ngọc	LT18OT			9	6	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
41	18118144	Trần Phước	DH18CK			7.5	4	5	5.3	0012345678910	0123456789
42	18118145	Huỳnh Hữu	DH18CK			9	4	6	6.2	0012345678910	0123456789
43	17154100	Nguyễn Phước	DH17OT			8.5	8.5	6	7.0	0012345678910	0123456789
44	18118154	Bùi Thanh	DH18CK		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
45	18118151	Bùi Minh	DH18CK			6.5	7	0	2.7	0012345678910	0123456789
46	18118152	Dương Minh	DH18CC			9	8.5	3.5	5.6	0012345678910	0123456789
47	18118157	Trần Duy	DH18CC			7.5	4	8.5	7.4	0012345678910	0123456789
48	18118158	Nguyễn Thành	DH18CK			5	7	2.5	3.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00709

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118159	Nguyễn Lê Minh Trí	DH18CK		✓					○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK	<i>Mr</i>		8.5	4.5	5.5	5.9	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC	<i>Trung</i>		7.5	8	4	5.5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK	<i>Trung</i>		9	9	6	7.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK	<i>Truong</i>		9	8.5	6	7.1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK	<i>Phi</i>		6.5	8	5	5.9	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK	<i>Truong</i>		8.5	7	6	6.7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK	<i>Tuan</i>		9	4	5.5	5.9	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK	<i>Tuan</i>		7.5	4.5	5	5.4	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK	<i>Tung</i>		9	6.5	5	6.1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK	<i>Tuyen</i>		8.5	6	3	4.7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK	<i>Viet</i>		8.5	8.5	7	7.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	17118140	Nguyễn Xuân Vinh	DH17CK		✓					○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC	<i>Vinh</i>		8	8	4.5	5.9	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK	<i>Vinh</i>		9	7.5	5	6.3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 9
64	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK	<i>Vu</i>		8.5	7	7.5	7.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00709

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cơ lưu chất(207202)** Số Tín Ch **2**
 Nhóm Thi **DH18CK_02** Tổ Thi **001_DH18CK_02** Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**
 Ngày Thi **18/08/2020** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **TV303**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC	Xuân		65	8	5	5.9	0012345678910	012345678

Số sinh viên dự thi **59** Số sinh viên vắng **06**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Đức
Nguyễn Thanh Phong

B. C.



Mã nhận dạng 00529

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Máy nâng chuyên (207217) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD			8	6	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
2	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			8	5	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
3	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			8	5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
4	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			8	6	5	5,5	0012345678910	0123456789
5	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			8	6	8	7,6	0012345678910	0123456789
6	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			8,5	6	7	7,0	0012345678910	0123456789
7	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			8	5	6	6,0	0012345678910	0123456789
8	17118011	Nguyễn Hữu Huy Bình	DH17CC			8,5	6	8	7,7	0012345678910	0123456789
9	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			8	6,5	9	8,4	0012345678910	0123456789
10	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			8	6	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
11	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			8,5	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
12	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			8,5	6,5	7	7,0	0012345678910	0123456789
13	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
14	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD			8	5	6	6,0	0012345678910	0123456789
15	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK						✓	0012345678910	0123456789
16	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD			8,5	5	3,5	4,3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Máy nâng chuyên (207217) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC	Duy		8	3	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
18	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL	Zm		9	6,5	5	5,7	0012345678910	0123456789
19	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD						V	0012345678910	0123456789
20	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL						V	0012345678910	0123456789
21	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC	Đức		8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
22	16138029	Lê Nhật Hào	DH16TD	H		8	5	5	5,3	0012345678910	0123456789
23	16118052	Hồ Sông Hậu	DH16CK	H		7	6	6	6,1	0012345678910	0123456789
24	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD	Minh		8	6	7	6,9	0012345678910	0123456789
25	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD	Hoàng		8	4,5	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
26	17137022	Huỳnh Nhật Hồ	DH17NL	H		8	6	7	6,9	0012345678910	0123456789
27	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD						V	0012345678910	0123456789
28	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL						V	0012345678910	0123456789
29	16138048	K'Pă Krim	DH16TD	Krim		8	6	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
30	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL	K		8	5	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
31	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD	N		8	4	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
32	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK	Nam		8	5	5	5,3	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Máy nông chuyên (207217) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	16138058	Phạm Đăng Hoài Nam	DH16TD			8	6	6	6,2	○○○12345●78910	○1●3456789
34	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			8	6	7,2	7,1	○○○123456●8910	○●23456789
35	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			8	5	5	5,3	○○○12345●678910	○12●456789
36	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			8	6,5	9,5	8,8	○○○1234567●910	○1234567●9
37	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			8	5	5,5	5,7	○○○12345●678910	○123456●89
38	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			8	6,5	5	5,6	○○○12345●678910	○12345●789
39	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			8	6	4,5	5,2	○○○12345●678910	○1●3456789
40	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			8	6	7,5	7,3	○○○123456●8910	○12●456789
41	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			8	6	6	6,2	○○○12345●78910	○1●3456789
42	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			8	7	6	6,4	○○○12345●78910	○123●56789
43	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			8,5	7	7	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
44	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			8	6	8,5	8,0	○○○1234567●910	●123456789
45	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD			8	6	6	6,2	○○○12345●78910	○1●3456789
46	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			8	6	5	5,5	○○○12345●678910	○1234●6789
47	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			8,5	4	3,5	4,1	○○○123●5678910	○●23456789
48	16138071	Trần Phước Sang	DH16TD			8,5	6	7	7,0	○○○123456●8910	●123456789



Mã nhận dạng 00529

Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Máy nâng chuyên (207217) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			8,5	6	9	8,4	0012345678910	0123456789
50	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			8	6	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
51	17118103	Nguyễn Thừa	DH17CK			8,5	7	8	7,9	0012345678910	0123456789
52	17118105	Nguyễn Bá	DH17CC			8	6	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
53	17118106	Đặng Đình	DH17CK			8	5	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
54	17118107	Bá Duy	DH17CK			8	5	4	4,6	0012345678910	0123456789
55	17118108	Nguyễn Chí	DH17CK			8	5	4	4,6	0012345678910	0123456789
56	17137067	Nguyễn Công	DH17NL			8	6	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
57	17118117	Hoàng Ngọc	DH17CK			8	5	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
58	17118118	Kiều Trọng	DH17CK			8	6,5	8	7,7	0012345678910	0123456789
59	15118114	Lê Đức	DH15CK			8	5,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
60	17118120	Nguyễn Quang	DH17CK			8	6	9	8,3	0012345678910	0123456789
61	17118121	Lê Hoàng	DH17CC			8,5	6	8	7,7	0012345678910	0123456789
62	17137074	Lê Phước	DH17NL			8,5	6	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
63	17118127	Nguyễn Đan	DH17CC			8,5	6,5	6	6,4	0012345678910	0123456789
64	17118130	Huỳnh Anh	DH17CK			8	6	5	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00529



Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Máy nâng chuyển (207217) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD						V	0012345678910	0123456789
66	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL						V	0012345678910	0123456789
67	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK	<i>Việt</i>		8	6,5	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
68	16138093	Trần Quốc Việt	DH16TD							0012345678910	0123456789
69	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			8	5	4	4,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng
Nguyễn Hải Đăng

TS. Bùi Ngọc Hùng
TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng
Nguyễn Hải Đăng



Mã nhận dạng 00530



Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: PP bố trí thí nghiệm & XLSL (207221) - 01

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC					10	10	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái Vĩ	DH17CKC					8.0	8.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Trần Phú

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 00717

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Truyền nhiệt và TB trao đổi(207224)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi

001_DH17CC_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			6	8,5	1	3,5	0012345678910	0123456789
2	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC							0012345678910	0123456789
3	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			7,5	9	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
4	17118013	Lai Hàm	DH17CC			6	6,5	5	5,5	0012345678910	0123456789
5	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			5	6	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
6	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			8,5	9,5	5	6,6	0012345678910	0123456789
7	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			6	8	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
8	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			6	2	6	5,2	0012345678910	0123456789
9	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC			5	8	9	8,0	0012345678910	0123456789
10	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			9	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
11	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC			9	9,5	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
12	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			8	8,5	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
13	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC							0012345678910	0123456789
14	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC			6	7,5	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
15	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DH16CC			8,5	9,5	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
16	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			5,5	7,5	6	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00717

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Truyền nhiệt và TB trao đổi(207224)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			5,5	7,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
18	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			7	9	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
19	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			8,5	9	6	7,1	0012345678910	0123456789
20	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			7,5	5,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
21	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC			6	8,5	9	8,3	0012345678910	0123456789
22	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			7	7,5	9	8,3	0012345678910	0123456789
23	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			6	8	5	5,8	0012345678910	0123456789
24	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			5	6,5	7	6,5	0012345678910	0123456789
25	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			6	7,5	4	5,1	0012345678910	0123456789
26	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			7	8	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
27	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			8,5	9	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
28	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			8,5	7	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
29	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC			9	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
30	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			6	7,5	7	6,9	0012345678910	0123456789
31	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC			6	9,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
32	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			8,5	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00717

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Truyền nhiệt và TB trao đổi(207224)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 học %	Đ2 học %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			8,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
34	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			6	8,5	9	8,3	0012345678910	0123456789
35	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			6	9,5	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
36	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC			6	7,5	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
37	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			8,5	9	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
38	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			6	9,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
39	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			8,5	9,5	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
40	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			6	8,5	5	5,9	0012345678910	0123456789
41	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			5,5	8	5	5,7	0012345678910	0123456789
42	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			5,5	9	8	7,7	0012345678910	0123456789
43	17118135	Đặng Năng San U	DH17CC			5,5	8	6	6,3	0012345678910	0123456789
44	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			6	7,5	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
45	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC			6	8,5	9	8,3	0012345678910	0123456789
46	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			6	8,5	9,5	5,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00717

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Truyền nhiệt và TB trao đổi(207224)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Lê Quang Giảng**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **44** Số sinh viên vắng **2**

Ngày 20 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00718

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207235)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi 001_DH18CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			9	8	7	7.5	00123456●8910	01234●6789
2	18118191	Trần Hải Đăng	DH18CKC			/	/	/	/	0012345678910	0123456789
3	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			8	7.5	4.5	5.8	001234●678910	01234567●9
4	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			8	9	9	8.9	001234567●910	012345678●
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			9	6	5	5.7	001234●678910	0123456●89
6	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			9	7	7.5	7.5	00123456●8910	01234●6789
7	18118205	Trần Duy Khang	DH18CKC			/	/	/	/	0012345678910	0123456789
8	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			9	4	7.5	6.6	0012345●78910	012345●789
9	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			9	7	6	6.6	0012345●78910	012345●789
10	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			9	7.5	9	8.6	001234567●910	012345●789
11	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			8	7.5	5	6.1	0012345●78910	0●23456789
12	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			9	7	7.5	7.5	00123456●8910	01234●6789
13	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			7	6	6.5	6.4	0012345●78910	0123●56789
14	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			9	6	9	8.1	001234567●910	0●23456789
15	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			9	6.5	9	8.3	001234567●910	012●456789
16	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			9	7	2.5	4.5	00123●5678910	01234●6789



Mã nhận dạng 00718

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207235)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi 001_DH18CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118218	Phạm Văn Tỉnh	DH18CKC			8	0	0	0.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			9	5	7	6.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 1. Số sinh viên vắng ...2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Phan Minh Hiền

NT Phú

Cán Bộ Chấm Thi 1



Mã nhận dạng 00720

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Công nghệ và thiết bị chế biến lúa gạo(207238)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CKC_01

Tổ Thi

001_DH17CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Hay

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 _%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	DH17CKC		6,7		5,5	6,0	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	DH17CKC		7,7		4,5	5,8	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á	Đông	DH17CKC		7,0		5,0	5,8	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	DH17CKC		6,3		3,0	4,3	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh	Hoàng	DH17CKC		6,3		4,0	4,9	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh	Huy	DH17CKC		6,3		5,0	5,5	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân	Minh	DH17CKC		7,3		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phuong	DH17CKC		7,3		3,5	5,0	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	DH17CKC		6,0		3,0	4,2	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	DH17CKC		5,7		5,0	5,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 10. Số sinh viên vắng 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00724

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_03

Tổ Thi 001_DH18OT_03

Tên CBGD Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT			10		5	6	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
4	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
5	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			10		9	9.2	0012345678910	0123456789
6	18154003	Trương Long Ân	DH18OT			10		5	6	0012345678910	0123456789
7	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT			10		8.5	8.8	0012345678910	0123456789
8	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT			10		10	10	0012345678910	0123456789
9	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			10		6.5	7.2	0012345678910	0123456789
10	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			2		6	5.2	0012345678910	0123456789
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			10		10	10	0012345678910	0123456789
12	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT			10		6.5	7.2	0012345678910	0123456789
13	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
14	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT			7.5		5	5.5	0012345678910	0123456789
15	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT			10		9.5	9.6	0012345678910	0123456789
16	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT			10		7	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00724

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_03

Tổ Thi 001_DH18OT_03

Tên CBGD Nguyễn Trần Phú

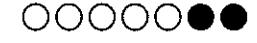
Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			8		7	7.2	0012345678910	0123456789
18	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			8		5.5	6	0012345678910	0123456789
19	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			5.5		7	6.7	0012345678910	0123456789
20	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			8		5.5	6	0012345678910	0123456789
21	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT			10		10	10	0012345678910	0123456789
22	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT			8		7	7.2	0012345678910	0123456789
23	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT			7.5		3.5	4.3	0012345678910	0123456789
24	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
25	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			5		5	5	0012345678910	0123456789
26	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			8		4.5	5.2	0012345678910	0123456789
27	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			8		7	7.2	0012345678910	0123456789
28	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT			10		9	9.2	0012345678910	0123456789
29	18154050	Võ Nguyễn Gia Huy	DH18OT							0012345678910	0123456789
30	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			7.5		4.5	5.1	0012345678910	0123456789
31	18154042	Nguyễn Hữu Trọn Hường	DH18OT			10		5	6	0012345678910	0123456789
32	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			10		2	3.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00724

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_03

Tổ Thi

001_DH18OT_03

Tên CBGD

Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT	<i>Khang</i>		5		5	5	0012345678910	0123456789
34	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT	<i>Khanh</i>		10		7	7.6	0012345678910	0123456789
35	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT	<i>Khoa</i>		10		8	8.4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3/4 Số sinh viên vắng 0/1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

NT Phú

Lê Quang Hải

[Signature]

NT Phú

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00725

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_03

Tổ Thi

002_DH18OT_03

Tên CBGD

Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 0 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			7		4	4.6	0012345678910	0123456789
2	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT			10		3	4.4	0012345678910	0123456789
3	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
4	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
5	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT			7.5		7	7.1	0012345678910	0123456789
6	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			10		10	10	0012345678910	0123456789
7	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			8		5	5.6	0012345678910	0123456789
8	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT			7.5		6	6.3	0012345678910	0123456789
9	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			8		6	6.4	0012345678910	0123456789
10	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT			10		9.5	9.6	0012345678910	0123456789
11	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			10		5.5	6.4	0012345678910	0123456789
12	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT			10		5	6	0012345678910	0123456789
13	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT			10		10	10	0012345678910	0123456789
14	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			7.5		6	6.3	0012345678910	0123456789
15	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
16	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT			10		8	8.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00725

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_03

Tổ Thi 002_DH18OT_03

Tên CBGD Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154077	Nguyễn Thanh	Nghiêm	DH18OT		7.5		6	6.3	0012345678910	0123456789
18	18154083	Phạm Minh	Nhã	DH18OT		10		9	9.2	0012345678910	0123456789
19	18154085	Lê Quốc	Nhân	DH18OT						0012345678910	0123456789
20	18154086	Võ Đình	Nhân	DH18OT		10		8	8.4	0012345678910	0123456789
21	18154088	Nguyễn Đình	Nhật	DH18OT		10		7.5	8	0012345678910	0123456789
22	18154089	Đoàn Minh	Nhớ	DH18OT		10		7	7.6	0012345678910	0123456789
23	18154090	Trần Nguyễn Minh	Nhựt	DH18OT		10		3	4.4	0012345678910	0123456789
24	18154093	Nguyễn Hữu	Phát	DH18OT		10		5.5	6.4	0012345678910	0123456789
25	18153053	Nguyễn Công Xuân	Phú	DH18CD		5.5		4.5	4.7	0012345678910	0123456789
26	18154096	Quách THạnh	Phú	DH18OT		8		8.5	8.4	0012345678910	0123456789
27	18154097	Hồ Hoàng	Phúc	DH18OT		10		6	6.8	0012345678910	0123456789
28	18154099	Trần Hoàng	Phúc	DH18OT		10		9	9.2	0012345678910	0123456789
29	18154100	Mai Trần	Phương	DH18OT		10		9	9.2	0012345678910	0123456789
30	18154101	Nguyễn Duy	Phương	DH18OT		10		6.5	7.2	0012345678910	0123456789
31	18153056	Nguyễn Đăng	Quang	DH18CD		8		4.5	5.2	0012345678910	0123456789
32	18154102	Lý Trung	Quân	DH18OT		10		8.5	8.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00725

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_03

Tổ Thi 002_DH18OT_03

Tên CBGD Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153060	Phạm Thanh	Quel	DH18CD		8		4	6.8	0012345678910	0123456789
34	18154104	Lê Duy	Quốc	DH18OT		10		9	9.2	0012345678910	0123456789
35	18153061	Mai Diệp	Quốc	DH18CD						0012345678910	0123456789
36	18154105	Đình Hoàng	Son	DH18OT		10		5.5	6.4	0012345678910	0123456789
37	18153063	Tôn Thế Trung	Son	DH18CD						0012345678910	0123456789
38	18154107	Nguyễn Hữu	Sum	DH18OT						0012345678910	0123456789
39	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật	Tào	DH18OT		10		9	9.2	0012345678910	0123456789
40	18154108	Trương Thành	Tấn	DH18OT		7		7	7	0012345678910	0123456789
41	18154111	Phạm Ngọc	Thái	DH18OT		10		2.5	4.0	0012345678910	0123456789
42	18154116	Đặng Kim	Thảo	DH18OT		7.5		8	7.9	0012345678910	0123456789
43	18154114	Nguyễn Quốc	Thắng	DH18OT		7.9		9	8.7	0012345678910	0123456789
44	18154117	Trương Quang	Thi	DH18OT						0012345678910	0123456789
45	18154121	Giang Đại	Thuận	DH18OT		10		6.5	5.6	0012345678910	0123456789
46	18153073	Nguyễn Tất	Thuận	DH18CD		8		5.5	6	0012345678910	0123456789
47	18154123	Trương Văn	Thục	DH18OT		10		5	6	0012345678910	0123456789
48	18154124	Nguyễn Hữu	Tín	DH18OT		10		2.5	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00725

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18OT_03

Tổ Thi

002_DH18OT_03

Tên CBGD

Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
50	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			8		4	4.8	0012345678910	0123456789
51	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			10		2	3.6	0012345678910	0123456789
52	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			8		2	3.2	0012345678910	0123456789
53	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			8		8	8	0012345678910	0123456789
54	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
55	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 5.0 Số sinh viên vắng 0.5.

Ngày 18 Tháng 8 Năm 2020.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thái Dương

Cao Đức Lợi

NT Phú

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00726

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207300)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyển**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			10		5	6,5	0012345678910	0123456789
2	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC			10		5	6,5	0012345678910	0123456789
3	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			0		5	3,5	0012345678910	0123456789
4	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			10		5	6,5	0012345678910	0123456789
5	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC			5		3	3,6	0012345678910	0123456789
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			10		4	5,8	0012345678910	0123456789
7	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			10		3	5,1	0012345678910	0123456789
8	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			10		4	5,8	0012345678910	0123456789
9	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			10		7	7,9	0012345678910	0123456789
10	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			5		4,5	4,8	0012345678910	0123456789
11	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			10		5	6,5	0012345678910	0123456789
12	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			10		5,5	6,9	0012345678910	0123456789
13	19118091	Ngô Sang Huy	DH19CC			✓		✓	✓	0012345678910	0123456789
14	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			5		7,5	6,8	0012345678910	0123456789
15	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			10		8,5	9,0	0012345678910	0123456789
16	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC			5		6	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00726

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			7,5		4	5,1	0012345678910	0123456789
18	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			10		5,5	6,9	0012345678910	0123456789
19	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			5		6	5,7	0012345678910	0123456789
20	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			10		6	7,2	0012345678910	0123456789
21	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			10		5	6,5	0012345678910	0123456789
22	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			10		5	6,5	0012345678910	0123456789
23	18454009	Lê Hữu Nhân	LT18OT			10		8	8,6	0012345678910	0123456789
24	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			10		9	9,3	0012345678910	0123456789
25	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			10		5	6,5	0012345678910	0123456789
26	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT			10		7	7,9	0012345678910	0123456789
27	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			7,5		6,5	6,8	0012345678910	0123456789
28	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			10		7	7,9	0012345678910	0123456789
29	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			10		9	9,3	0012345678910	0123456789
30	16138075	Nguyễn Sơn Thắng	DH16TD			10		7	7,9	0012345678910	0123456789
31	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			10		6	7,2	0012345678910	0123456789
32	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			10		6	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00726

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			10		5	6,5	0012345678910	0123456789
34	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			10		8,5	9,0	0012345678910	0123456789
35	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			10		8,5	9,0	0012345678910	0123456789
36	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			10		4	5,1	0012345678910	0123456789
37	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			10		4	5,8	0012345678910	0123456789
38	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			10		5,5	6,9	0012345678910	0123456789
39	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			10		4,5	6,2	0012345678910	0123456789
40	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			10		9	9,3	0012345678910	0123456789
41	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			10		8,5	9,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 40. Số sinh viên vắng ...0.

Ngày 28 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 00727

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi 40	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			1,4	0,3	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
18	18118025	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CC						/	0012345678910	0123456789
19	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			1,6	1,2	2,9	5,7	0012345678910	0123456789
20	18454004	Trần Ngọc Hải	LT18OT			1,9	0,4	3,6	5,9	0012345678910	0123456789
21	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK			1	0,4	2,6	4	0012345678910	0123456789
22	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD						/	0012345678910	0123456789
23	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			1,5	0,1	2,2	3,7	0012345678910	0123456789
24	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			1,5	1,2	3,4	6,1	0012345678910	0123456789
25	17138022	Trần Minh Huấn	DH17TD			2	1,6	4,6	8,2	0012345678910	0123456789
26	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			1,4	0,1	2,7	4,2	0012345678910	0123456789
27	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			1,6	0,8	3,1	5,5	0012345678910	0123456789
28	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			1,4	0,2	2	3,6	0012345678910	0123456789
29	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			1,3	0,9	1,9	4,1	0012345678910	0123456789
30	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			1,5	1,1	2,7	5,3	0012345678910	0123456789
31	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK			0,7	0,6	2,1	3,4	0012345678910	0123456789
32	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			1,8	0,9	3,3	6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00727

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207300)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **001_DH18CK_02**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC			1,4	0,2	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
2	18118006	Triệu Xuân Bách	DH18CK							0012345678910	0123456789
3	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK			1	0,1	2,4	3,5	0012345678910	0123456789
4	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK			1	1	3,3	5,3	0012345678910	0123456789
5	17118011	Nguyễn Hữu Huy Bình	DH17CC			1,2	0,5	3,8	5,5	0012345678910	0123456789
6	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			1,2	0,9	2,7	4,8	0012345678910	0123456789
7	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			1,3	0,1	2,6	4	0012345678910	0123456789
8	18118013	Nguyễn Đức Công	DH18CK							0012345678910	0123456789
9	18118016	Đặng Hữu Danh	DH18CK							0012345678910	0123456789
10	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK			1,5	1,3	3,6	6,4	0012345678910	0123456789
11	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK			1,6	1,3	3,4	6,3	0012345678910	0123456789
12	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			1,9	0,9	2,2	5	0012345678910	0123456789
13	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			1,6	0,2	3,2	5	0012345678910	0123456789
14	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			1,8	0,4	2,3	4,5	0012345678910	0123456789
15	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			1,5	0,4	3,2	5,1	0012345678910	0123456789
16	13153061	Trần Đại Dương	DH13CD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00727

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207300)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **001_DH18CK_02**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK	Long		1,5	0,4	3,4	5,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 2.2 Số sinh viên vắng ...

Ngày 10 Tháng 09 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Nguyễn Thanh Lý

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Đặng Hữu Dũng



Mã nhận dạng 00728

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207300)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **002_DH18CK_02**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi(6)	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK	Long		1,3	1,1	1,4	3,8	0012345678910	0123456789
2	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	Long		1,4	0,6	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
3	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL	Lộc		1,9	0,6	2	4,5	0012345678910	0123456789
4	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK	Lộc		1,7	0,6	3,4	5,7	0012345678910	0123456789
5	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC	Lộc		1,5	0,8	2	4,3	0012345678910	0123456789
6	17138031	Trương Công Lục	DH17TD							0012345678910	0123456789
7	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	Mạnh		1,5	0,1	1,2	2,8	0012345678910	0123456789
8	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK	Minh		1,5	0,2	2,3	4	0012345678910	0123456789
9	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK	Minh		0,8	0,6	1,2	2,6	0012345678910	0123456789
10	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK	Nguyên		1,9	0,1	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
11	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK	Phát		1,6	1,5	1,9	5	0012345678910	0123456789
12	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK	Phong		1,5	0,9	2,4	4,9	0012345678910	0123456789
13	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK	Phúc		1,8	1	2,1	4,9	0012345678910	0123456789
14	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK	Phước		1,5	1,6	3,8	6,9	0012345678910	0123456789
15	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK	Quang		1,6	1,7	1,7	5	0012345678910	0123456789
16	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK	Quang		1,7	0,4	1,4	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00728

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 002_DH18CK_02

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			2	1,3	2,7	6	0012345678910	0123456789
18	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			1,5	0,6	1,5	3,6	0012345678910	0123456789
19	18118115	Quách Ngọc Quí	DH18CK			1,7	0,6	3,1	5,4	0012345678910	0123456789
20	18118116	Lê Triệu Quốc	DH18CK							0012345678910	0123456789
21	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			1,8	0,4	2,9	5,1	0012345678910	0123456789
22	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			1,7	1,2	4,1	7	0012345678910	0123456789
23	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			1,4	0,3	1,9	3,6	0012345678910	0123456789
24	16138077	Đỗ Hữu Thành	DH16TD			1,8	1,5	3,6	6,9	0012345678910	0123456789
25	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			1,7	1	2,4	5,1	0012345678910	0123456789
26	18118132	Nguyễn Quốc Thắng	DH18CK							0012345678910	0123456789
27	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			1,7	1,8	0,8	4,3	0012345678910	0123456789
28	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			1,9	1,2	2,9	6	0012345678910	0123456789
29	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			1,5	1,8	2	5,3	0012345678910	0123456789
30	18454014	Võ Lê Phú Thiện	LT18OT			1,1	0,3	1,6	3	0012345678910	0123456789
31	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			2	1,3	1,9	5,2	0012345678910	0123456789
32	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			1,2	1,6	0,9	3,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00728

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 002_DH18CK_02

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Lo %	Đ2 Lo %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			1,6	1,5	0,9	4	0012345678910	0123456789
34	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			1,2	2,4	1,9	3,5	0012345678910	0123456789
35	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			1,6	1	1,9	4,5	0012345678910	0123456789
36	18118153	Nguyễn Trọng Tiến	DH18CK						/	0012345678910	0123456789
37	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			1,5	1,2	2,2	4,9	0012345678910	0123456789
38	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			1,7	0,5	1,8	4	0012345678910	0123456789
39	18118159	Nguyễn Lê Minh Trí	DH18CK						/	0012345678910	0123456789
40	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			1,3	1,2	1	3,5	0012345678910	0123456789
41	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			1,6	0,2	1	2,8	0012345678910	0123456789
42	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			1,2	1,6	1,2	4	0012345678910	0123456789
43	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			1,2	1,6	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
44	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			1,9	1,6	2,8	6,3	0012345678910	0123456789
45	13118326	Nguyễn Nhựt Trường	DH13CC						/	0012345678910	0123456789
46	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			1,5	1,5	1,6	4,6	0012345678910	0123456789
47	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			1,7	1,6	1,4	4,7	0012345678910	0123456789
48	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			1,6	1,4	1,9	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00728

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi

002_DH18CK_02

Tên CBGD

Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118181	Vũ Ngọc	Tuyên	DH18CK		1,7	1,4	2,8	5,9	0012345678910	0123456789
50	18118182	Ngô Văn	Viết	DH18CK		1,5	0,4	2,8	4,7	0012345678910	0123456789
51	18118184	Tô Đức	Vinh	DH18CK		1,4	0,5	1,3	3,2	0012345678910	0123456789
52	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	Vũ	DH16CD		1,6	0,6	2,9	5,1	0012345678910	0123456789
53	18118188	Phan Lý Kim	Vũ	DH18CK		1,8	0,6	2,5	4,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi... Số sinh viên vắng ...

Ngày 10 Tháng 08 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Kepuk
Lê Khắc Quý

Phan Minh Hiền

[Signature]

Đặng Hữu Dũng

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00731

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi

001_DH17CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			8	8,5	9	8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
2	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK			9	7	9	8,4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
3	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			5	8,5	8	7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
4	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK			✓	✓	✓	✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			9	6	8,5	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
6	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			7	7	6,5	6,7	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			6	7	9	8,1	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			6	7	7	6,9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK			8	6,5	5,5	6,1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK			9	4	8	6,9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
11	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			6	6,5	8	7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	17118024	Lê Văn Dự	DH17CK			8	✓	✓	0,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			10	7,5	8	8,1	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			7	4	7	6,1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			6	7	9	8,1	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			9	8	7,5	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 00731

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi

001_DH17CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi

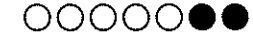
07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			5	5	4	4,4	0012345678910	0123456789
18	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
19	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			7	7,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
20	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			10	7,8	7	7,5	0012345678910	0123456789
21	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			6	4	4	4,2	0012345678910	0123456789
22	17118046	Trần Khải	DH17CK			6	5,5	4	4,7	0012345678910	0123456789
23	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			8	6,5	4	5,2	0012345678910	0123456789
24	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			7	8	9	8,5	0012345678910	0123456789
25	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			5	7,5	6	6,4	0012345678910	0123456789
26	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK			5	6,5	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
27	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			6	7,5	7	7,1	0012345678910	0123456789
28	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			5	6	9	7,7	0012345678910	0123456789
29	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK			7	5	5	5,2	0012345678910	0123456789
30	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			5	7,3	6	6,3	0012345678910	0123456789
31	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
32	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			10	7,5	8,5	8,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00731

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK			5	8	1	3,5	0012345678910	0123456789
34	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			6	6	6	6,0	0012345678910	0123456789
35	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			9	7,8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
36	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			5	4,5	6	5,5	0012345678910	0123456789
37	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			8	8,3	7	7,5	0012345678910	0123456789
38	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			7	7,5	9	8,4	0012345678910	0123456789
39	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			7	7	4	5,2	0012345678910	0123456789
40	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH15CK			8	7,5	9	8,5	0012345678910	0123456789
41	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK			7	6,5	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
42	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			5	8,3	6	6,6	0012345678910	0123456789
43	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			8	7,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
44	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			9	7,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
45	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			5	8,3	4	5,4	0012345678910	0123456789
46	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			10	7,3	7	7,4	0012345678910	0123456789
47	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			7	7,5	6	6,6	0012345678910	0123456789
48	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			6	7,5	7	7,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00731

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118107	Bá Duy	Thịnh	DH17CK		6	7,5	4	5,3	0012345678910	0123456789
50	17118108	Nguyễn Chí	Thịnh	DH17CK		5	7,3	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
51	14118070	Đình Trọng	Thọ	DH14CK		8	6	8	7,4	0012345678910	0123456789
52	17118112	Lý Thanh	Thuận	DH17CK		9	5,8	8,5	7,7	0012345678910	0123456789
53	16118154	Lê Xuân	Tiến	DH16CK		6	8	8	7,8	0012345678910	0123456789
54	17118115	Trần Nhật	Tiến	DH17CK		5	7	4	5,0	0012345678910	0123456789
55	17118117	Hoàng Ngọc	Tín	DH17CK		8	7,5	7	7,3	0012345678910	0123456789
56	17118118	Kiều Trọng	Tín	DH17CK		8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
57	17118119	Trần Trọng	Toàn	DH17CK		7	8,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
58	17118120	Nguyễn Quang	Trí	DH17CK		7	8,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
59	17118125	Ngô Tùng	Trung	DH17CK		7	8,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
60	17118130	Huỳnh Anh	Tú	DH17CK		7	8	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
61	17118136	Đặng Thanh	Việt	DH17CK		6	7,8	9	8,3	0012345678910	0123456789
62	17118137	Lê Đình	Việt	DH17CK		8	7,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
63	15118133	Đặng Hoàng	Vũ	DH15CK		8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
64	17118142	Võ Tấn	Vũ	DH17CK		7	7,3	8,5	8,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00731

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

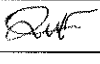
Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK			6	4	6	5,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 62 Số sinh viên vắng 02

Ngày 15 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Thanh Nghị


Lê Quang Vinh

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Nguyễn Thanh Nghị

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00532



Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 02

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			1	1,8	5	7,8	0012345678910	0123456789
2	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			1	2	4,3	7,3	0012345678910	0123456789
3	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			1	2	4	7,0	0012345678910	0123456789
4	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			0,5	1,5	6	8,0	0012345678910	0123456789
5	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
6	17118024	Lê Văn Dự	DH17CK			0,5	V	V	V	0012345678910	0123456789
7	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			0	1,8	6	7,8	0012345678910	0123456789
8	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
9	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			1	1,8	5	7,8	0012345678910	0123456789
10	16118095	Nguyễn Thành Luyến	DH16CK			1	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
11	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK			1	2	4,3	7,3	0012345678910	0123456789
12	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			1	2	4	7,0	0012345678910	0123456789
13	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			1	1,8	6	8,8	0012345678910	0123456789
14	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK			1	1	5	7,0	0012345678910	0123456789
15	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
16	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK			1	1,5	4,8	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00532

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 02

CBGD: Lê Khỏe Quý (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			1	18	5	7,5	0012345678910	0123456789
18	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			1	2	6,5	9,5	0012345678910	0123456789
19	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			1	2	5	7,8	0012345678910	0123456789
20	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			1	2	5	7,8	0012345678910	0123456789
21	17118102	Lê Tấn Phú Thanh	DH17CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
22	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
23	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			1	2	4,3	7,3	0012345678910	0123456789
24	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK			1	2	5	7,5	0012345678910	0123456789
25	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
26	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			1	2	6,3	9,3	0012345678910	0123456789
27	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			1	2	5,5	7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 00533



Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 04

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK			1	2	58	8,8	0012345678910	0123456789
2	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			1	2	63	9,3	0012345678910	0123456789
3	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			1	2	50	8,0	0012345678910	0123456789
4	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			1	2	60	9,0	0012345678910	0123456789
5	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			1	2	50	8,0	0012345678910	0123456789
6	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			1	2	55	8,5	0012345678910	0123456789
7	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			1	2	55	8,5	0012345678910	0123456789
8	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			1	1,6	54	8,0	0012345678910	0123456789
9	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			1	2	58	8,8	0012345678910	0123456789
10	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK			1	1,5	50	7,5	0012345678910	0123456789
11	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			1	2	55	7,5	0012345678910	0123456789
12	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			1	2	50	8,0	0012345678910	0123456789
13	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			0,8	1,5	50	8,3	0012345678910	0123456789
14	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			1	1,8	50	7,8	0012345678910	0123456789
15	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			1	2	65	9,5	0012345678910	0123456789
16	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK			1	1,5	6	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00533

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 04

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
18	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			1	2	6	9,0	0012345678910	0123456789
19	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			1	2	5,8	8,8	0012345678910	0123456789
20	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			1	1,5	5	7,8	0012345678910	0123456789
21	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			1	1,5	5,5	8,3	0012345678910	0123456789
22	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			1	1,5	5	7,8	0012345678910	0123456789
23	16118154	Lê Xuân Tiến	DH16CK			1	1	5,0	7,0	0012345678910	0123456789
24	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK			1	2	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
25	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			1	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
26	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
27	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			1	2	5,3	8,3	0012345678910	0123456789
28	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			1	2	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
29	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
30	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK			1	1	5,5	7,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Lê Khỏe Quí



Mã nhận dạng 00536

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án máy canh tác (207321) - 02

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118010	Đinh Quốc Ân	DH16CK						7	0012345678910	0123456789
2	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK						7,5	0012345678910	0123456789
3	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK						6,5	0012345678910	0123456789
4	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK						7,5	0012345678910	0123456789
5	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK						8	0012345678910	0123456789
6	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK						9	0012345678910	0123456789
7	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK						7	0012345678910	0123456789
8	16118029	Văn Phú Đạt	DH16CK						6	0012345678910	0123456789
9	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK						6,5	0012345678910	0123456789
10	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK						7	0012345678910	0123456789
11	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK						8,5	0012345678910	0123456789
12	16118076	Vũ Hoàng Kim	DH16CK						7,5	0012345678910	0123456789
13	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK						7,5	0012345678910	0123456789
14	16118098	Nguyễn Bình Trí	DH16CK						7	0012345678910	0123456789
15	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK						5,5	0012345678910	0123456789
16	15118086	K' San	DH15CK						9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00536

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án máy canh tác (207321) - 02

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK	<i>Sang</i>					5	0012345678910	0123456789
18	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK	<i>Sơn</i>					6,5	0012345678910	0123456789
19	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK	<i>Tập</i>					5	0012345678910	0123456789
20	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK	<i>Thọ</i>					7	0012345678910	0123456789
21	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK	<i>Thuật</i>					7	0012345678910	0123456789
22	16118154	Lê Xuân Tiến	DH16CK	<i>Tiến</i>					8	0012345678910	0123456789
23	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK	<i>Trọng</i>					8,5	0012345678910	0123456789
24	14118093	Trần Phước Vinh	DH15CK	<i>Vinh</i>					5	0012345678910	0123456789
25	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK	<i>Vương</i>					8,5	0012345678910	0123456789
26	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK	<i>Vy</i>					5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Bu

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán bộ chấm thi 1

Hu
Đặng Hữu Dũng

Cán bộ chấm thi 2



Mã nhận dạng 00732

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207327)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi 001_DH18CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			5	5	5	5.0	0012345678910	0123456789
2	18118191	Trần Hải Đăng	DH18CKC							0012345678910	0123456789
3	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			6.5	5	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
4	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			7	7	5	6.4	0012345678910	0123456789
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			6	5.5	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
6	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			5.5	5	6	5.7	0012345678910	0123456789
7	18118205	Trần Duy Khang	DH18CKC							0012345678910	0123456789
8	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			5	6.5	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
9	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			5	6.5	5	5.3	0012345678910	0123456789
10	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			5	5.5	6	5.7	0012345678910	0123456789
11	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			5	5.5	5	5.1	0012345678910	0123456789
12	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			5.5	6.5	5.5	5.7	0012345678910	0123456789
13	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			5	5	5.5	5.3	0012345678910	0123456789
14	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			5	5	7	6.2	0012345678910	0123456789
15	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			5	5	5	5.0	0012345678910	0123456789
16	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			5	5	5	5.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00732

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207327)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Hay

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118218	Phạm Văn	Tinh	DH18CKC						0012345678910	0123456789
18	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh	Trâm	DH18CKC		7.5	6.5	5.5	6.1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 45. Số sinh viên vắng ...5.

Ngày 28 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Lê Khắc Quý

Nguyễn Hay

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00733

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy nông nghiệp(207328)

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi DH17CKC_01

Tổ Thi 001_DH17CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	Bien		10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	Do		8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á	Đông	Tran		9	8	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	Thanh		8	7	5	5,9	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh	Hoàng	Hoang		9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh	Huy	W		7	7	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân	Minh	Xuan		10	7,5	5	6,3	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phuong	Phu		8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	Minh		7	7	7	7,0	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	Thai		8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 10. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 15 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Nghị
Ngày in : 07/07/2020

Nguyễn Hữu Hòa

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Thanh Nghị



Mã nhận dạng 00736

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Lp%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			7	7.5	4	5.7	0012345678910	0123456789
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL			3	7	4	4.7	0012345678910	0123456789
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			7	8.5	4	6.0	0012345678910	0123456789
4	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			8.5	7.5	5	6.5	0012345678910	0123456789
5	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			2	8	3	4.3	0012345678910	0123456789
6	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			3	8.5	4	5.2	0012345678910	0123456789
7	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			6	8	4	5.6	0012345678910	0123456789
8	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL			5	7	5	5.6	0012345678910	0123456789
9	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			8	7.5	6	6.9	0012345678910	0123456789
10	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			2	7.5	4	4.7	0012345678910	0123456789
11	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			6	8	5	6.1	0012345678910	0123456789
12	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			8	7	8	7.7	0012345678910	0123456789
13	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			9	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
14	17137018	Phạm Ngô Ngọc Duyệt	DH17NL							0012345678910	0123456789
15	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			8.5	7	5	6.3	0012345678910	0123456789
16	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			7	7	5	6.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00736

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137020	Nguyễn Thành	Hiếu	DH17NL		6	7	5	5.8	0012345678910	0123456789
18	17137023	Mai Văn	Hòa	DH17NL		8	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
19	17137026	Phan Phước	Hoàng	DH17NL		4	8.5	5	5.9	0012345678910	0123456789
20	17137027	Từ Minh	Hoàng	DH17NL		2	8.5	3	4.5	0012345678910	0123456789
21	17137022	Huỳnh Nhật	Hồ	DH17NL		5	8	4	5.4	0012345678910	0123456789
22	17137028	Nguyễn	Huân	DH17NL		3	8	5	5.5	0012345678910	0123456789
23	17137032	Trần Minh	Huy	DH17NL		6	7	5	5.8	0012345678910	0123456789
24	17137033	Phan Đình	Huỳnh	DH17NL		0	7.5	4	4.3	0012345678910	0123456789
25	17137030	Phạm Phi	Hung	DH17NL		7	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
26	17137034	Đỗ Thích	Khang	DH17NL		5	8	4	5.4	0012345678910	0123456789
27	15137071	Nguyễn Duy	Khanh	DH15NL		5	7	5	5.6	0012345678910	0123456789
28	17137035	Đặng Quốc	Khánh	DH17NL		5	8.5	6	6.6	0012345678910	0123456789
29	17137036	Nguyễn Đăng	Khôi	DH17NL		5	7	4	5.1	0012345678910	0123456789
30	17137037	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH17NL		5	7.5	5	5.8	0012345678910	0123456789
31	17137044	Cao	Long	DH17NL		2	8	2	3.8	0012345678910	0123456789
32	17137040	Hồ Quốc	Lộc	DH17NL		4	8	5	5.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00736

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL	Lộc		6	7	5	5.8	0012345678910	0123456789
34	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL	Huynh		2	7	4	4.5	0012345678910	0123456789
35	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL	Lộc		2	8	3	4.3	0012345678910	0123456789
36	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL	Minh		2	4	3	3.4	0012345678910	0123456789
37	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL	Na		4	8	5	5.7	0012345678910	0123456789
38	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL	Ngoan		7.5	7.5	6	6.8	0012345678910	0123456789
39	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL	Phong		4	7	5	5.4	0012345678910	0123456789
40	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL	Phuc		3	8	4	5.0	0012345678910	0123456789
41	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL	Quang		2	8	3	4.3	0012345678910	0123456789
42	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL	Quang		6	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
43	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL	Quan		7	8	3	5.3	0012345678910	0123456789
44	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL	Quynh		2	7.5	5	5.2	0012345678910	0123456789
45	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL	Quyen		7	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
46	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL	Son		7.5	8.5	8	8.1	0012345678910	0123456789
47	17137061	Mai Trí Tài	DH17NL	Tai		2	7	0	2.5	0012345678910	0123456789
48	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL	Thach		7	8.5	7	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00736

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Lc %	Đ2 Sc %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137063	Võ Anh	Thi			5	7.5	4	5.3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	17137064	Đỗ Duy	Thiện			8	8.5	4	6.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	17137065	Ngô Văn	Thịnh			5	7.5	4	5.3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	17137067	Nguyễn Công	Thức			3	8	4	5.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	17137068	Trần Hữu	Tín			5	8.5	6	6.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	17137070	Hồ Thị Đài	Trang			2	8	5	5.3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	17137071	Trần Thùy	Trang			8	8	8	8.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	17137072	Nguyễn Hoàng Anh	Trí			2	7.5	4	4.7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	17137073	Nguyễn Hải	Triều			3	7	3	4.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	17137074	Lê Phước	Trọng			2	7	5	5.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	17137075	Lê Khắc	Trung			0	7.5	2	3.3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	17115132	Lê Huỳnh Hoàng	Vân			7	8	8	7.8	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	17137077	Nguyễn Hoài	Vũ			0	7.5	5	4.8	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	17137079	Nguyễn An Hoàng	Vương			2	9	4	5.1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00736

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điều hòa không khí(207404)**

Số Tín Ch **3**

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 64 Số sinh viên vắng 01

Ngày 18 Tháng 8 Năm 2020

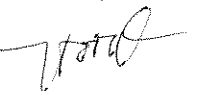
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

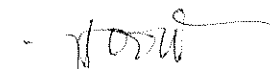
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


N.T. Hào


Nguyễn Thanh Hào


N.T. Hào


N.T. Hào

Hoc kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL						7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL						8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL						9.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL						8.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL						7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL						8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL						8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL						7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL						9.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL						8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL						8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL						8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17137018	Phạm Ngô Ngọc Duyệt	DH17NL						6.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL						9.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL						9.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL						7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án kỹ thuật lạnh (207412) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	17137026	PhanPhước Hoàng	DH17NL						8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL						8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL						8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL						8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL						7.7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
25	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL						8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL						7.2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	17137044	Cao Long	DH17NL						6.3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
29	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL						8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL						7.2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL						7.2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án kỹ thuật lạnh (207412) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL						7.2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ● ○ ○	○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
34	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL						8.8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
35	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL						8.1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
36	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL						8.1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
37	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL						7.2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
38	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL						8.1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
39	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL						8.1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
40	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL						7.2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
41	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL						8.8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
42	17137061	Mai Trí Tài	DH17NL						7.2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
43	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL						7.2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
44	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL						9.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
45	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL						8.6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
46	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL						9.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
47	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL						9.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
48	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL						8.1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án kỹ thuật lạnh (207412) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL						9.0	0012345678910	0123456789
50	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL						8.1	0012345678910	0223456789
51	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL						8.1	0012345678910	0223456789
52	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Văn	DH17NL						9.0	0012345678910	0123456789
53	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL						8.1	0012345678910	0223456789
54	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL						7.2	0012345678910	0103456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 54

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.T. Hào

Mã nhận dạng 00738

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Thiết bị lạnh(207416)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **01/09/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK				9	3	5.4	○○○1234●678910	○123●56789
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC				7	5.5	6.1	○○○12345●78910	○●23456789
3	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC				7	2	4.0	○○○123●5678910	●123456789
4	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC							○○○12345678910	○123456789
5	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK				7	4	5.2	○○○1234●678910	○1●3456789
6	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC				7	5.5	6.1	○○○12345●78910	○●23456789
7	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK				7	7	7.0	○○○123456●8910	●123456789
8	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC				7	6.5	6.7	○○○12345●78910	○123456●89
9	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC				8	3	5.0	○○○1234●678910	●123456789
10	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC							○○○12345678910	○123456789
11	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC				7	4	5.2	○○○1234●678910	○1●3456789
12	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC				9	2	4.8	○○○123●5678910	○1234567●9
13	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC				7	6	6.4	○○○12345●78910	○123●56789
14	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC				7	7	7.0	○○○123456●8910	●123456789
15	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC				8	3	5.0	○○○1234●678910	●123456789
16	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC				9	8	8.4	○○○1234567●910	○123●56789



Mã nhận dạng 00738

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Thiết bị lạnh(207416)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 01/09/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC				7	4	5.2	0012345678910	0123456789
18	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC				9	7	7.8	0012345678910	0123456789
19	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC				7	5.5	6.1	0012345678910	023456789
20	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC				7	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
21	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
22	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK							0012345678910	0123456789
23	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC				7	2	4.0	0012345678910	123456789
24	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC				7	4	5.2	0012345678910	0123456789
25	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC				7	6	6.4	0012345678910	0123456789
26	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC				7	2	4.0	0012345678910	123456789
27	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC				8	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
28	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC				8	2	4.4	0012345678910	0123456789
29	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
30	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC				7	0	2.8	0012345678910	0123456789
31	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC				8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
32	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC				8	2.5	4.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00738

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Thiết bị lạnh(207416)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **01/09/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118135	Đàng Năng San	U	<i>Sauze</i>			7	2.5	4.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	17118143	Nguyễn Hải	Vương	<i>Nguy</i>			7	6.0	6.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	17118145	Trần Văn Thanh	Xuân	<i>Xuan</i>			7	2	4.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 32 Số sinh viên vắng 3...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Phan Minh Hien *Nguyễn Văn Thanh*

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00739

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện(207425)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137002	Trương Quốc An	DH17NL			7		6	6,5	0012345678910	0123456789
2	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			7		8	7,7	0012345678910	0123456789
3	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			8		4	5,2	0012345678910	0123456789
4	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			8,5		6	6,8	0012345678910	0123456789
5	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			8,5		6	6,8	0012345678910	0123456789
6	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL			7		7	7	0012345678910	0123456789
7	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			8		5	5,9	0012345678910	0123456789
8	17137018	Phạm Ngô Ngọc Duyệt	DH17NL			V		V	V	0012345678910	0123456789
9	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			V		V	V	0012345678910	0123456789
10	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			7		8	7,7	0012345678910	0123456789
11	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD			8,5		8	8,2	0012345678910	0123456789
12	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			7		8	7,7	0012345678910	0123456789
13	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL			8,5		6	6,8	0012345678910	0123456789
14	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			8,5		7	7,5	0012345678910	0123456789
15	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			8,5		6	6,8	0012345678910	0123456789
16	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL			8		5	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00739

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện(207425)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137033	Phan Đình Huynh	DH17NL			8,5		5	6,1	0012345678910	0123456789
18	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL			7		5	5,6	0012345678910	0123456789
19	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL			8		6	6,6	0012345678910	0123456789
20	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			7,5		6	6,5	0012345678910	0123456789
21	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD			0		6	6,0	0012345678910	0123456789
22	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL			8,5		8	8,2	0012345678910	0123456789
23	17137044	Cao Long	DH17NL			7,5		6	6,5	0012345678910	0123456789
24	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			8,5		6	6,8	0012345678910	0123456789
25	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL			7		5	5,6	0012345678910	0123456789
26	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL			7		5	5,6	0012345678910	0123456789
27	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL			8,5		7	7,5	0012345678910	0123456789
28	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			8,5		5	6,1	0012345678910	0123456789
29	17137046	Nguyễn Na	DH17NL			8		6	6,6	0012345678910	0123456789
30	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL			8		5	5,9	0012345678910	0123456789
31	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL			7		7	7	0012345678910	0123456789
32	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			8,5		5	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00739

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện(207425)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 học %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL			7		6	6,3	0012345678910	0123456789
34	17137059	Phan Thị Thảo	DH17NL			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
35	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL			8		8	8	0012345678910	0123456789
36	17137061	Mai Trí Tài	DH17NL			8,5		4	3,4	0012345678910	0123456789
37	17137062	Lê Thị Cẩm	DH17NL			8		6	6,6	0012345678910	0123456789
38	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL			7		8	7,8	0012345678910	0123456789
39	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL			8		6	6,6	0012345678910	0123456789
40	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL			8		6	6,6	0012345678910	0123456789
41	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			8,5		6	6,8	0012345678910	0123456789
42	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL			8		8	8	0012345678910	0123456789
43	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL			7		7	7	0012345678910	0123456789
44	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL			8		6	6,6	0012345678910	0123456789
45	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL			8,5		5	6,1	0012345678910	0123456789
46	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			8,5		6	6,8	0012345678910	0123456789
47	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL			7		8	7,8	0012345678910	0123456789
48	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD			8,5		7	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00739

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện(207425)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 20/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137075	Lê Khắc Trung	DH17NL			7		5	5,6	0012345678910	0123456789
50	16137093	Lê Văn Tuấn	DH16NL			7		6	6,3	0012345678910	0123456789
51	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Văn	DH17NL			7		8	7,7	0012345678910	0123456789
52	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL			8		6	6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 5. Số sinh viên vắng 2.

Ngày 28 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

B. Nguyễn Khuyến

Ngày in : 07/07/2020



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thiết bị sấy/ Thiết bị lạnh (207427) - 02

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL				9.5	7.5	8.1	0012345678910	0123456789
2	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL				6	5.5	5.7	0012345678910	0123456789
3	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL							0012345678910	0123456789
4	16137005	Quách Đình Cầm	DH16NL				7	7	7.0	0012345678910	0123456789
5	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL				8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
6	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL				7	8	7.7	0012345678910	0123456789
7	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL				9	8	8.3	0012345678910	0123456789
8	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL				9	8	8.3	0012345678910	0123456789
9	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL				6	9	8.1	0012345678910	0123456789
10	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL				6	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
11	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL				6	5	5.3	0012345678910	0123456789
12	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL				5	6	5.7	0012345678910	0123456789
13	16137023	Võ Khắc Ghi	DH16NL				7	10	9.1	0012345678910	0123456789
14	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL				6	9.5	8.5	0012345678910	0123456789
15	16137030	Võ Trung Hiếu	DH16NL				6	8.5	7.8	0012345678910	0123456789
16	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL				4	7	6.1	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thiết bị sấy/ Thiết bị lạnh (207427) - 02

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
17	16137033	Nguyễn Quốc Học	DH16NL				8	8	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL				8	8.5	8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
19	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL				5	8.5	7.5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL				4	7	6.1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL				8	8	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL				6	7	6.7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
23	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL				4	9	7.5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
24	16137046	Lê Quang Linh	DH16NL				8	6	7.0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	16137047	Huỳnh Ngọc Linh	DH16NL				8	10	9.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL				9	6	6.9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
27	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL				7	6	6.3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
28	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL				6	6.5	6.4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
29	16137066	Đồng Ngọc Sơn	DH16NL				9	8.5	8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
30	16137072	Nguyễn Viết Thanh	DH16NL				6	6.5	6.4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
31	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL				5	6	5.7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
32	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL				10	8.5	9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thiết bị sấy/ Thiết bị lạnh (207427) - 02

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
34	16137089	Mai Trung Trường	DH16NL				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
35	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL				7	8.5	8.1	0012345678910	023456789
36	16137093	Lê Văn Tuấn	DH16NL				7	8.5	8.1	0012345678910	023456789
37	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
38	16137101	Phạm Văn Vĩ	DH16NL				7	7	7.0	0012345678910	0123456789
39	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
40	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL				/	/	/	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn:

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207429) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL						7.3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL						7.5	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	16137005	Quách Đình Cẩm	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL						9.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL						8.8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
10	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL						8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL						8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	16137023	Võ Khắc Ghi	DH16NL						9.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	16137030	Võ Trung Hiếu	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL						7.0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207429) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	16137033	Nguyễn Quốc Học	DH16NL						9.0	○○○12345678●10	●123456789
18	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL						9.5	○○○12345678●10	○12344●6789
19	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL						9.5	○○○12345678●10	○12344●6789
20	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL						9.0	○○○12345678●10	●123456789
21	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL						9.0	○○○12345678●10	●123456789
22	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL						9.0	○○○12345678●10	●123456789
23	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL						8.0	○○○1234567●910	●123456789
24	16137046	Lê Quang Lanh	DH16NL						9.0	○○○12345678●10	●123456789
25	16137047	Huỳnh Ngọc Linh	DH16NL						9.5	○○○12345678●10	○12344●6789
26	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL						9.0	○○○12345678●10	●123456789
27	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL						8.0	○○○1234567●910	●123456789
28	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL						9.0	○○○12345678●10	●123456789
29	16137066	Đồng Ngọc Sơn	DH16NL						9.5	○○○12345678●10	○12344●6789
30	16137072	Nguyễn Viết Thanh	DH16NL						8.5	○○○1234567●910	○12344●6789
31	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL						9.0	○○○12345678●10	●123456789
32	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL						9.5	○○○12345678●10	○12344●6789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207429) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL						9.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
34	16137089	Mai Trung Trường	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL						8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	16137093	Lê Văn Tuấn	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL						9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	16137101	Phạm Văn Vĩ	DH16NL						7.5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
39	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL						8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL						7.0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 38

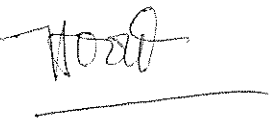
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

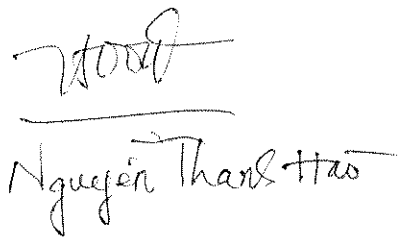
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2






Nguyễn Thanh Hào



Mã nhận dạng 00741

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK			9	4	7.5	7.1	00123456●8910	0●23456789
2	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			6	4.5	6.5	6.0	0012345●78910	●123456789
3	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			8	4.5	4	4.9	00123●5678910	012345678●
4	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			8	3	5	5.2	001234●678910	01●3456789
5	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			8	4	5	5.4	001234●678910	0123●56789
6	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			9	5	6	6.4	0012345●78910	0123●56789
7	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			8	4	1.5	3.3	0012●45678910	012●456789
8	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			6	5	6	5.8	001234●678910	01234567●9
9	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			9	5	4	5.2	001234●678910	01●3456789
10	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			9	4	8.5	7.7	00123456●8910	0123456●89
11	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			8	2	2.5	3.5	0012●45678910	01234●6789
12	17118046	Trần Khải	DH17CK			8	3.5	5.5	5.6	0012●45678910	012345●789
13	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			7	4	3.5	4.3	00123●5678910	012●456789
14	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			8	3	7	6.4	0012345●78910	0123●56789
15	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			9	4.5	5	5.7	001234●678910	0123456●89
16	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK			8	4.5	2.5	4.0	00123●5678910	●123456789



Mã nhận dạng 00741

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118061	Đào Phương	Nam	Nam		8	4.5	4	4.9	00123●5678910	012345678●
18	17118062	Phạm Văn	Nam	Nam		7	4	4	4.6	00123●5678910	012345●789
19	17118063	Trần Phương	Nam	OK		8	5	1.5	3.5	0012●45678910	01234●6789
20	17118064	Phan Trọng	Nghĩa	Phan		7	4.5	4	4.7	00123●5678910	0123456●89
21	17118065	Cao Quý	Nguyên	Quý		9	5	6.5	6.7	0012345●78910	0123456●89
22	17118066	Hoàng Trung	Nguyên	Trung		8	4.5	3.5	4.6	00123●5678910	012345●789
23	17118072	Nguyễn Minh	Nhật	Minh		7	4	4.5	4.9	00123●5678910	012345678●
24	17118076	Phan Lê Bảo	Phi	Phu		9	4	4.5	5.3	001234●678910	012●456789
25	17118078	Nguyễn Lê	Phong	Phu		8	3	3	4.0	00123●5678910	●123456789
26	17118080	Diệp Thanh	Phúc	Phu		7	4.5	3.5	4.4	00123●5678910	0123●56789
27	17118085	Nguyễn Đình	Phương	Phu		7	4.5	4.5	5.0	001234●678910	●123456789
28	17118090	Trương Công	Sinh	STW		9	5	7	7.0	00123456●8910	●123456789
29	17118094	Bùi Phụ	Tâm	Tam		9	4.5	5.5	6.0	0012345●78910	●123456789
30	17118095	Nguyễn Minh	Tâm	Tam		9	4	5.5	5.9	001234●678910	012345678●
31	17118096	Bùi Nhật	Tân	Phu		9	4.5	6	6.3	0012345●78910	012●456789
32	17118101	Vũ Trung	Thành	Thanh		8	3	8	7.0	00123456●8910	●123456789



Mã nhận dạng 00741

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118102	Lê Tấn Phú	Thạnh	Thạnh		7	4	5	5.2	001234●678910	01●3456789
34	17118103	Nguyễn Thừa	Thi	Thi		9	5.5	5	5.9	001234●678910	012345678●
35	17118104	Hồ Văn Kỳ	Thiên	Thi		9	5.5	5.5	6.2	0012345●678910	01●3456789
36	17118107	Bá Duy	Thịnh	Thịnh		8	5	1.5	3.5	0012●45678910	01234●6789
37	17118108	Nguyễn Chí	Thịnh	Thịnh		9	5	4	5.2	001234●678910	01●3456789
38	17118112	Lý Thanh	Thuận	Thịnh		9	5	4	5.2	001234●678910	01●3456789
39	17118115	Trần Nhật	Tiến	Tiến		8	5	1	3.2	0012●45678910	01●3456789
40	17118117	Hoàng Ngọc	Tín	Ark		9	4.5	6	6.3	0012345●678910	012●456789
41	17118118	Kiều Trọng	Tín	Tín		8	3	8	7.0	00123456●8910	●123456789
42	17118119	Trần Trọng	Toàn	Toàn	Bích	8	3	6.5	6.3	0012345●678910	012●456789
43	17118120	Nguyễn Quang	Trí	Trí		8	4	4	4.8	00123●5678910	01234567●9
44	17118125	Ngô Tùng	Trung	Trung		8	4	4	4.8	00123●5678910	01234567●9
45	17118137	Lê Đình	Việt	Việt		8	5	2.5	4.1	00123●5678910	0●23456789
46	17118140	Nguyễn Xuân	Vinh							0012345678910	0123456789
47	17118142	Vô Tấn	Vũ	Vũ		8	3	1.5	3.1	0012●45678910	0●2●456789



Mã nhận dạng 00741

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4 Số sinh viên vắng 1...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

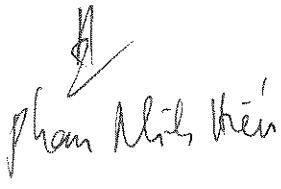
Cán bộ coi thi 1

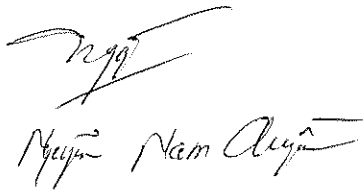
Cán bộ coi thi 2

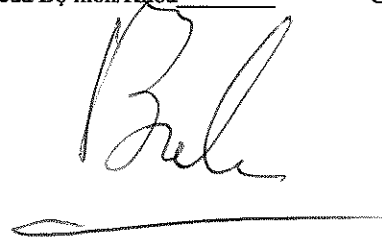
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

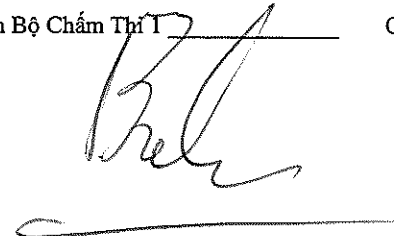
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Phan Minh Hiền


Nguyễn Nam An





Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00742

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_02

Tổ Thi 001_DH17NL_02

Tên CBGD Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			9	8	7	7.7	001234568910	012345689
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL			4	8	4	5.2	001234678910	013456789
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			8	8	6	7.0	001234568910	1123456789
4	16118010	Đình Quốc Ân	DH16CK			9	8.5	5	6.9	001234578910	012345678
5	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK			6	8.5	5	6.3	001234578910	012456789
6	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			10	8	2	5.4	001234678910	012356789
7	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			6	8	3	5.1	001234678910	023456789
8	17137006	Lưu Nhật Chí	DH17NL			3	8	4	5.0	001234678910	1123456789
9	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			7	9	4	6.1	001234578910	023456789
10	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL			7	8	5	6.3	001234578910	012456789
11	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK			5	8.5	4	5.6	001234678910	012345789
12	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL							0012345678910	0123456789
13	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			4	9	7	7.0	001234568910	1123456789
14	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			10	8.5	9	9.1	001234567810	023456789
15	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			10	8	7	7.9	001234568910	012345678
16	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			10	8	6	7.4	001234568910	012356789



Mã nhận dạng 00742

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_02**

Tổ Thi **001_DH17NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 điểm %	Đ2 điểm %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK			8	8.5	5	6.7	0012345678910	0123456789
18	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			7	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
19	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL			8	8.5	7	7.7	0012345678910	0123456789
20	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL			10	8	7	7.9	0012345678910	0123456789
21	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL			4	8	2	4.2	0012345678910	0123456789
22	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			0	9	2	3.7	0012345678910	0123456789
23	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			8	9	5	6.8	0012345678910	0123456789
24	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			2	8	6	5.8	0012345678910	0123456789
25	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL			10	9	6	7.7	0012345678910	0123456789
26	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL			2	9	5	5.6	0012345678910	0123456789
27	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			8	9	5	6.8	0012345678910	0123456789
28	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL			8	9	5	6.8	0012345678910	0123456789
29	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL			7.5	8.5	6	7.1	0012345678910	0123456789
30	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL			8	8	2	5.0	0012345678910	0123456789
31	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			10	8	7	7.9	0012345678910	0123456789
32	17137044	Cao Long	DH17NL			4	8.5	5	5.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00742

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch **3**

Nhóm Thi **DH17NL_02**

Tổ Thi

001_DH17NL_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 đo %	Đ2 đo %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			10	8	5	6.9	0012345678910	0123456789
34	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL			7.5	8.5	6	7.1	0012345678910	023456789
35	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL			4	8.5	5	5.9	0012345678910	0123456789
36	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL			7	9	5	6.6	0012345678910	0123456789
37	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			5	7	2	4.1	0012345678910	023456789
38	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL			9	9	5	7.0	0012345678910	123456789
39	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL			6	8	5	6.1	0012345678910	023456789
40	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL			9.5	9	5	7.1	0012345678910	023456789
41	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL			9	8	2	5.2	0012345678910	013456789
42	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			2	8.5	4	5.0	0012345678910	123456789
43	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			6	9	6	6.9	0012345678910	0123456789
44	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL			8	8	6	7.0	0012345678910	123456789
45	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL			6	9	5	6.4	0012345678910	012356789
46	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL			8	9	6	7.3	0012345678910	012456789
47	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL			10	9	10	9.7	0012345678910	012345689
48	17137061	Mai Trí Tài	DH17NL			0	8.5	4	4.6	0012345678910	012345789



Mã nhận dạng 00742

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_02**

Tổ Thi **001_DH17NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Hào**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 điểm %	Đ2 điểm %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137062	Lê Thị Cẩm	Thạch			10	9	8	8.7	0012345678910	0123456789
50	16118144	Nguyễn Minh	Thắng			6	8.5	6	6.8	0012345678910	0123456789
51	17137063	Võ Anh	Thi			8	8	4	6.0	0012345678910	0123456789
52	17137064	Đỗ Duy	Thiện			8	9	9	8.8	0012345678910	0123456789
53	17137065	Ngô Văn	Thịnh			8	9	7	7.8	0012345678910	0123456789
54	17137067	Nguyễn Công	Thức			8	8.5	6	7.2	0012345678910	0123456789
55	17137068	Trần Hữu	Tín			4	8.5	6	6.4	0012345678910	0123456789
56	17137070	Hồ Thị Đài	Trang			10	9	6	7.7	0012345678910	0123456789
57	17137071	Trần Thùy	Trang			10	9	8	8.7	0012345678910	0123456789
58	17137072	Nguyễn Hoàng Anh	Trí			3	9	5	5.8	0012345678910	0123456789
59	17137073	Nguyễn Hải	Triều			8	8.5	6	7.2	0012345678910	0123456789
60	17137074	Lê Phước	Trọng			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
61	17137075	Lê Khắc	Trung			2	8.5	2	4.0	0012345678910	0123456789
62	17115132	Lê Huỳnh Hoàng	Vân			8	9	6	7.3	0012345678910	0123456789
63	17137077	Nguyễn Hoài	Vũ			6	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
64	17137079	Nguyễn An Hoàng	Vương			8	9	8	5.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00742

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207430)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_02**

Tổ Thi

001_DH17NL_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 21 Tháng 8 Năm 2020

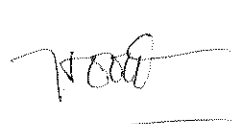
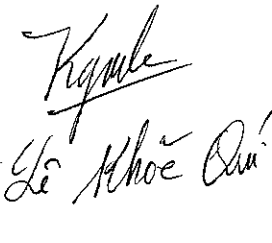
Cán bộ coi thi 1

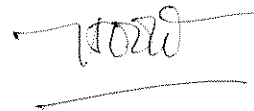
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Thanh Hào

Lê Khắc Quý




Nguyễn Thanh Hào

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00743

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207434)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CKC_01**

Tổ Thi

001_DH17CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	DH17CKC		6	9	5	6.0	0012345●78910	●123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	DH17CKC		7.5	9.5	6	7.0	00123456●8910	●123456789
3	17118160	Trần Á	Đông	DH17CKC		8	9	5	6.4	0012345●78910	0123●56789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	DH17CKC		8	9	6	7.0	00123456●8910	●123456789
5	17118161	Lê Minh	Hoàng	DH17CKC		7.5	9	4.5	6.0	0012345●78910	●123456789
6	17118165	Nguyễn Minh	Huy	DH17CKC		8	9	3	5.2	001234●678910	01●3456789
7	17115069	Đặng Xuân	Minh	DH17CKC		7	8.5	5	6.1	0012345●78910	0●23456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	DH17CKC		7	9	5	6.2	0012345●78910	01●3456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	DH17CKC		8.5	9	5.5	6.8	0012345●78910	01234567●9
10	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	DH17CKC		6.5	9	4	5.5	001234●678910	01234●6789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

Cao Đức Lộc



Mã nhận dạng 00744

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi

001_DH18NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137002	Nguyễn Công Bảo	DH18NL						/	0012345678910	0123456789
2	18137003	Bùi Hữu Bình	DH18NL			5	4	5	4,8	0012345678910	0123456789
3	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			6	6,5	9	7,9	0012345678910	0123456789
4	16137005	Quách Đình Cẩm	DH16NL			5	6,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
5	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			8,5	9,5	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
6	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			4	8	8,5	7,5	0012345678910	0123456789
7	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			9	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
8	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			4	9	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
9	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			6	6,5	9	7,7	0012345678910	0123456789
10	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			4	7	9	7,6	0012345678910	0123456789
11	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			10	9	10	9,8	0012345678910	0123456789
12	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			7	9	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
13	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			5	8	8	7,4	0012345678910	0123456789
14	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			4	9	8	7,4	0012345678910	0123456789
15	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL			5	7,5	7	6,7	0012345678910	0123456789
16	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			7,5	8,5	3	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00744

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi

001_DH18NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 80 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			4	6,5	4	4,5	0012345678910	0123456789
18	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			6	8,5	7	7,1	0012345678910	0123456789
19	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			5	6,5	7	6,5	0012345678910	0123456789
20	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			7	7	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
21	18137030	Trần Duy Nhật	DH18NL							0012345678910	0123456789
22	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			5	6,5	8,5	7,4	0012345678910	0123456789
23	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			4	6,5	7,5	6,6	0012345678910	0123456789
24	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL			5	7	8,5	7,5	0012345678910	0123456789
25	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			4	6,5	9	7,5	0012345678910	0123456789
26	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL			4	7,5	6	5,9	0012345678910	0123456789
27	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			5	9	6	6,4	0012345678910	0123456789
28	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			6,5	8	7	7,1	0012345678910	0123456789
29	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			4	6,5	9,5	7,8	0012345678910	0123456789
30	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			5	5,5	7,5	6,6	0012345678910	0123456789
31	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			10	9	10	9,8	0012345678910	0123456789
32	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			5	6,5	8,5	7,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00744

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi

001_DH18NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL			7	8,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
34	18137046	Phan Khánh	DH18NL			5	9	7	7,0	0012345678910	0123456789
35	18137047	Hồng Nguyễn Phi	DH18NL			7	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
36	16137091	Vũ Nhật	DH16NL			5	7,5	5	5,5	0012345678910	0123456789
37	16137101	Phạm Văn	DH16NL			5	8	4	5,0	0012345678910	0123456789
38	16137103	Cao Nguyễn Xuân	DH16NL			7	8,5	4	5,5	0012345678910	0123456789
39	18137049	Lê Kim	DH18NL						/	0012345678910	0123456789
40	16137105	Nguyễn Hữu Anh	DH16NL			7	7,5	3,5	5	0012345678910	0123456789
41	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL			7	9,5	10	9,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3. Số sinh viên vắng 0.3

Ngày 26 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			10		9	9.2	0012345678910	0123456789
2	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
3	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
4	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
5	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
6	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
7	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			5		8	7.4	0012345678910	0123456789
8	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
9	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
10	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
11	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
12	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
13	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			10		5	6.0	0012345678910	0123456789
14	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			10		5	6.0	0012345678910	0123456789
15	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			10		5	6.0	0012345678910	0123456789
16	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
18	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
19	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
20	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
21	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
22	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
23	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
24	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
25	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
26	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD			5		5	5.0	0012345678910	0123456789
27	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
28	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD			5		6	5.8	0012345678910	0123456789
29	16138062	Nguyễn Đình Trục Nhân	DH16TD			10		5	6.0	0012345678910	0123456789
30	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
31	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD			10		5	6.0	0012345678910	0123456789
32	17138039	Lê Quang Phiếu	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138064	Mai Bùi Hồng Phúc	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
34	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
35	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
36	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
37	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD			10		8	8.6	0012345678910	0123456789
38	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
39	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
40	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
41	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			5/10		7	6.6	0012345678910	0123456789
42	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD			10		9	9.2	0012345678910	0123456789
43	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
44	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD			10		6	6.8	0012345678910	0123456789
45	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
46	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			10		8	8.6	0012345678910	0123456789
47	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789
48	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD			10		7	7.6	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138058	Nguyễn Đình Trọng	DH17TD							0012345678910	0123456789
50	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD			10		8	8.4	0012345678910	0123456789
51	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD			10		5	6.0	0012345678910	0123456789
52	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD							0012345678910	0123456789

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Handwritten signature]

Nguyễn Trần Phú



Mã nhận dạng 00541

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 04

CBGD: Nguyễn Trần Phú (829)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC					9	9	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC					9	9	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC					8	8	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC					7	7	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC					8	8	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC					9	9	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC					6	6	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC					8	8	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC					7	7	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái Vi	DH17CKC					10	10	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Trần Phú



Mã nhận dạng 00548



Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

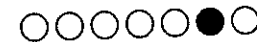
CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

Môn học - Nhóm: Thực hành CNC (207601) - 01

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 70%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			10	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
2	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD			0	0,5	0,4	0012345678910	0123456789
3	17153013	Hà Công Định	DH17CD			10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
4	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			10	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
5	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD			10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
6	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD			10	9	9,3	0012345678910	0123456789
7	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD			10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
8	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD			10	8	8,6	0012345678910	0123456789
9	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD			10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
10	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD			6	10	8,8	0012345678910	0123456789
11	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD			10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
12	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD			10	8,5	9,0	0012345678910	0123456789
13	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			10	9	9,3	0012345678910	0123456789
14	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD			9	2	4,1	0012345678910	0123456789
15	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			10	9	9,3	0012345678910	0123456789
16	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD			10	10	10,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00548



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Phan Minh Hiền (837)

Môn học - Nhóm: Thực hành CNC (207601) - 01

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 70%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
18	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			7	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
19	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD			8	6	6,6	0012345678910	0123456789
20	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD			9	9	9,0	0012345678910	0123456789
21	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	DH16CD			10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
22	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			10	8,5	9,0	0012345678910	0123456789
23	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			10	9	9,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hiền
Phan Minh Hiền



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

Môn học - Nhóm: Thực hành CNC (207601) - 02

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD			10		9,5	9,7	0012345678910	0123456789
2	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD			10		10	10,0	0012345678910	0123456789
3	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD			10		10	10,0	0012345678910	0123456789
4	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD			10		6,5	7,6	0012345678910	0123456789
5	14153068	Nguyễn Hoàng Anh Chiến	DH14CD			8		8	8,0	0012345678910	0123456789
6	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD			5		8	7,1	0012345678910	0123456789
7	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD			9		9	9,0	0012345678910	0123456789
8	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			9		7,5	8,0	0012345678910	0123456789
9	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			10		8	8,6	0012345678910	0123456789
10	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
11	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD			10		8	8,6	0012345678910	0123456789
12	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD			10		9,5	9,7	0012345678910	0123456789
13	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD			10		10	10,0	0012345678910	0123456789
14	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			7		8,5	8,1	0012345678910	0123456789
15	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD			10		10	10,0	0012345678910	0123456789
16	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			8		7,5	7,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

Môn học - Nhóm: Thực hành CNC (207601) - 02

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm 70%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD			10		9,5	9,7	0012345678●10	0123456●89
18	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			9		5,5	6,6	0012345●78910	012345●789
19	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			10		9	9,3	0012345678●10	012●456789
20	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD			5		5,5	5,4	001234●678910	0123●56789
21	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			10		7	7,9	00123456●8910	012345678●
22	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD			9		10	9,7	0012345678●10	0123456●89
23	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD			10		8	8,6	001234567●910	012345●789
24	17153075	Lê Quốc Trạng	DH17CD			10		9,5	9,7	0012345678●10	0123456●89
25	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD			10		10	10,0	00123456789●	●123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hiếu
Phan Minh Hiếu



Mã nhận dạng 00755

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CB_01**

Tổ Thi **001_DH18CB_01**

Tên CBGD **Đào Duy Vinh**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ	
1	14118004	Đồng Văn	Bảo	DH14CK						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	17153005	Lê Hoàng	Bảo	DH17CD				8,5	9,5	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18153005	Phan Chí	Bảo	DH18CD				3,0	8,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18115009	Trần Công	Bình	DH18CB						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	17138002	Trần Thanh	Bình	DH17TD				5,5	8,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17138006	Nguyễn Mạnh	Cường	DH17TD				7,0	7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15118009	Nguyễn Quốc	Cường	DH15CK				3,5	6,0	5,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	17138007	Trần Quang	Đại	DH17TD			0,5	8,0	7,0	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17138009	Huỳnh Minh	Định	DH17TD				6,5	8,0	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	17138015	Lưu Thanh	Hiền	DH17TD				8,5	8,0	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	17138016	Hồ	Hiền	DH17TD				5,5	9,5	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	17138020	Trịnh Minh	Hiếu	DH17TD				2,0	7,5	5,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17138022	Trần Minh	Huân	DH17TD				4,5	9,0	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	17153035	Dương Quốc	Khánh	DH17CD				10	10	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17138025	Nguyễn Văn	Khánh	DH17TD				7,5	7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17138028	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	DH17TD				6,5	10	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00755

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CB_01**

Tổ Thi

001_DH18CB_01

Tên CBGD

Đào Duy Vinh

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30 %	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD	<i>Long</i>			6,5	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
18	18115061	Đoàn Quốc Luận	DH18CB	<i>Luân</i>			3,0	5,5	4,8	0012345678910	0123456789
19	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD	<i>Nam</i>			8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
20	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD	<i>NL</i>			6,5	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
21	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD	<i>KL</i>			10	10	10,0	0012345678910	0123456789
22	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD	<i>NH</i>			4,5	7,5	6,6	0012345678910	0123456789
23	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD	<i>Ph</i>			6,5	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
24	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD	<i>Phat</i>			5,0	8,5	7,5	0012345678910	0123456789
25	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD	<i>Phu</i>			8,5	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
26	18115078	Vũ Như Phương	DH18CB	<i>Phu</i>			2,5	6,0	5,0	0012345678910	0123456789
27	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD	<i>Ph</i>			6,5	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
28	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD	<i>Sang</i>			2,0	8,0	6,2	0012345678910	0123456789
29	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD	<i>Th</i>			5,5	9,0	8,0	0012345678910	0123456789
30	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD	<i>Th</i>			9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
31	18115089	Đào Như Thịnh	DH18CB	<i>Thinh</i>			5,5	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
32	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD	<i>Th</i>			4,0	7,5	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00755

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CB_01**

Tổ Thi **001_DH18CB_01**

Tên CBGD **Đào Duy Vinh**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD				7,0	9,5	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
34	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD				9,0	9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD				4,5	6,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
36	17118125	Ngô Tùng	DH17CK				10	9,0	9,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
37	17138060	Trương Tuấn	DH17TD				5,0	9,5	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
38	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD				10	10	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	17118142	Võ Tấn	DH17CK			1	4,5	8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD				10	10	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 38 Số sinh viên vắng 2

Ngày 10 Tháng 09 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền

Nguyễn Văn Công Chính

TH.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Phan Minh Hiền

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00756

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi

001_DH18CD_02

Tên CBGD

Đào Duy Vinh

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD	<i>Anh</i>			5,5	2,0	3,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD	<i>Bao</i>			4,5	3,0	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD	<i>Bao</i>			7,5	3,0	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
5	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK	<i>Bao</i>			9,0	9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD	<i>B</i>			9,0	9,5	9,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
7	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD	<i>Chi</i>			5,5	8,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
8	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD	<i>Chi</i>			10	9,5	9,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
9	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD	<i>Cuong</i>			1,5	4,5	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD	<i>Du</i>			7,5	2,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD	<i>Duoc</i>			3,0	9,0	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
12	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD	<i>Duoc</i>			6,0	8,5	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
13	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD	<i>Dat</i>			6,0	4,0	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
14	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD	<i>Dang</i>			2,0	9,5	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
15	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD	<i>Duc</i>			7,5	4,0	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD	<i>Giang</i>			2,5	7,0	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9



Mã nhận dạng 00756

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi **001_DH18CD_02**

Tên CBGD **Đào Duy Vinh**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD				8,0	7,0	7,3	0012345678910
18	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD				7,0	9,5	8,8	0012345678910
19	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD				9,0	9,0	9,0	0012345678910
20	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD				5,5	8,5	7,6	0012345678910
21	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD				0,0	2,0	1,4	0012345678910
22	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK				8,5	8,0	8,2	0012345678910
23	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD				0,0	2,0	1,4	0012345678910
24	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD				9,5	9,0	9,2	0012345678910
25	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD				2,0	9,5	7,3	0012345678910
26	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD				6,0	10	8,8	0012345678910
27	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD				9,0	9,5	9,4	0012345678910
28	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD				2,0	3,5	3,1	0012345678910
29	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD				3,0	9,5	7,6	0012345678910
30	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD				4,5	6,5	5,9	0012345678910
31	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD				2,0	4,0	3,4	0012345678910
32	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD				9,5	7,0	7,8	0012345678910



Mã nhận dạng 00756

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi **001_DH18CD_02**

Tên CBGD **Đào Duy Vinh**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD	<i>Chúc</i>			2,5	6,0	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD	<i>Khoa</i>			1,0	6,0	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD	<i>Khôi</i>			5,5	6,5	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
36	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD	<i>Lâm</i>			9,0	10	9,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
37	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD	<i>Lâm</i>			9,5	8,5	8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
38	14153024	Ngô Tường Lâm	DH14CD							● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
39	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD	<i>Linh</i>			5,5	9,0	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
40	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD	<i>Long</i>			9,5	10	9,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
41	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD	<i>Long</i>			5,5	5,0	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD	<i>Mẫn</i>			5,0	9,5	8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
43	16118102	Phạm Nhựt Minh	DH16CK	<i>Minh</i>			3,0	0,0	0,9	○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
44	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD	<i>Nghĩa</i>			4,0	6,0	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
45	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD	<i>Nhựt</i>			5,5	8,5	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
46	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD	<i>Nhựt</i>			9,0	9,0	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
47	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD	<i>Phong</i>			7,5	9,0	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
48	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD	<i>Phú</i>			1,0	9,5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 00756

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi

001_DH18CD_02

Tên CBGD

Đào Duy Vinh

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD				6,0	9,5	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD				2,5	7,0	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
51	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD				6,0	8,0	7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	18153061	Mai Diệp Quốc	DH18CD							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD				4,5	5,0	4,9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
54	18153063	Tôn Thế Trung Sơn	DH18CD							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
55	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK				8,0	9,0	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
56	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD				0,0	5,0	3,5	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
57	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD				0,5	3,5	2,6	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
58	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD				5,0	9,5	8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
59	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD				6,0	9,0	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
60	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD				9,5	9,0	9,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
61	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD				4,5	4,0	4,2	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
62	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD				10	10	10,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ●	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
63	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD				8,0	9,5	9,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
64	18153073	Nguyễn Tấn Thuận	DH18CD			0,5	7,5	8,0	8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 00756

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi **001_DH18CD_02**

Tên CBGD **Đào Duy Vinh**

Ngày Thi **20/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17153075	Lê Quốc	Trạng	DH17CD	Tray	0,5	10	9,0	9,8	0012345678910
66	15118114	Lê Đức	Trí	DH15CK	Đ				0012345678910	00123456789
67	18153077	Nguyễn Minh	Trí	DH18CD	Minh		2,5	9,5	7,4	0012345678910
68	17138059	Nguyễn Chí	Trung	DH17TD	Chí		6,0	8,0	7,4	0012345678910
69	18153078	Tô Trung	Trúc	DH18CD	Trúc		2,5	7,0	5,7	0012345678910
70	17138061	Bùi Anh	Tuấn	DH17TD					0012345678910	00123456789
71	18153082	Hà Minh	Tùng	DH18CD	Tùng		2,5	7,0	5,7	0012345678910
72	18153083	Phạm Khải	Tường	DH18CD	Khải		9,0	7,5	8,0	0012345678910
73	17153079	Võ Quốc	Việt	DH17CD	Việt		10	10	10,0	0012345678910
74	17153080	Hoàng Thanh	Vương	DH17CD	Thanh	0,75	8,0	9,5	9,8	0012345678910
75	18153086	Nguyễn Việt	Ý	DH18CD	Việt		8,0	9,5	9,1	0012345678910

Số sinh viên dự thi 69 Số sinh viên vắng 06

Ngày 10 Tháng 09 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 07/07/2020

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Phạm Minh Hiền



Mã nhận dạng 00760

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD			8	10	7	8.0	0012345678910	0123456789
2	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK					✓	✓	0012345678910	0123456789
3	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			8	10	8	8.6	0012345678910	0123456789
4	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL					✓	✓	0012345678910	0123456789
5	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK			8	10	7.5	8.3	0012345678910	0123456789
6	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			8	10	10	9.8	0012345678910	0123456789
7	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL			8	9	4	5.9	0012345678910	0123456789
8	18454004	Trần Ngọc Hải	LT18OT			8	9	8.0	8.3	0012345678910	0123456789
9	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD					✓	✓	0012345678910	0123456789
10	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK			8	7.5	1.0	3.7	0012345678910	0123456789
11	18454007	Huỳnh Ngọc Hiếu	LT18OT			8	10	5.0	6.8	0012345678910	0123456789
12	14118026	Nguyễn Đức Hiếu	DH14CK			7	8	9	8.5	0012345678910	0123456789
13	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC			8	10	5.0	6.8	0012345678910	0123456789
14	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			7	10	1.0	4.3	0012345678910	0123456789
15	15137029	Phạm Đăng Huy	DH15NL			7	8	0.5	3.4	0012345678910	0123456789
16	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			8	10	4	6.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00760

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Phương pháp số(207615)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16137034	Nguyễn Nho Hung	DH16NL			8	10	3.0	5.6	0012345678910	0123456789
18	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			8	7	3.0	4.7	0012345678910	0123456789
19	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD			8	10	8.0	8.6	0012345678910	0123456789
20	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			9	10	7.0	8.1	0012345678910	0123456789
21	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK					✓	✓	0012345678910	0123456789
22	18118064	Kiều Minh Trí	DH18CK			8	10	1.0	4.4	0012345678910	0123456789
23	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			8	8	1.0	3.8	0012345678910	0123456789
24	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			8	8	1.0	3.8	0012345678910	0123456789
25	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			8	10	1.0	4.4	0012345678910	0123456789
26	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			7	10	3.0	5.5	0012345678910	0123456789
27	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			8	10	5.5	7.1	0012345678910	0123456789
28	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK			8	10	1.0	4.4	0012345678910	0123456789
29	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			8	10	9.0	9.2	0012345678910	0123456789
30	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			8	10	10	9.8	0012345678910	0123456789
31	18454009	Lê Hữu Nhân	LT18OT			8	10	5.0	6.8	0012345678910	0123456789
32	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			8	9	5.0	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00760

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

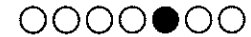
Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK	<i>Phi</i>	8	7	1.0	3.5	0012345678910	0123456789
34	18118112	Lê Văn	Quang	DH18CK	<i>Q</i>	8	9	1.0	4.1	0012345678910	0123456789
35	18454018	Lê Minh	Quý	LT18OT	<i>Ly</i>	8	10	7.0	8.0	0012345678910	0123456789
36	18118124	Nguyễn Khắc	Tân	DH18CK	<i>Ng</i>	8	7.5	1.0	3.7	0012345678910	0123456789
37	17153065	Phan Trọng	Thái	DH17CD	<i>Phan</i>	8	10	10	9.8	0012345678910	0123456789
38	17153066	Đào Minh	Thành	DH17CD	<i>Đ</i>	8	10	8.0	8.6	0012345678910	0123456789
39	18118135	Nguyễn Chí	Thành	DH18CK	<i>N</i>	8	10	7.0	8.0	0012345678910	0123456789
40	18118138	Đặng Đoàn Minh	Thi	DH18CK	<i>Đ</i>	8	10	7.0	8.0	0012345678910	0123456789
41	18454014	Võ Lê Phú	Thiện	LT18OT	<i>V</i>	7	7	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
42	18118144	Trần Phước	Thịnh	DH18CK	<i>T</i>	8	9	1.0	4.1	0012345678910	0123456789
43	15118103	Nguyễn Hữu	Thọ	DH15CC	<i>N</i>	8	5	1.0	2.9	0012345678910	0123456789
44	14154059	Phạm Văn	Thức	DH14OT	<i>P</i>	7	7.5	1.0	3.6	0012345678910	0123456789
45	18118154	Bùi Thanh	Tiến	DH18CK				✓	✓	0012345678910	0123456789
46	17153076	Phạm Ngọc	Triệu	DH17CD	<i>P</i>	8	9	10	9.5	0012345678910	0123456789
47	15137064	Đỗ Bảo	Trọng	DH15NL				✓	✓	0012345678910	0123456789
48	18454011	Lê Sỹ Đình	Trung	LT18OT	<i>L</i>	8	10	7.0	8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00760

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Phương pháp số(207615)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH18CK_01** Tổ Thi **001_DH18CK_01** Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**
Ngày Thi **21/08/2020** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **TV102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			8	10	7	8.0	0012345678910	0123456789
50	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL			7	5	4	4.6	0012345678910	0123456789
51	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			8	10	10	9.8	0012345678910	0123456789
52	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			8	10	10	9.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 46 Số sinh viên vắng 0

Ngày 20 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Tấn Phúc

Phan Minh Hiền

Trần Thị Kim Nga

Nguyễn Tấn Phúc

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00761

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật ROBOT(207621)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi **001_DH16CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25 %	Đ2 25 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD			10	9	9.0	9.3	0012345678910	0123456789
2	16153005	Võ Thái Công	DH16CD			10	9	5.0	7.3	0012345678910	0123456789
3	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			10	9	9	9.3	0012345678910	0123456789
4	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD			10	8	8	8.5	0012345678910	0123456789
5	14153070	Mai Thạch Dữ	DH14CD			7.5	9	6	7.1	0012345678910	0123456789
6	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			4	4	8.5	6.3	0012345678910	0123456789
7	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD			5	7	8.5	7.3	0012345678910	0123456789
8	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD			7	8	8	7.8	0012345678910	0123456789
9	11153019	Lê Hoàng Khải	DH13CD			8	9	3	5.8	0012345678910	0123456789
10	14153029	Hàng Lực	DH14CD			7.5	9	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
11	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD			7.5	7	9	8.1	0012345678910	0123456789
12	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD			5	7	8	7.0	0012345678910	0123456789
13	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD			10	9	5	7.3	0012345678910	0123456789
14	15153052	Nguyễn Trung Minh Quân	DH15CD			10	9	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
15	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD			7.5	8	4	5.9	0012345678910	0123456789
16	16153082	Tô Thanh	DH16CD			7.5	8	9	8.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00761

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật ROBOT(207621)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16153093	Nguyễn Lê	Tĩnh			7.5	7	10	8.6	0012345678910	0123456789
18	16153094	Nguyễn Vũ	Tĩnh			8	8	8	8.0	0012345678910	0123456789
19	15153070	Lê Bá	Trọng			4	7.5	7.5	6.6	0012345678910	0123456789
20	16153100	Lê Anh	Tuấn			10	7.5	7.5	8.1	0012345678910	0123456789
21	16153102	Nguyễn Minh	Tuấn			8	7.5	6	6.9	0012345678910	0123456789
22	16153107	Lâm Văn	Vinh			8	7.5	4	5.9	0012345678910	0123456789
23	16153108	Huỳnh Tấn	Vũ			7.5	8	8	7.9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 20 Tháng 8 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Tấn Phúc

Nguyễn Tấn Phúc

Trần Thị Kim Ngân

Nguyễn Tấn Phúc

Nguyễn Văn Ngọc Thạch

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00562

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207627) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD						8.3	0012345678910	0123456789
2	16153005	Võ Thái Công	DH16CD						7.8	0012345678910	0123456789
3	15153007	Lê Công Danh	DH15CD						8.0	0012345678910	0123456789
4	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD						8.5	0012345678910	0123456789
5	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD						8.0	0012345678910	0123456789
6	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD						7.7	0012345678910	0123456789
7	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD						7.8	0012345678910	0123456789
8	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD						✓	0012345678910	0123456789
9	11153019	Lê Hoàng Khải	DH13CD						8.3	0012345678910	0123456789
10	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD						8.0	0012345678910	0123456789
11	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD						8.5	0012345678910	0123456789
12	15153052	Nguyễn Trung Minh Quân	DH15CD						8.5	0012345678910	0123456789
13	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD						7.8	0012345678910	0123456789
14	16153082	Tô Thanh	DH16CD						8.7	0012345678910	0123456789
15	16153093	Nguyễn Lê Tình	DH16CD						7.8	0012345678910	0123456789
16	16153094	Nguyễn Vũ Tình	DH16CD						8.5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207627) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	16153100	Lê Anh Tuấn	DH16CD						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD						8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD						8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Can bộ coi thi 1



Nguyễn Tân Phúc

Nguyen Dang (Chm)

Nguyễn
Trần Thị Nguyễn


 Nguyễn Tân Phúc


Nguyễn Anh Khoa



Mã nhận dạng 00765

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Cơ sở kỹ thuật robot(207628)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **001_DH17TD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Tấn Phúc**

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD	An		9	8	6.0	6.9	0012345678910	0123456789
2	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD	Anh		8	9	8.0	8.3	0012345678910	0123456789
3	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD	Bao		8	9	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
4	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD	Bao		8	9	8.0	8.3	0012345678910	0123456789
5	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD	Bac		8	10	6.0	7.4	0012345678910	0123456789
6	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD	Bui		8	9	4.0	5.9	0012345678910	0123456789
7	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD	Binh		8	10	9.0	9.2	0012345678910	0123456789
8	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD	Cuong		8	6	8.0	7.4	0012345678910	0123456789
9	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD	Cuong		8	6	2.0	3.8	0012345678910	0123456789
10	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD	Cuong		8	8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
11	15153007	Lê Công Danh	DH15CD	Danh		8	9	4.0	5.9	0012345678910	0123456789
12	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD	Dung		8	8	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
13	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD	Duong		8	10	4.0	6.2	0012345678910	0123456789
14	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD	Da		8	9	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
15	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD	Dat		8	10	9.0	9.2	0012345678910	0123456789
16	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD	Doc		8	10	4.0	6.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00765

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_02

Tổ Thi 001_DH17TD_02

Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD			8	9	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
18	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD			9	8	6.0	6.9	0012345678910	0123456789
19	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD			8	8	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
20	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			8	10	3.0	5.6	0012345678910	0123456789
21	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			8	10	6.0	7.4	0012345678910	0123456789
22	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			8	10	3.0	5.6	0012345678910	0123456789
23	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			8	8	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
24	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			8	0	2.0	2.0	0012345678910	0123456789
25	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD			8	7	8.5	8.0	0012345678910	0123456789
26	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			8	9	4.0	5.9	0012345678910	0123456789
27	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD			8	7	4.0	5.3	0012345678910	0123456789
28	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD			8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
29	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD			8	10	6.0	7.4	0012345678910	0123456789
30	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD			9	10	9.0	9.3	0012345678910	0123456789
31	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD			8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
32	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			8	7	6.0	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00765

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628) Số Tin Ch 3
Nhóm Thi DH17TD_02 Tổ Thi 001_DH17TD_02 Tên CBGD Nguyễn Tấn Phúc
Ngày Thi 17/08/2020 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138028	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	DH17TD		8	10	6.0	7.4	0012345678910	0123456789
34	16138048	K'Pă	Krim	DH16TD		8	7	2.0	4.1	0012345678910	0123456789
35	17153040	Đặng Ngọc	Lâm	DH17CD		8	10	6.0	7.4	0012345678910	0123456789
36	17138030	Phan Nguyễn Hoàng	Long	DH17TD		8	10	8.0	8.6	0012345678910	0123456789
37	17138033	Lê Nguyễn Hoài	Nam	DH17TD		8	9	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
38	17138034	Tạ Đình	Nam	DH17TD		8	9	3.0	5.3	0012345678910	0123456789
39	17153046	Ngô Thiên	Nghĩa	DH17CD		8	9	5.0	6.5	0012345678910	0123456789
40	17138035	Dương Hoàng	Nguyên	DH17TD		8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
41	15138045	Bùi Minh	Nhật	DH15TD		8	6	0.5	2.9	0012345678910	0123456789
42	17138036	Huỳnh Kim	Ninh	DH17TD		8	9	4.0	5.9	0012345678910	0123456789
43	17138037	Bùi Trung	Pháp	DH17TD		8	10	4.0	6.2	0012345678910	0123456789
44	17138038	Trần Huy	Phát	DH17TD		8	10	8.0	8.6	0012345678910	0123456789
45	17138039	Lê Quang	PHiểu	DH17TD		8	7	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
46	17153057	Nguyễn Đức	Phúc	DH17CD		8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
47	17138041	Trần Duy	Phương	DH17TD		8	8	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
48	16153067	Hoàng Lê Minh	Quân	DH16CD		8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00765

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_02

Tổ Thi

001_DH17TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
50	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD			8	9	9.0	8.9	0012345678910	0123456789
51	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			8	9	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
52	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD			8	7	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
53	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD			8	9	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
54	14153125	Lưu Đức Thái	DH14CD			8	9	4.0	5.9	0012345678910	0123456789
55	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD			8	8	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
56	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD			8	9	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
57	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			8	8	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
58	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			9	10	6.0	7.5	0012345678910	0123456789
59	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD			8	7	5.0	5.9	0012345678910	0123456789
60	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD			8	8	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
61	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD			8	9	6.0	7.1	0012345678910	0123456789
62	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD			8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
63	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD			8	10	10	9.8	0012345678910	0123456789
64	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD			8	10	6.0	7.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00765

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật robot(207628)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_02

Tổ Thi

001_DH17TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Tấn Phúc

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17153074	Phan Nguyễn Trung	Toàn	<i>Toàn</i>		8	9	4.0	5.9	0012345678910	0123456789
66	17153075	Lê Quốc	Trạng	<i>Trạng</i>		9	10	4.0	6.3	0012345678910	0123456789
67	17138057	Đào Bá Khánh	Trình	<i>Trình</i>		8	4	4.0	4.4	0012345678910	0123456789
68	17138058	Nguyễn Đình	Trọng	<i>Trọng</i>				✓		0012345678910	0123456789
69	17138059	Nguyễn Chí	Trung	<i>Trung</i>		8	7	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
70	17138060	Trương Tuấn	Tú	<i>Tú</i>		8	7	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
71	17138061	Bùi Anh	Tuấn	<i>Tuấn</i>				✓		0012345678910	0123456789
72	17153079	Võ Quốc	Việt	<i>Việt</i>		8	10	6.0	7.4	0012345678910	0123456789
73	17153080	Hoàng Thanh	Vương	<i>Thanh</i>		8	7	5.0	5.9	0012345678910	0123456789
74	17153081	Dương Bảo	Ý	<i>Ý</i>		8	9	9.0	8.9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 72 Số sinh viên vắng 02

Ngày 17 Tháng 08 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

Nguyễn Tấn Phúc

Ngô Văn Ngọc Thạch
Ngô Nam Cường

Trần Thị Kim Nga

Nguyễn Tấn Phúc

Ngô Văn Ngọc Thạch